

Tuyên Quang

Năm thứ 1

Số 4

Tháng 4

Năm 2026

CƠ QUAN CỦA ĐẢNG BỘ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TỈNH TUYÊN QUANG
TIẾNG NÓI CỦA ĐẢNG BỘ, CHÍNH QUYỀN VÀ NHÂN DÂN TUYÊN QUANG

Hằng tháng



Viết tiếp
câu chuyện hòa bình



Tranh bìa: NIỀM VUI THỐNG NHẤT
họa sỹ Đỗ Như Điềm

Ban Biên tập

Mai Đức Thông
Ngô Thị Thu Hà
Nguyễn Bình Minh
Nguyễn Thị Hoài Yên
Mai Ngọc Quỳnh
Nguyễn Thị Minh Tuyên
Trịnh Thủy Châu
Chúc Ngọc Huyền
Lưu Văn Thanh

Chế bản điện tử và mi trang:
Tổ kỹ thuật vi tính Báo Tuyên Quang

Tòa soạn:

Trụ sở chính: Số 219,
đường Tân Trào, phường Minh Xuân,
tỉnh Tuyên Quang

Email:

baotuyenquang.com.vn@gmail.com

Giấy phép xuất bản:

Số: 107/GP-SVHTTDL do Sở Văn hóa,
Thể thao và Du lịch tỉnh Tuyên Quang
Cấp ngày 05-12-2025

Khổ:

22 x 28,5 cm
72 trang

In tại:

Công ty TNHH MTV in
Tạp chí Cộng sản

Giá: 4.500 đồng

3-9 THEO DÒNG THỜI SỰ

- 3: Trọng trách kiến tạo tương lai
- 4-5: Kỷ nguyên mới và cải cách thể chế: Nhất thể hóa chức danh lãnh đạo và quản trị Việt Nam
- 6-7: Tiếp nối ý chí Diên Hồng
- 8-9: Bộ máy mới - kỳ vọng mới

10-17 TIÊU ĐIỂM

- 10-11: Vẹn nguyên khát vọng hòa bình
- 12-13: Mệnh lệnh từ trái tim
- 14-15: Ký ức của Mẹ
- 16-17: Trên điểm cao 468

18-25 MIỀN DI SẢN

- 18-19: “Dù ai đi ngược về xuôi...”
- 20-21: Nhà sàn chiến khu xưa
- 22-23: Hành trình của lòng biết ơn
- 24-25: Người giữ bài thuốc cổ ở Tân Trào

26-29 HÀNH TRÌNH XỨ TUYÊN

- 26-27: Điểm đến hấp dẫn
- 28-29: Sông Lô nổi những bến bờ

30-41 VĂN HỌC - NGHỆ THUẬT

- 30-31: Miền Sáng
- 36-37: Đại tá, nhà văn Nguyễn Khắc Nguyệt và ký ức tháng Tư
- 38-39: NSND Đức Liên: Văn hóa càng phát triển càng phải dựa vào truyền thống
- 40-41: Những lá thư thời chiến



42-47 NHỊP SỐNG KINH TẾ

- 42-43: Doanh nghiệp ứng phó với khủng hoảng năng lượng
- 44-45: Cuộc thanh lọc dòng vốn đầu cơ
- 46-47: Chè 3 cực Khau Mút

48-53 GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI

- 50-51: Sợi dây tâm linh
- 52-53: Bữa cơm gia đình yêu thương
- 54-55: Người cao tuổi tập làm... Gen Z

56-57 CUỘC SỐNG SỐ

- 56-57: Kể chuyện lịch sử bằng công nghệ số

58-61 PHÓNG SỰ - ĐIỀU TRA

- 58-59: Ký ức “địa ngục trần gian”
- 60-61: Chuyện “đầu loa” bên sông Bến Hải

62-65 NẮNG BIÊN CƯƠNG

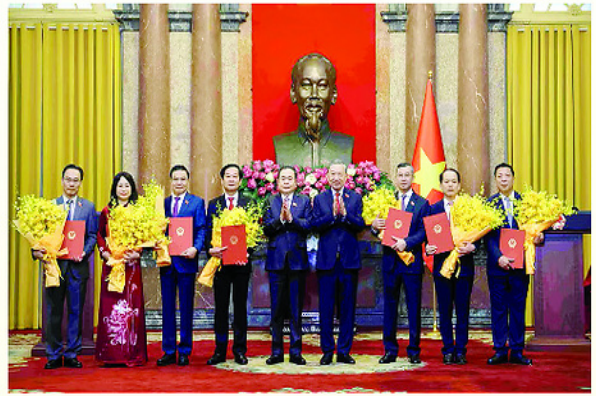
- 62-63: Tạc hình Tổ quốc nơi biên cương
- 64-65: Điểm tựa Sấm Pun

66-69 ƯỚC MƠ VÀ HÀNH TRÌNH

- 66-67: 3 thế hệ dưới bóng quân kỳ
- 68-69: Nếu không đọc sách thì sao?



VẤN ĐỀ THÁNG NÀY



Trọng trách

kiến tạo tương lai

■ MINH MINH

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng, nguyên Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính trao các Quyết định bổ nhiệm, tặng hoa các Phó Thủ tướng, Bộ trưởng (ảnh trái). Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm và Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn trao Quyết định bổ nhiệm và tặng hoa các Bộ trưởng (ảnh phải).

NGHAY trong tuần làm việc đầu tiên của Kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội khóa XVI đã hoàn thành công tác nhân sự, kiện toàn các chức danh lãnh đạo chủ chốt của bộ máy nhà nước như: Chủ tịch Quốc hội, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng kiểm toán nhà nước... Quốc hội đã tiến hành bầu và phê chuẩn các chức danh lãnh đạo chủ chốt theo đúng quy định của Hiến pháp và pháp luật. Đây là nội dung có ý nghĩa quan trọng, quyết định trực tiếp đến chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước trong cả nhiệm kỳ, đặt nền móng vững chắc cho mục tiêu đưa đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới.

Với tỷ lệ phiếu tán thành tuyệt đối 100% từ các đại biểu Quốc hội đối với các đồng chí lãnh đạo cấp cao được bầu vào các vị trí chủ chốt trong bộ máy nhà nước, không chỉ thể hiện sự thống nhất ý chí của các đại biểu dân cử, mà còn là sự kết tinh niềm tin của cử tri và Nhân dân cả nước. Đây là minh chứng cho thấy các đồng chí đã hội tụ đầy đủ uy tín chính trị và sự thống nhất cao, phản ánh sự đồng thuận tuyệt đối trong Đảng và cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất.

Hình ảnh các đồng chí lãnh đạo mới được Quốc hội bầu giữ chức vụ Chủ tịch Quốc hội, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đứng trước Quốc kỳ, tay đặt lên Hiến pháp và tuyên thệ đã trở thành khoảnh khắc thiêng liêng nhất của tuần làm việc đầu tiên Kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội khóa XVI: “Dưới cờ đỏ sao vàng thiêng liêng của Tổ quốc, trước Quốc hội và đồng bào cử tri cả nước, tôi xin thề: Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Nhân dân, với Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam...”

Các bài phát biểu nhậm chức của các đồng chí được Quốc hội bầu đều thể hiện sự trung thành tuyệt đối và trách nhiệm trước Hiến pháp, “lấy dân làm gốc” và tinh thần phụng sự Nhân dân: Xây dựng một Quốc hội “Gần dân, hiểu dân, trọng dân”; “đặt người dân là trung tâm

của mọi chính sách”; xây dựng Chính phủ “Liên chính, hành động, phục vụ Nhân dân”; xây dựng nền tư pháp văn minh, hiện đại, đảm bảo mọi phán quyết của Tòa án phải thượng tôn pháp luật, bảo vệ quyền con người và quyền công dân...

Nhiệm kỳ mới của bộ máy lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ 2026 - 2031 đã bắt đầu, mang theo nhiều kỳ vọng lớn lao từ phía Nhân dân. Trong bối cảnh đất nước đang đối mặt với nhiều thách thức, yêu cầu về một đội ngũ lãnh đạo được lựa chọn thiên về kỹ trị, có tâm, có tầm, phù hợp với những định hướng phát triển bền vững của đất nước trở nên cấp thiết.

Nhân dân cả nước kỳ vọng đội ngũ lãnh đạo mới nhiệm kỳ 2026 - 2031 có tầm nhìn xa, nhạy bén với những thay đổi và xu hướng mới; đặt sự phục vụ nhân dân lên ưu tiên hàng đầu để xây dựng niềm tin vững chắc; hiểu biết sâu rộng và chuyên môn cao trong các lĩnh vực kinh tế, khoa học công nghệ, văn hóa xã hội để thích ứng hiệu quả trong bối cảnh toàn cầu hóa; có khả năng kết nối và hợp tác với các quốc gia khác để quyết định vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế...

Một bộ máy vận hành tốt không chỉ là nơi có những quyết định đúng đắn trên văn bản, mà còn là nơi mỗi quyết định đó được triển khai đến cùng, đi trọn hành trình từ nghị trường đến cuộc sống. Kỳ vọng lớn nhất không chỉ là những quyết sách đúng, mà là những quyết sách đi đến đích. Không chỉ là hành động, mà là hành động tạo ra kết quả. Khi tinh thần đó được lan tỏa trong toàn bộ hệ thống, bộ máy lãnh đạo mới sẽ không chỉ điều hành, mà sẽ thực sự dẫn dắt - dẫn dắt bằng hành động, bằng hiệu quả và bằng những kết quả cụ thể mà người dân có thể nhìn thấy, cảm nhận và tin tưởng.

Khi mỗi chính sách đi nhanh hơn vào cuộc sống, khi mỗi nguồn lực được sử dụng hiệu quả hơn, khi mỗi nỗ lực của hệ thống được chuyển hóa thành lợi ích thiết thực cho người dân - đó chính là lúc bộ máy lãnh đạo mới hoàn thành trọn vẹn sứ mệnh của mình ■



Tổng Bí thư,
Chủ tịch nước Tô Lâm
tuyên thệ nhậm chức
Chủ tịch nước
Cộng hòa xã hội
chủ nghĩa Việt Nam
nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Kỷ nguyên mới và cải cách thể chế

Nhất thể hóa chức danh lãnh đạo và quản trị Việt Nam

■ TS. NHỊ LÊ

Nguyên Phó Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản

Nhất thể hóa các chức danh lãnh đạo và quản trị không còn là một lựa chọn lý thuyết, mà là một mệnh lệnh thực tiễn, một cuộc cách mạng về phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng nhằm xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại và phù hợp đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong bối cảnh mới.

Triết lý về sự thống nhất – cội nguồn sức mạnh tự chủ chiến lược và tự cường dân tộc

Hệ thống chính trị hiện nay vận hành theo mô thức: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ. Tuy nhiên, sự phân định cơ học giữa “lãnh đạo” và “quản trị”, trong thực tiễn, tạo ra những khoảng trống quyền lực hoặc sự chồng chéo chức năng. Nhất thể hóa chính là việc hợp nhất hai dòng chảy này. Khi người đứng đầu cấp ủy đồng thời là người đứng đầu cơ quan hành chính, chúng ta đang thực hiện quá trình “hóa thân” của Đảng vào trong bộ máy Nhà nước. Đảng không đứng ngoài, không đứng trên một cách hình thức, mà Đảng trực tiếp nhập cuộc, trực tiếp chịu trách nhiệm trước pháp luật và Nhân dân thông qua các chức danh quản trị cụ thể. Đó chính là sự thống nhất giữa Ý Đảng và Lòng Dân, giữa nghị quyết và hành động, giữa lãnh đạo, cầm quyền và quản trị, kiến tạo phát triển quốc gia.

Chúng ta đang đứng trước vận hội mới. Nhất thể hóa các chức danh lãnh đạo và quản trị là cuộc cách mạng về tư duy lãnh đạo, cầm quyền. Về thực tiễn, là cuộc cách mạng về tổ chức để thoát

khỏi “bẫy trung bình” về lãnh đạo và quản trị quốc gia. Nếu không dám thay đổi bộ máy vốn đã trở nên chật chội và xơ cứng, chúng ta sẽ lỡ chuyến tàu của lịch sử.

Nhất thể hóa chính là chiếc chìa khóa để mở cánh cửa vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên mà ở đó, ý chí của Đảng và sức mạnh của Nhà nước hòa quyện làm một, tạo thành một khối thống nhất trên nền tảng dân tộc đại đoàn kết không gì phá vỡ nổi.

Về tiến trình nhận thức và tổ chức thực tiễn – từ đổi mới tư duy và đột phá thể chế 80 năm qua

Đây là một vấn đề rất hệ trọng. Nó chạm đến “túi khôn” của lịch sử và là điểm tựa lý luận vững chắc nhất cho công cuộc nhất thể hóa hiện nay.

Việc Chủ tịch Hồ Chí Minh nắm giữ đồng thời chức vụ cao nhất của Đảng (Chủ tịch Đảng) và Nhà nước (Chủ tịch nước) suốt 18 năm không đơn thuần là sự kiêm nhiệm hành chính. Đó là hình mẫu sơ khởi và hoàn hảo nhất của nhất thể hóa, bảo đảm sự thống nhất giữa uy tín của Đảng lãnh đạo, cầm quyền và Pháp quyền của Nhà nước.

Về phía Đảng, Người là linh hồn, là trí tuệ tập thể, để ra đường lối chiến lược. Về phương diện Nhà nước, Người là biểu tượng của chủ quyền, là người thực thi ý chí của Nhân dân. Khi hai vị thế ấy hội tụ ở một con người, ý Đảng và lòng Dân trở thành một khối thống nhất tuyệt đối. Mọi sắc lệnh Người ký không chỉ có sức nặng của luật pháp mà còn có sức cảm hóa của tâm nhìn, đạo đức cách mạng.

Nhìn sâu hơn, nó giải quyết xung đột giữa “Lãnh đạo” và “Quản trị”. Trong giai đoạn kháng chiến và kiến quốc đầy cam go, lịch sử không cho phép sự chậm trễ hay chông chéo. Nếu Đảng chỉ “đứng ngoài” chỉ đạo bằng nghị quyết, rồi Nhà nước lại “vận hành” bằng một quy trình khác, sẽ tạo ra độ trễ chết người.

Việc nhắc lại giai đoạn 1951 - 1969 chính là để khẳng định, nhất thể hóa không phải là cái gì đó “ngoại lai”, mà nó nằm trong “gene” quản trị của cách mạng Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là kiến trúc sư và cũng là người thực hành nhất thể hóa vĩ đại nhất. Việc Người giữ hai chức vụ chính là bảo chứng cho sự tồn vong và lớn mạnh của thể chế dân chủ cộng hoà trong bão táp cách mạng.

Nhìn lại dặm dài lịch sử Đảng ta từ năm 1986, việc nhất thể hóa không phải là một ý tưởng bột phát, mà là kết quả của một quá trình chất lọc, chiêm nghiệm và tổng kết thực tiễn khắc nghiệt.

Trong bối cảnh thực hiện các quyết sách của Đại hội XIV, mô hình nhất thể hóa ở cấp cao nhất chính là sự kế thừa có phê phán và nâng tầm lịch sử của đại sự này. Không làm mới cái không có, như ai đó lo ngại, mà đang phục hưng một phương thức lãnh đạo, cầm quyền hiệu quả được Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh kiểm chứng bằng nhiều thập kỷ chiến thắng của dân tộc.

Thực tiễn đang đòi hỏi, nhất thể hóa không còn là “thí điểm” mà đang trở thành một thiết chế chính trị tất yếu để giải phóng sức sản xuất và sức sáng tạo của dân tộc.

Trong dòng chảy của đổi mới, không có thành công nào tự nhiên đến, nếu thiếu đi sự dũng cảm từ những bước chân tiên phong.

Quảng Ninh chính là minh chứng hùng hồn nhất.

Từ thành công của Quảng Ninh, các địa phương như Long An, Kiên Giang hay một số huyện đảo đã thực hiện. Kết quả cho thấy, bộ máy tinh gọn giúp giảm 20 - 30% các khâu trung gian, tiết kiệm hàng nghìn tỷ đồng ngân sách cho đầu tư phát triển. Quan trọng hơn, niềm tin của Nhân dân tăng lên khi họ biết rõ “ai là người chịu trách nhiệm” cho sự hưng thịnh hay trì trệ.

Tương chiếu toàn cầu - tinh hoa quản trị và bản sắc Việt Nam

Khi bàn về nhất thể hóa, không thể tự nhốt mình trong một ốc đảo. Thế giới trải nghiệm nhiều mô hình quản trị và sự hội tụ giữa lãnh đạo chiến lược và điều hành thực thi là một xu thế không thể đảo ngược của các quốc gia hưng thịnh.

Bài học từ các quốc gia Đông Á. Về mô hình Trung Quốc: Việc nhất thể hóa từ cấp Trung ương đến địa phương tạo ra một “sức mạnh tổng lực” giúp quốc gia này thực hiện những bước nhảy vọt về kinh tế. Sự thống nhất giữa Tổng Bí thư và Chủ tịch nước, giữa Bí thư tỉnh ủy và Chủ tịch Hội đồng Nhân dân tỉnh tạo ra một hệ thống chỉ huy thông suốt, không có độ trễ. Về mô hình Singapore: Dù theo chế độ đa đảng, nhưng cách thức vận hành của Đảng Hành động Nhân dân (PAP) cho thấy, sự hòa quyền tuyệt đối giữa bộ máy Đảng và bộ máy Chính phủ. Ông Lý Quang Diệu xây dựng cơ chế mà ở đó người giỏi nhất của Đảng đồng thời là người điều hành trực tiếp bộ máy quốc gia. Ở phương Tây, các nhánh quyền lực (lập pháp, hành pháp, tư pháp) kỹ thực phân lập và đối trọng theo kiểu “kiểm soát và chế ước” giữa các phe phái.

Cần nhắc sự khác biệt về bản sắc của Việt Nam. Nhất thể hóa của Việt Nam mang đặc thù của một Đảng duy nhất lãnh đạo, cầm quyền nhưng dựa trên nền tảng “Dân là gốc”, để tối ưu hóa sức

mạnh thống nhất. Không phân lập quyền lực để làm yếu đi Nhà nước, mà phân công theo hướng tập trung quyền lực để thực hiện mục tiêu thống nhất phát triển với tốc độ và cường độ cao, dưới sự giám sát tối cao của Nhân dân và kỷ luật của Đảng. Một người lãnh đạo phải là một nhà chính trị có tư duy quản trị trong một nhà quản trị có nhân quan chính trị.

Nhất thể hóa chính là sự chuyên nghiệp hóa đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, sao cho mỗi người lãnh đạo thành một vị tổng chỉ huy thực thụ trên mọi phương diện lãnh đạo và quản trị đời sống kinh tế xã hội đất nước.

Kiểm soát quyền lực - chiếc “lồng” cơ chế dân chủ - pháp quyền và bền vững

Một câu hỏi đầy trăn trở suốt nhiều thời luôn ám ảnh: Khi quyền lực tập trung vào một bàn tay, làm sao để ngăn chặn sự tha hóa?

Quyền lực không có sự kiểm soát là một thứ quyền lực hoang dã. Nhất thể hóa không phải là tạo ra những “ông vua con”, “ông tướng hay bà tướng” ở địa phương, mà là thiết lập một cấu trúc quyền lực tập trung nhưng minh bạch hơn để dễ bề kiểm soát và giám sát.

Thứ nhất, sự giám sát của Nhân dân tòa án lương tâm và công lý. Nhân dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng mà phải là chủ thể giám sát. Khi nhất thể hóa, mọi trách nhiệm tập trung vào một cá nhân đứng đầu. Nhân dân biết rõ ai là người chịu trách nhiệm. Khi người đứng đầu sai lầm, không còn nơi để lẩn trốn sau “tập thể”. Đó chính là hình thức kiểm soát quyền lực trực diện, sâu sắc và cụ thể nhất.

Thứ hai, thiết lập cơ chế phanh hãm và đối trọng. Nhất thể hóa các chức danh lãnh đạo và hành pháp, nhưng phải tăng cường quyền năng cho các cơ quan giám sát và tư pháp. Hội đồng Nhân dân phải thực sự là tiếng nói quyền lực của Nhân dân, chứ không thể là “cánh tay nối dài” mơ hồ nào đó của cơ quan hành pháp. Mặt trận Tổ quốc phải trở thành “bộ lọc” phản biện xã hội sắc sảo. Quyền lực phải được nhốt trong “chiếc lồng” quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Thứ ba, công nghệ hóa sự minh bạch. Trong kỷ nguyên số, quản trị quốc gia phải dựa trên dữ liệu. Mọi quyết định của người đứng đầu phải được số hóa, công khai để mọi người dân đều có thể giám sát. Đây là “ánh sáng” xua tan bóng tối của tham nhũng và cửa quyền.

Thứ tư, định danh người đứng đầu - văn hoá trách nhiệm. Nhất thể hóa đặt người lãnh đạo vào vị thế “đầu sóng ngọn gió”. Khi ấy, không còn chỗ cho sự ẩn nấp. Người đứng đầu không thể dùng danh nghĩa “tập thể lãnh đạo” để thoái thác sai lầm cá nhân. Quyền lực càng cao, trách nhiệm càng nặng. Đây là thời điểm để hiện thực hóa việc “có lên có xuống, có vào có ra” trong văn hóa từ chức. Ai không đáp ứng được yêu cầu, phải tự nguyện đứng sang một bên để người tài đức hơn gánh vác. Đó là sự liêm chính tối thiểu.

*

* *

Nhất thể hóa các chức danh lãnh đạo và quản trị là một cuộc cách mạng về tổ chức, là một bước đi tất yếu để Việt Nam thoát khỏi “bẫy trung bình” về quản trị.

Chúng ta không nhìn vào mô hình này như một giải pháp tình thế, mà là một thiết chế chính trị của Kỷ nguyên mới - kỷ nguyên mà ở đó, hiệu quả là thước đo, sự hài lòng của Nhân dân là mục đích, và vị thế của dân tộc trên trường quốc tế là cái đích cuối cùng ■



Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm và Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn với Đoàn ĐBQH khóa XVI tỉnh Tuyên Quang tại Kỳ họp thứ nhất.

Tiếp nối

ý chí Diên Hồng

■ NGỌC HÙNG

Trong dòng chảy lịch sử dân tộc, ý chí toàn dân từ Hội nghị Diên Hồng năm xưa đến Quốc dân Đại hội tại Tân Trào năm 1945 luôn là biểu tượng của dân chủ và đồng thuận. Hôm nay, tinh thần ấy được tiếp nối tại nghị trường Quốc hội, nơi Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang khóa XVI bắt đầu bước vào nhiệm kỳ mới với trách nhiệm và khát vọng cống hiến.

Kỳ họp lịch sử

GỌI kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa XVI là “kỳ họp lịch sử” không chỉ vì tính chất mở đầu, mà còn bởi những quyết sách và thông điệp được đưa ra có khả năng định hình cả một giai đoạn phát triển.

Điểm khác biệt đáng chú ý của kỳ họp lần này là Quốc

hội không chỉ dừng ở kiện toàn tổ chức bộ máy, mà đã chủ động đặt nền móng thể chế và phương thức hành động cho toàn bộ nhiệm kỳ 2026 - 2031. Do vậy, các dự án luật, các quyết sách được thông qua ngay từ kỳ họp đầu tiên cũng được kỳ vọng sẽ tạo “quán tính phát triển” cho cả giai đoạn, đồng thời là thước đo năng lực của Quốc hội khóa mới.

Trong phát biểu khai mạc Kỳ họp thứ Nhất, Tổng Bí thư Tô Lâm nêu rõ, Quốc hội phải tập trung nâng cao hơn nữa năng lực thể chế hóa, cụ thể hóa nghị quyết của Đảng thành chính sách và pháp luật; tạo khuôn khổ pháp lý vững chắc để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2031 và những năm tiếp theo. Hệ thống pháp luật phải thực sự trở thành nền tảng thể chế của phát triển, là công cụ để bảo vệ quyền con người, quyền công dân, là động lực thúc đẩy đổi mới sáng tạo, giải phóng lực lượng sản xuất, khai mở những không gian phát triển mới cho đất nước.

Phát huy tinh thần ấy, ngay trong các phiên thảo luận của Kỳ họp đầu tiên, các đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang đã thể hiện rõ vai trò là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước



Đoàn ĐBQH tỉnh tại Kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XVI.

với Nhân dân. Những ý kiến phát biểu không chỉ phản ánh tâm tư, nguyện vọng của cử tri địa phương, mà còn chạm tới những vấn đề lớn của đất nước như hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế bền vững, bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân.

Từ thực tiễn địa phương đến chính sách quốc gia

Điểm đáng chú ý là các ý kiến của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh đều mang tính thực tiễn cao, xuất phát từ hơi thở cuộc sống. Từ những kiến nghị về đầu tư hạ tầng nông thôn, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, đến các đề xuất liên quan chính sách dân tộc, miền núi tất cả đều thể hiện rõ trách nhiệm trước cử tri, trước sự phát triển cân bằng giữa các vùng miền.

Chẳng hạn, tại phiên thảo luận về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030, đại biểu Lý Thị Lan, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Trưởng đoàn chuyên trách Đoàn ĐBQH tỉnh Tuyên Quang khóa XVI nhấn mạnh: liên kết vùng vẫn là “khâu yếu”, cần đổi mới tư duy phân bổ nguồn lực để các tỉnh miền núi như Tuyên Quang chuyển hóa tiềm năng thành động lực tăng trưởng. Đại biểu kiến nghị Trung ương sớm đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn một số dự án giao thông trọng điểm, như tuyến đường từ TP Tuyên Quang đi xã Phú Lương kết nối nút giao IC5 cao tốc Nội Bài - Lào Cai; đồng thời đầu tư, nâng cấp Quốc lộ 37, Quốc lộ 279 nhằm tăng cường liên kết với các tỉnh Thái Nguyên, Lào Cai.

Cùng tham gia thảo luận, đại biểu Nguyễn Việt Hà, Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Chi nhánh Tuyên Quang, đề xuất nhiều giải pháp hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng hai con số, trong đó nhấn mạnh vai trò của kinh tế tư nhân và phát triển bền vững khu vực miền núi. Từ thực tiễn địa phương, đại biểu cho biết Tuyên Quang đã chủ động tháo gỡ vướng mắc về đất đai, thủ tục hành chính, tạo điều kiện cho doanh nghiệp ổn định sản xuất.

Đồng thời, đại biểu chỉ ra 4 “điểm nghẽn” của kinh tế nông nghiệp miền núi: Thiếu định hướng chiến lược; liên kết sản xuất - tiêu thụ còn lỏng lẻo; người dân hạn chế tiếp cận

giống, kỹ thuật; hợp tác xã yếu về quản trị, khó tiếp cận nguồn lực đất đai. Từ đó, kiến nghị Chính phủ sớm có giải pháp đồng bộ để tháo gỡ, tạo đột phá cho khu vực này.

Các đại biểu trong đoàn cũng tích cực, chủ động nghiên cứu, đóng góp các ý kiến vào các nội dung tại kỳ họp. Trong bức tranh chung của nghị trường, tiếng nói của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang tuy không ồn ào, nhưng lại có chiều sâu và sức lan tỏa. Đó là tiếng nói của thực tiễn, của trách nhiệm và của niềm tin.

Trách nhiệm đại biểu trước kỳ vọng cử tri

Tham dự kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa XVI, đại biểu Ma Thị Thúy chia sẻ: Với niềm vinh dự khi tiếp tục được cử tri tin nhiệm bầu vào Quốc hội khóa XVI, tôi cũng như nhiều đại biểu khác đều ý thức rất lớn về trách nhiệm của mình. Qua lắng nghe ý kiến cử tri, tôi nhận thấy nhiệm kỳ này diễn ra trong một bối cảnh rất đặc biệt: yêu cầu phát triển nhanh nhưng phải bền vững, khát vọng vươn lên lớn lao nhưng thách thức đan xen cũng rất nhiều. Vì vậy, trách nhiệm của đại biểu Quốc hội không thể dừng lại ở việc tham gia đầy đủ các kỳ họp, mà phải thực sự là người đại diện cho ý chí của nhân dân, góp phần tháo gỡ những điểm nghẽn trong phát triển.

Đại biểu Vương Thị Hương, Phó Chủ tịch UBND xã Pà Vây Sủ chia sẻ: sẽ cùng Đoàn ĐBQH tỉnh thực hiện tốt chức năng giám sát, theo dõi việc triển khai chính sách, kịp thời kiến nghị sửa đổi những nội dung còn bất cập, bảo đảm tính khả thi, nhất là ở khu vực miền núi. Từ thực tiễn cơ sở, đại biểu sẽ chú trọng đề xuất các giải pháp tạo việc làm, phát triển sinh kế bền vững cho đồng bào dân tộc thiểu số; nâng cao chất lượng giáo dục vùng cao, củng cố y tế cơ sở, đồng thời tăng cường các chương trình hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, tiếp cận nguồn vốn và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

Tại hội nghị triển khai nhiệm vụ của Đoàn ĐBQH tỉnh mới đây, đồng chí Lê Thị Kim Dung, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Trưởng Đoàn ĐBQH tỉnh nhấn mạnh: mỗi đại biểu phải nêu cao tinh thần trách nhiệm trước cử tri, chủ động nắm bắt thực tiễn, lựa chọn những vấn đề trọng tâm, bức thiết để kiến nghị tại nghị trường. Hoạt động của Đoàn cần tiếp tục đổi mới theo hướng sâu sát cơ sở, nâng cao chất lượng tiếp xúc cử tri, tăng cường giám sát việc thực thi chính sách pháp luật, bảo đảm các quyết sách của Quốc hội thực sự đi vào cuộc sống. Đồng chí cũng yêu cầu các đại biểu phát huy trí tuệ, bản lĩnh, đóng góp nhiều ý kiến có chất lượng, thể hiện rõ tiếng nói của Tuyên Quang trong quá trình hoàn thiện thể chế, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

Từ Hội nghị Diên Hồng đến Tân Trào, hành trình dân chủ của dân tộc không ngừng được nối dài qua từng quyết sách và mỗi kỳ họp Quốc hội hôm nay. Trong dòng chảy ấy, tiếng nói cử tri Tuyên Quang qua Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh là cầu nối giữa truyền thống và hiện tại, giữa ý chí Nhân dân và chính sách quốc gia. Tiếng nói ấy tiếp tục khẳng định sức sống bền bỉ của tinh thần Diên Hồng, khí thế Tân Trào trong thời đại mới ■

Các đồng chí Thường trực Tỉnh ủy tặng hoa chúc mừng đồng chí Chủ tịch HĐND tỉnh Nguyễn Văn Sơn và các đồng chí Thường trực HĐND tỉnh khóa XIX (ảnh trái).

Các đồng chí Thường trực HĐND tỉnh tặng hoa chúc mừng các đồng chí Ủy viên UBND tỉnh (ảnh phải).



BỘ MÁY MỚI - KỶ VỌNG MỚI

■ MỘC LAN

KHOI THÔNG “ĐIỂM NGHÈN” VỀ THỂ CHẾ

NGAY từ những ngày làm việc đầu tiên của Kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội khóa XVI, quyết tâm chính trị đã thể hiện rõ trong việc nhanh chóng ổn định bộ máy tổ chức, đồng thời khởi động một giai đoạn mới với trọng tâm là hoàn thiện thể chế, bàn thảo các giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tháo gỡ điểm nghẽn, khơi thông nguồn lực đáp ứng kịp thời yêu cầu thực tiễn đặt ra.

Với mục tiêu cao nhất, đích đến cuối cùng là Nhân dân được thụ hưởng thành quả của phát triển, tinh thần “nói đi đôi với làm, làm ngay, làm đúng, làm hiệu quả, làm đến cùng”, cả hệ thống chính trị đều phải chuyển từ quản lý sang phục vụ, lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm thước đo. Điều đó đòi hỏi thể chế phải tiếp tục được hoàn thiện theo hướng minh bạch, công bằng, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển.

Bám sát sự lãnh đạo, định hướng của Trung ương, tỉnh đã nhanh chóng cụ thể hóa bằng hành động rõ ràng. Tại Kỳ họp thứ Nhất, HĐND tỉnh khóa XX, Thường trực HĐND tỉnh cam kết sẽ tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động; thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

THÔNG điệp xuyên suốt từ Bộ máy Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ trong nhiệm kỳ 2026-2031 đang dẫn được cụ thể hóa bằng tư duy đổi mới, hành động quyết liệt và tinh thần phụng sự nhân dân. Việc khẳng định “Lấy dân làm gốc”, xây dựng một Quốc hội “Gần dân, hiểu dân, trọng dân”, một Chính phủ “Liêm chính, hành động, phục vụ” đã và đang tạo nên luồng sinh khí mới, lan tỏa mạnh mẽ từ Trung ương đến từng địa phương, trong đó có tỉnh Tuyên Quang.

Đồng chí Hầu A Lênh, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy nhấn mạnh: Trước yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, bao trùm, cừ tri và Nhân dân kỳ vọng vào một cơ quan dân cử thật sự đổi mới, trí tuệ, sâu sát thực tiễn, quyết nghị đúng và giám sát hiệu quả.

Tên cơ sở đó, các nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh xác định phải quyết định kịp thời, đúng đắn các vấn đề quan trọng về chiến lược, cơ chế, chính sách và giải pháp, tạo nền tảng vững chắc để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Yêu cầu đặt ra là phải nâng cao chất lượng giám sát, bảo đảm các quyết sách đi vào cuộc sống, mang lại hiệu quả thực chất.

Đồng chí Vương Thị Hương, đại biểu Quốc hội khóa XVI tỉnh Tuyên Quang, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Phó Chủ tịch UBND xã Pà Vây Sù, chia sẻ: “Việc tham gia góp ý xây dựng luật, đặc biệt trong các lĩnh vực như đầu tư công, đất đai, cải cách thủ tục hành chính là cơ hội để phản ánh thực tiễn từ cơ sở, nhất là tại các



địa bàn khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, qua đó kiến nghị hoàn thiện chính sách phù hợp hơn”.

Sau nghị trường, đồng chí nghị quyết nhanh chóng lan tỏa về cơ sở. Các cuộc tiếp xúc cử tri của các Đoàn đại biểu HDND các cấp được tổ chức với tinh thần trách nhiệm cao hơn, lắng nghe để hành động. Những vấn đề về hạ tầng, giáo dục, y tế, văn hóa... được phân loại, xử lý theo nhóm, gắn với nhiệm vụ cụ thể của từng cấp, từng ngành.

KỶ VỌNG TĂNG TRƯỞNG HAI CON SỐ

Tại Hội nghị toàn quốc nghiên cứu, học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV ngày 13-4 vừa qua, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm nhấn mạnh: Mục tiêu tăng trưởng hai con số là mục tiêu lớn, đòi hỏi quyết tâm rất cao, cách làm sáng tạo, bảo đảm vĩ mô đúng, vi mô cũng phải đúng.

Thông điệp đó không chỉ là yêu cầu về điều hành, mà sâu xa hơn là đòi hỏi phải tạo dựng được niềm tin và động lực phát triển trong toàn xã hội. Khi người dân tin tưởng, doanh nghiệp đồng hành, bộ máy vận hành thông suốt, nguồn lực được khơi thông, thì khát vọng phát triển sẽ được chuyển hóa thành sức mạnh thực tế, tạo nền tảng cho tăng trưởng nhanh và bền vững.

Từ tầm nhìn chiến lược của Đảng, mục tiêu tăng trưởng hai con số đặt ra nhiệm vụ phải xử lý hài hòa giữa vĩ mô và vi mô; giữa hoạch định chính sách và tổ chức thực hiện; giữa định hướng dài hạn và hành động cụ thể ở từng cấp, từng ngành, từng địa phương.

Cụ thể hóa tinh thần đó, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ I xác định mục tiêu tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) năm 2026 đạt 10,17%. Để hiện thực hóa mục tiêu này, tại các cuộc họp chuyên đề, đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Phan Huy Ngọc yêu cầu các sở, ngành phát huy vai trò kiến tạo, đồng hành cùng địa phương, doanh nghiệp.

Trọng tâm là đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, cải cách thủ tục hành chính, thúc đẩy chuyển đổi số, khơi thông nguồn lực

đất đai, phát triển các ngành, lĩnh vực có lợi thế. Đồng thời, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, bảo đảm “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm” trong từng khâu tổ chức thực hiện.

Theo đồng chí Nguyễn Quang Hưng, Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh cho biết: “Nhờ những nỗ lực chung, tỉnh liên tục đứng vị trí cao trong 34 tỉnh, thành phố về Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trên môi trường điện tử, nâng cao sức hấp dẫn, thu hút các nhà đầu tư đến với địa phương”.

Thực tế tại các xã, phường trong tỉnh cho thấy những chuyển động tích cực. Tại xã Nhữ Khê, bộ máy chính quyền hai cấp sau hơn 9 tháng vận hành ngày càng nền nếp; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến giải quyết đúng hạn đạt 100%. Xã cũng chủ động mở rộng không gian phát triển thông qua định hướng thu hút đầu tư, mời gọi hình thành Cụm công nghiệp Nhữ Khê - Đội Cấn. Trên cơ sở lợi thế về quỹ đất, kết nối giao thông và nguồn lao động tại chỗ, xã đã phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành ra soát quy hoạch, chuẩn bị các điều kiện cần thiết, sẵn sàng đón doanh nghiệp.

Trong khi đó, tại xã Tiên Yên, việc phát huy vai trò của người đứng đầu đã tạo ra bước đột phá trong phát triển giao thông nông thôn. Với cách làm linh hoạt, sâu sát cơ sở, địa phương đã huy động được hơn 2 tỷ đồng nguồn lực trong Nhân dân, triển khai nâng cấp, mở rộng 21 km đường giao thông, từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng, tạo đà cho phát triển kinh tế - xã hội.

Với một nhiệm kỳ hành động - “nói ít, làm nhiều” đang trở thành yêu cầu thực tiễn trong toàn bộ hệ thống chính trị từ Trung ương đến tỉnh. Đó là niềm tin, động lực quan trọng để tỉnh phấn đấu hoàn thành mục tiêu đưa Tuyên Quang trở thành tỉnh phát triển khá, toàn diện, bền vững có thu nhập trung bình cao trong vùng trung du và miền núi Bắc Bộ, xứng đáng với vị thế quê hương cách mạng, Thủ đô Khu Giải phóng, Thủ đô Kháng chiến, vùng đất biên cương địa đầu Tổ quốc cùng cả nước vững bước tiến vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên phát triển giàu mạnh và văn minh ■



Kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền nam thống nhất đất nước cũng là thời điểm lịch sử để mọi người dân Việt Nam, muôn triệu người như một, đoàn kết, chung tay, hướng về Tổ quốc vì mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc.

Vạn nguyên

khát vọng hòa bình

■ MAI NAM THẮNG

TÔI sinh ra và lớn lên cùng sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc. Những năm máy bay Mỹ đánh phá miền Bắc, chúng tôi hầu như phải sống trong lòng đất. Ban ngày đến trường dưới lòng hào giao thông chằng chịt khắp xóm làng. Lớp học cũng sâu lút đầu, bốn phía còn đắp thêm ụ đất, bên trên là những tấm phên đồ đất cát... Ban đêm, thì chui xuống hầm kèo học bài bên ánh đèn phòng không tù mù, rồi ngủ luôn trong hầm để phòng tàu bay Mỹ đánh lén. Suốt tuổi thơ phải chui rúc như thế, chúng tôi chỉ ao ước bao giờ được tung tăng trên mặt đất, tung tăng đến trường trên con đường rợp bóng tre...

Hồi đó, nếu có một đoàn cán bộ xã mà có đủ “bộ tứ” là Chủ tịch Ủy ban hành chính hoặc Bí thư Đảng ủy, Xã đội trưởng, Hội trưởng phụ nữ và Trạm xá trưởng, là dân làng tôi thót tim dõi theo, bởi chắc chắn đó là đoàn đi báo tử. Mỗi khi đoàn vào ngõ nhà nào là ngay lập tức trong nhà dậy lên tiếng kêu khóc đau đớn của bà mẹ, vợ con, chị em... Có người lăn ra bất tỉnh. Vì thế, đoàn báo tử lúc nào cũng phải có anh Trạm xá trưởng mang theo túi thuốc cấp cứu...

Vài hôm sau, lễ truy điệu liệt sĩ được tổ chức tại Hội trường Ủy ban hoặc nhà kho Hợp tác xã. Lại những tiếng khóc nã nề được diu từ nhà liệt sĩ đến Hội trường hoặc nhà kho. Dân làng nhiều người cũng khóc theo... Hầu như tháng nào làng tôi cũng có vài cuộc báo tử và lễ truy điệu liệt sĩ. Đau thương như thế, nhưng làng tôi vẫn “thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”. Rất nhiều nam nữ thanh niên chích màu viết đơn xin đi bộ đội, đi dân công hỏa tuyến... Sau này tôi được biết, hồi đó ngôi làng nào trên đất nước ta cũng giống làng tôi như thế. Đó chính là cái giá của *Khát vọng Hòa bình* mà dân tộc ta phải đánh đổi...

Khát vọng hòa bình đã thúc giục cả dân tộc ta “xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước”, với tinh thần “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Quân và dân cả nước đã chịu đựng muôn vàn gian khổ hi sinh, anh dũng chiến đấu lập nhiều chiến công xuất sắc, đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh mùa Xuân 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Nhưng từ đó, lịch sử dân tộc còn phải trải qua những hi sinh gian khổ để gìn giữ hòa bình và bảo vệ Tổ quốc. Quân và dân cả nước

còn phải tiếp tục chiến đấu bảo vệ biên giới phía Nam, biên giới phía Bắc và làm nghĩa vụ quốc tế giúp nước bạn thoát họa diệt chủng...

Những thảm cảnh của chiến tranh đã lùi xa, nhưng di chứng của chiến tranh thì vẫn còn nhức nhối trong đời sống của nhiều gia đình, nhiều thế hệ... Ngày nay không còn là thời đại làm mưa làm gió của chủ nghĩa thực dân và đế quốc, nhưng những biểu hiện của chủ nghĩa “tân phát xít” và tư tưởng bá quyền vẫn tồn tại đây đó, chằm ngòi cho những cuộc xung đột, phát động những cuộc chiến tranh với những hình thức và mức độ khác nhau. Sự nghiệp cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam vẫn là mục tiêu chống phá của các thế lực thù địch. Điều đó nhắc nhở mỗi người dân Việt Nam vẫn phải luôn đề cao cảnh giác, chung tay gìn giữ hòa bình, quyết tâm bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN... Đó là điều tâm niệm thường trực của mỗi người dân và toàn xã hội.

Là một đất nước đã phải trải qua những cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ để giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, nhân dân Việt Nam hiểu rõ hơn ai hết sự tàn phá khốc liệt của chiến tranh. Quá khứ đau thương thống thiết nhắc nhở mỗi người về giá trị vô bờ bến của cuộc sống hòa bình hiện nay. Giống như mỗi con người không có quyền lựa chọn cha mẹ cho mình, mỗi dân tộc trên thế giới cũng không có quyền chọn nơi có những điều kiện tự nhiên và xã hội thuận lợi để hình thành và phát triển. Nhưng cũng như mỗi con người có thể tự quyết định số phận của mình, mỗi dân tộc cũng hoàn toàn quyết định được số phận dân tộc mình bằng tiềm lực kinh tế - quốc phòng và sức mạnh tổng hợp của toàn dân. Cùng đó là nghệ thuật hóa giải các xung đột, hài hòa các mối quan hệ để giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

Việt Nam là bạn của tất cả các nước trên thế giới! Đó là đường lối ngoại giao nhất quán của Đảng và Nhà nước trong công cuộc Đổi mới, hội nhập và phát triển đất nước. Truyền thống yêu chuộng hòa bình kết hợp với tư tưởng “Dĩ bất biến, ứng vạn biến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giúp đất nước ta vượt qua muôn trùng khó khăn thử thách do bao vây cấm vận, trở thành một nhân tố ổn định trong khu vực và là thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Đến nay, Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với 193 nước là thành viên Liên hợp quốc; xây dựng các mối quan hệ đối tác, hợp tác chiến lược, đối tác chiến lược toàn diện... với tất cả các cường quốc trên thế giới và khu vực. Uy tín của Việt Nam đang ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế...

Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng ta đã xác định mục tiêu “Giữ vững môi trường hoà bình, ổn định; phát triển nhanh, bền vững đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc; cải thiện và nâng cao toàn diện đời sống Nhân dân; tự chủ chiến lược, tự cường, tự tin, tiến mạnh trong kỷ nguyên mới của dân tộc...”. Phát biểu nhậm chức tại Kỳ họp thứ nhất của Quốc hội Khóa XVI ngày 7-4-2026 vừa qua, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm cũng khẳng định ưu tiên hàng đầu của đồng chí trên cương vị trọng trách là “Giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; thúc đẩy đất nước phát triển nhanh, bền vững; nâng cao mọi mặt đời sống của nhân dân, để nhân dân được thụ hưởng mọi thành quả của phát triển; gia tăng đóng góp của Việt



Khát vọng hòa bình đã thúc giục cả dân tộc ta “xê dịch Trường Sơn đi cứu nước”. Trong ảnh: TNXP vận chuyển vũ khí, đạn dược trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.



Tỉnh Tuyên Quang đang phát huy tiềm năng thế mạnh, tranh thủ mọi nguồn lực để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Nam cho hoà bình, ổn định, phát triển, tiến bộ ở khu vực và thế giới...”.

Có thể nói, những thành tựu toàn diện trên các lĩnh vực mà dân tộc ta đạt được sau khi hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, kể từ *Đại thắng mùa Xuân* năm 1975, là những minh chứng sinh động của ý chí Việt Nam trong kháng chiến cứu nước trước đây, đang được tiếp nối phát huy trong môi trường và điều kiện mới của cuộc sống hôm nay. Hiểu như thế để tin yêu hơn và trách nhiệm hơn trong việc giữ gìn và phát huy những giá trị lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Đó là những giá trị được đánh đổi bằng biết bao xương máu của lớp lớp đồng chí, đồng bào. Và bởi thế, trong hành trình thực hiện *Khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc* trước kỷ nguyên mới của dân tộc, trong mỗi người dân Việt Nam vẫn vẹn nguyên *Khát vọng hòa bình...* ■



Thủ trưởng Bộ Quốc phòng, Quân khu 2 và lãnh đạo tỉnh Tuyên Quang thực hiện nghi thức khởi công dự án Dự án Rà phá bom mìn, vật nổ khắc phục hậu quả sau chiến tranh, giai đoạn 2025 - 2027 tại Quân khu 2.

Ảnh: VĂN LONG

Mệnh lệnh TỪ TRÁI TIM

THÙY LÊ



Đại tá Nguyễn Hoài Nam, Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh, Chính ủy Bộ CHQS tỉnh.

Hơn nửa thế kỷ sau ngày đất nước trọn niềm vui thống nhất, công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ luôn được xác định là một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, mang tính nhân văn sâu sắc. Qua đó thể hiện truyền thống đạo lý tốt đẹp của dân tộc, trách nhiệm chính trị, tình cảm thiêng liêng và lòng biết ơn của Đảng, Nhà nước và Nhân dân đối với các Anh hùng liệt sĩ - những người con ưu tú đã hiến dâng trọn đời mình vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Tại Tuyên Quang, công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ đã được Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh xác định là một nhiệm vụ đặc biệt, là mệnh lệnh từ trái tim của từng cán bộ, chiến sĩ LLVT tỉnh.

BÁO Tuyên Quang đã có cuộc trao đổi với Đại tá Nguyễn Hoài Nam, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy Quân sự tỉnh, Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh 515 tỉnh về vấn đề này.

Phóng viên: Xin đồng chí cho biết công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ trên địa bàn tỉnh tính đến thời điểm hiện tại?

Đại tá Nguyễn Hoài Nam: Trải qua các thời kỳ chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế cao cả, đã có

hàng triệu cán bộ, chiến sĩ và đồng bào ta anh dũng hy sinh. Công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ được Đảng, Nhà nước, cấp ủy, chính quyền địa phương, đơn vị quân đội quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai từ rất sớm và đến nay vẫn tiếp tục thực hiện với quyết tâm chính trị, trách nhiệm cao nhất.

Theo khảo sát, toàn tỉnh có 4.370 liệt sĩ chôn cất ban đầu, đã tìm kiếm, quy tập được 3.165 hài cốt liệt sĩ và 2 mộ tập thể, còn khoảng 1.205 hài cốt liệt sĩ chưa được tìm thấy. Thực hiện chủ

trưởng của Bộ Chính trị, sự chỉ đạo của Chính phủ và Bộ Quốc phòng, hiện nay trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang có 26 đơn vị của tỉnh và của Quân khu đang thực hiện nhiệm vụ rà phá bom mìn vật nổ, với diện tích 4.460 ha bị ô nhiễm nặng thuộc địa bàn 12 xã trên tuyến biên giới. Song song với nhiệm vụ này, chúng tôi đã chỉ đạo Đội Quy tập, tìm kiếm hài cốt liệt sĩ của Bộ CHQS tỉnh khẩn trương đẩy nhanh công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ và đã tìm kiếm quy tập được 5 mộ liệt sĩ và 1 mộ tập thể kể từ đầu năm 2026 đến nay. Sau khi quy tập, Ban Chỉ đạo 515 tỉnh sẽ tổ chức an táng hài cốt liệt sĩ vào 4 đợt: 30/4, 27/7, 2/9 và 22/12.

Từ nay đến tháng 7-2027, tỉnh sẽ tổ chức lấy mẫu vật phẩm đối với 170 mộ liệt sĩ chưa xác định được thông tin, hiện đang được quy tập trong 11 nghĩa trang liệt sĩ trên địa bàn tỉnh để giám định ADN xác định danh tính hài cốt liệt sĩ.

Phóng viên: *Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm quy tập hài cốt liệt sĩ có những khó khăn gì cần khắc phục và Bộ CHQS tỉnh đã có biện pháp cụ thể nào để giải quyết khó khăn đó thưa đồng chí?*

Đại tá Nguyễn Hoài Nam: Diện tích đất bị ô nhiễm bom mìn chưa được rà phá đó là vấn đề điểm nghẽn đối với công tác tìm kiếm và quy tập hài cốt liệt sĩ. Ngoài ra, thời gian chiến tranh đã lùi xa khiến địa hình thay đổi nhiều, hài cốt bị phân hủy; hồ sơ lưu trữ thiếu đồng bộ; các nhân chứng và thông tin về liệt sĩ, mộ liệt sĩ ngày càng ít. Bên cạnh đó, khối lượng đất cần đào bới rất lớn, nhất là tại các khu vực hiểm trở và núi cao, gây trở ngại không nhỏ cho lực lượng tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ.

Để khắc phục những khó khăn này, Bộ CHQS tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền sâu rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng và nhân dân để có những thông tin cụ thể về vị trí các liệt sĩ đã hy sinh. Đồng thời, đẩy mạnh công tác rà phá bom mìn, vật nổ tại các khu vực trọng điểm, tạo diện tích đất sạch và an toàn để lực lượng tìm kiếm, quy tập triển khai nhiệm vụ tìm kiếm. Bên cạnh đó, chỉ đạo các cơ quan chức năng tích cực số hóa dữ liệu, rà soát lại toàn bộ hồ sơ lưu trữ và đẩy mạnh “cung cấp thông tin về liệt sĩ, mộ liệt sĩ” trong Nhân dân.

Phóng viên: *Thưa đồng chí, chiến dịch “500 ngày đêm đẩy mạnh thực hiện tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ” vừa được Ban Chỉ đạo quốc gia phát động. Tại Tuyên*

Quang, chiến dịch sẽ được triển khai theo lộ trình cụ thể như thế nào để đạt hiệu quả cao nhất?

Đại tá Nguyễn Hoài Nam: Trên cơ sở các Chương trình, Kế hoạch, nội dung phát động Chiến dịch 500 ngày đêm của Ban Chỉ đạo quốc gia và Ban Chỉ đạo Quân khu 2, Ban Chỉ đạo tỉnh triển khai thực hiện Chiến dịch 500 ngày đêm theo lộ trình khẩn trương và đồng bộ; tập trung huy động mọi nguồn lực, lực lượng, phương tiện để ưu tiên thực hiện Dự án rà phá bom mìn, vật liệu nổ theo phương pháp “Làm sạch đến đâu, tổ chức tìm kiếm quy tập hài cốt liệt sĩ đến đó”, đồng thời phải đảm bảo an toàn tuyệt đối về mọi mặt trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Bộ CHQS tỉnh tham mưu cho Ban Chỉ đạo tỉnh làm tốt công tác chuẩn bị về nhân sự, cơ sở vật chất, nơi ăn ở, đảng cai và tham gia tập huấn tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ năm 2026 do Quân khu 2 tổ chức. Kết thúc tập huấn sẽ nhanh chóng tổ chức lực lượng, phương tiện thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ theo chương trình, kế hoạch và sự chỉ đạo Bộ Quốc phòng, Quân khu và của tỉnh.

Trong tháng 4 năm 2026, chúng tôi tham mưu cho Ban Chỉ đạo tỉnh tổ chức kiện toàn Ban Chỉ đạo tỉnh; ban hành Quy chế, Chương trình hành động trong giai đoạn 2026 - 2030; Kế hoạch tìm kiếm, quy tập năm 2026; thành lập Tổ công tác và Tổ lấy mẫu vật phẩm hài cốt liệt sĩ theo kế hoạch đã đề ra, đồng thời triển khai tuyên truyền và tổ chức thực Chiến dịch 500 ngày đêm với tinh thần khẩn trương, quyết liệt, hiệu quả.

Cùng với việc tìm kiếm, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tăng cường phối hợp với Sở Nội vụ, Bộ CHQS các tỉnh trong công tác tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ quê hương Tuyên Quang; đảm bảo thực hiện chu đáo việc di dời, an táng tại địa phương theo đúng tâm tư, nguyện vọng của thân nhân liệt sĩ.

Phóng viên: *Thưa đồng chí, nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ là công việc vô cùng khó khăn nhưng luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm, xác định là nhiệm vụ chính trị đặc biệt quan trọng. Đồng chí có thể cho biết, nhiệm vụ đặc biệt này mang ý nghĩa giáo dục như thế nào đối với thế hệ trẻ tỉnh Tuyên Quang hiện nay?*

Đại tá Nguyễn Hoài Nam: Trong các cuộc kháng chiến giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, cũng như bảo vệ từng tấc đất biên cương của Tổ quốc, đã có hàng triệu cán bộ, chiến sĩ đã anh dũng hy sinh, nhiều liệt sĩ đã được quy tập, song cũng có rất nhiều hài cốt liệt sĩ chưa được tìm thấy, chưa xác định được danh tính. Công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ trước hết là sự tri ân, tôn kính sâu sắc đối với các anh hùng liệt sĩ, từng bước đáp ứng nguyện vọng của thân nhân liệt sĩ và Nhân dân cả nước. Đảng và Nhà nước ta xác định đây không chỉ là trách nhiệm chính trị mà còn là mệnh lệnh từ trái tim, thể hiện đạo lý “Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc.

Đối với thế hệ trẻ tỉnh Tuyên Quang, những người được sống trong hòa bình, nhiệm vụ này mang ý nghĩa giáo dục chính trị vô cùng to lớn. Thứ nhất là về “tri ân và trách nhiệm”, thể hiện lòng biết ơn sâu sắc, khơi dậy trách nhiệm của tuổi trẻ trong việc chăm sóc thân nhân liệt sĩ và tham gia hỗ trợ tìm kiếm đồng đội cho cha ông mình, đồng thời nâng cao vai trò, trách nhiệm trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Thứ hai là về “xây dựng đạo đức, lối sống”, thông qua những câu chuyện, hình ảnh thực tế về sự hy sinh và tinh thần chiến đấu anh dũng của các thế hệ cha, ông đi trước trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, từ đó bồi đắp cho thế hệ trẻ lý tưởng sống cao đẹp, có tri thức, có bản lĩnh kiên cường để vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đóng góp công sức, trí tuệ để xây dựng một Việt Nam hùng cường trong kỷ nguyên mới.

Phóng viên: *Xin trân trọng cảm ơn đồng chí!*



Khoan đá tìm kiếm hài cốt liệt sĩ trên Đỉnh cao 211.

THỜI ĐÀM

Không được phép quên

■ THÁI AN

Có những ngày trong lịch sử không chỉ là mốc thời gian, mà trở thành một phần máu thịt không thể quên của ký ức dân tộc. Ngày Giải phóng miền Nam 30/4/1975 là một ngày như thế.

Mỗi độ tháng Tư về, trong nắng đầu hè rực rỡ, mỗi người dân Việt lại băng khuâng nhớ về khoảnh khắc non sông thu về một mối - khi chiến tranh lùi lại phía sau, cả nước vỡ òa trong niềm vui thống nhất.

Hòa bình - hai tiếng giản dị mà để có, dân tộc phải mất bao máu xương, nước mắt. Đó là những năm tháng trường kỳ kháng chiến, lớp lớp người đã ngã xuống, bao người mẹ mất con, người vợ mất chồng.

Nhìn lại lịch sử, sẽ thấy truyền thống yêu nước của người Việt là dòng chảy xuyên suốt từ thời dựng nước và giữ nước: từ những chiến công của Hai Bà Trưng, Ngô Quyền, đến hào khí Đông A của Trần Hưng Đạo, rồi những cuộc khởi nghĩa bền bỉ qua các triều đại. Lịch sử Việt Nam là lịch sử của những lần đứng dậy, của tinh thần “không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Chính truyền thống ấy đã hun đúc nên sức mạnh để dân tộc đi qua những năm tháng chiến tranh khốc liệt và đi đến ngày toàn thắng.

Nhưng lịch sử không chỉ để tự hào, mà là lời nhắc nhở. Nếu cha ông đã chiến đấu để giành lấy hòa bình, thì thế hệ hôm nay phải biết giữ gìn và làm giàu thêm giá trị của hòa bình ấy. Bảo vệ Tổ quốc không chỉ là cầm súng, mà còn là xây dựng một xã hội văn minh, một nền kinh tế vững mạnh, một nền văn hóa giàu bản sắc. Đó là trách nhiệm của mỗi người từ những việc nhỏ nhất: làm tốt công việc của mình, sống có trách nhiệm với cộng đồng, giữ gìn chủ quyền và danh dự quốc gia trong mọi hoàn cảnh.

Đất nước đang bước vào một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên của hội nhập, đổi mới và phát triển. Những ngày tháng Tư này nhắc ta nhớ rằng: hòa bình không phải là điểm kết thúc, mà là điểm khởi đầu. Khởi đầu cho những ước mơ lớn hơn, cho hành trình đưa Việt Nam trở thành một quốc gia phát triển, hùng cường.

Giữa nhịp sống hôm nay, ta cùng lắng nghe tiếng vọng của lịch sử, để hiểu rằng mỗi bước đi hôm nay đều được nâng đỡ bởi những hy sinh của ngày đã qua. Từ đó, biết trân trọng hơn hiện tại, và có trách nhiệm hơn với tương lai.

Bởi hòa bình không chỉ là không có chiến tranh, mà còn là biết không lãng quên, biết ơn và tiếp tục đi lên.

Đoàn viên, thanh niên tổ chức bữa cơm tri ân tại gia đình Mẹ Việt Nam Anh hùng Tỉnh Thị Lộc (ảnh trên), Mẹ Việt Nam Anh hùng Lương Thị Hồng (ảnh dưới).



■ LÝ THU

“Ba lần tiễn con đi, hai lần khóc thầm lặng lẽ... Các anh không về... mình Mẹ lặng im...”. Những ca từ ấy không chỉ là giai điệu, mà như từng giọt nước mắt lặng lẽ thấm vào đất, khắc họa nỗi đau sâu thẳm và sự hy sinh vô bờ bến của những Bà mẹ Việt Nam Anh hùng. Chiến tranh đã lùi xa, nhưng những mất mát âm thầm và vĩ đại của các Mẹ vẫn còn đó, hóa thành ký ức không thể phai mờ trong dòng chảy lịch sử dân tộc.

Nỗi đau chưa bao giờ nguôi

Một ngày tháng Tư, chúng tôi trở lại Sơn Dương. Trong căn nhà nhỏ ở thôn Cây Thị, câu chuyện của Mẹ Việt Nam Anh hùng Tỉnh Thị Lộc khiến không gian như lắng lại. Ở tuổi 93, đôi mắt Mẹ đã mờ theo năm tháng, nhưng ký ức về chồng, về con vẫn vẹn nguyên, như mới hôm qua.

Mẹ có chồng và con trai là liệt sĩ đã hy sinh trong kháng chiến chống Mỹ và chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc. Chồng là liệt

sĩ Ma Văn Lập, sinh năm 1934, tham gia kháng chiến chống Mỹ từ năm 1968. Ông hy sinh năm 1969 tại chiến trường miền Nam. Đến nay, phần mộ liệt sĩ vẫn chưa được tìm thấy. Nén đau thương, Mẹ một mình vừa nuôi 7 người con khôn lớn, vừa tham gia cách mạng tại địa phương vừa.

Rồi chiến tranh lại cướp đi người con trai thứ tư, liệt sĩ Ma Văn Đoán, khi anh vừa bước qua tuổi đôi mươi, hy sinh trong cuộc chiến bảo vệ biên giới phía Bắc. Nhắc đến người con trai hy sinh, đôi mắt mờ nhòe của mẹ vẫn ánh lên nỗi đau sâu thẳm: “Những lá thư từ tiền tuyến chồng và con gửi về đều là lời động viên vợ, mẹ giữ gìn sức khỏe, dặn dò các con, em chăm ngoan và hứa hẹn ngày chiến thắng trở về. Nhưng lần lượt giấy báo tử gửi về, chồng và con đều đã hy sinh trong các trận đánh ác liệt. Cứ mỗi lần nhìn thấy bộ quân phục, kỷ vật của chồng, con mà đồng đội gửi về tôi lại không cầm được nước mắt” - Mẹ kể, giọng chậm rãi nhưng nghẹn lại.

NƯỚC MÁT CHÁY VÀO LÒNG ĐẤT MẸ

Rời Sơn Dương, chúng tôi ngược về xã Trung Sơn, nơi Mẹ Việt Nam Anh hùng Lương Thị Hồng (89 tuổi) đang sống tại thôn Khuân Trờ. Đón chúng tôi từ cổng với nụ cười hiền hậu, nhưng đôi mắt Mẹ vẫn trĩu nặng ưu tư.

Trong gian nhà nhỏ, ở vị trí trang trọng nhất trong nhà là hai tấm Bằng Tổ quốc ghi công. Đó cũng là nơi neo giữ ký ức về hai người con trai đã mãi mãi không trở về. Ngược nhìn lên những tấm Bằng khen, Huân chương, Huy chương chiến công của các con, bao nhiêu ký ức ùa về.

Mẹ Hồng nghẹn ngào kể: “Trong vòng 5 năm, mẹ đã mất đi cả hai người con trai. Con trai cả của mẹ là liệt sĩ Ma Văn Tuyên, hy sinh ở chiến trường Tây Ninh năm 1979, con trai thứ là liệt sĩ Ma Văn Thị, ngã xuống tại chiến trường Vị Xuyên (Hà Giang) năm 1984. Mẹ nhớ như in ngày tiễn con đi. Trời sau Tết còn rét, người con trai dặn dò tên cho đứa con chưa kịp chào đời”.

Liệt sĩ Ma Văn Thị nhập ngũ ngày 24-2-1984, hy sinh ngày 18-4-1984 tại chiến trường Vị Xuyên (Hà Giang) chỉ sau hơn 2 tháng chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc. Mẹ kể, trước ngày liệt sĩ Thị mất, đêm nào mẹ cũng mơ thấy anh bị thương, máu thấm ướt cơ thể mà không dám kể với ai, chỉ âm thầm chịu đựng. Nỗi đau quá lớn khiến Mẹ khóc cạn nước mắt, đến mức suốt tám năm liền không còn nhìn thấy ánh sáng. Chỉ đến khi được phẫu thuật, đôi mắt Mẹ mới dần sáng lại. Mẹ bảo, ông trời cho Mẹ nhìn lại để được thấy cháu nội, giọt máu duy nhất của người con đã hy sinh, đứa trẻ Mẹ nuôi từ khi mới ba ngày tuổi.

Những ngày tháng 4, căn nhà nhỏ của Mẹ Hồng lại rộn ràng hơn thường nhật, khi chính quyền và tuổi trẻ trong xã đến thăm hỏi, giúp mẹ và gia đình dọn dẹp nhà cửa, vườn tược. Ngôi nhà này được Đảng, Nhà nước, Bộ Quốc phòng hỗ trợ xây dựng; bàn ghế, vật dụng sinh hoạt cũng được các doanh nghiệp chung tay trao tặng. Mẹ nhận được sự quan tâm, chăm lo thương xuyên của các cấp, các ngành trong tỉnh.

CHỜ NGÀY CÁC CON VỀ...

Tại phường Minh Xuân, trong căn nhà nhỏ, Mẹ Việt Nam Anh hùng Lâm Thị Giã lặng lẽ bên khung cửa. Tuổi



Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Công an tỉnh thăm, tặng quà mẹ Lâm Thị Giã.

già khiến trí nhớ Mẹ khi nhớ khi quên, nhưng cứ nhắc đến tên các con, ánh mắt lại bừng sáng - vừa tự hào, vừa đau đau.

Mẹ kể, giọng run run nhưng rành rọt: “Thằng anh Lê Thanh Hải nhập ngũ năm 1971, rồi sau đó hai thằng em Lâm Văn Tuấn, Lê Ngọc Sơn cũng lần lượt đi. Tổ quốc cần thì chúng nó lên đường thôi”.

Mẹ bảo, thời trẻ mẹ cũng là thanh niên xung phong, từng lần lộn trên các tuyến đường lửa đạn, hết vận chuyển gạo lại tải súng cho tiền tuyến. Hiểu cái lý của người làm trai thời chiến, hiểu tiếng gọi của non sông, Mẹ gạt nước mắt từng đứa con đi mà chẳng một lời ngăn cản. Mẹ có 5 người con, thì có tới 4 con trai. Ba người con lên đường nhập ngũ, ngày hòa bình chỉ có mình anh Lê Ngọc Sơn trở về. Nhưng nghiệt ngã thay, anh Sơn sau đó cũng lìa xa mẹ vì một tai nạn giao thông.

Nỗi đau của Mẹ không chỉ là sự mất mát, mà còn là nỗi day dứt khi chưa tìm được nơi các con yên nghỉ. Hàng chục năm trôi qua, gia đình vẫn bền bỉ tìm kiếm. Có những đêm mơ thấy con về, Mẹ lại tỉnh giấc, lần sờ lên di ảnh các anh trên bàn thờ. Mẹ chỉ ước, trước khi nhắm mắt, có thể đón các con về với đất mẹ quê nhà.

Trên địa bàn tỉnh hiện có 263 Mẹ Việt Nam Anh hùng được phong tặng, truy tặng danh hiệu. Hiện còn 3 Mẹ Tình Thị Lộ, Lương Thị Hồng, Lâm Thị Giã được Công ty Điện lực Tuyên Quang, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bệnh viện tai mũi họng Trung ương, Bộ Ngoại giao nhận phụng dưỡng, chăm sóc. Sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và cộng đồng dành cho các Mẹ hôm nay không chỉ là chính sách, mà còn là đạo lý. Những căn nhà được sửa sang, những đôi mắt được chữa sáng, những vòng tay phụng dưỡng... tất cả là sự tri ân đối với những hy sinh không gì bù đắp nổi.

Những ngày tháng Tư, khi đất nước rợp cờ hoa, hình ảnh những người Mẹ “ba lần tiễn con đi, hai lần khóc thầm lặng lẽ” lại hiện về như một biểu tượng bất diệt. Dáng Mẹ gầy gò theo năm tháng, nhưng chính là dáng hình của Tổ quốc - kiên cường, nhẫn nại và bao dung. Tri ân và chăm sóc các Mẹ Việt Nam Anh hùng không chỉ là trách nhiệm, là chính sách, mà còn là tiếng gọi từ trái tim của thế hệ hôm nay dành cho những người phụ nữ đã dâng hiến tất cả vì độc lập, tự do của dân tộc ■

Đền thờ các Anh hùng liệt sỹ trên đỉnh cao 468, xã Thanh Thủy.



Tên điểm cao 468

■ BIÊN LUÂN

Những ngày tháng Tư lịch sử, tại Đền thờ các Anh hùng liệt sỹ trên đỉnh cao 468, thôn Nậm Ngặt, xã Thanh Thủy, chúng tôi có dịp gặp gỡ những cựu chiến binh (CCB) trong ngôi nhà chung đặc biệt: Câu lạc bộ “Trái tim người lính Vị Xuyên, Hà Giang”. Không còn tiếng súng đạn gầm vang trên “Lò vôi thế kỷ”, chỉ còn cái nắm tay thật chặt, giọt nước mắt rưng rưng khi nhắc tới đồng đội và niềm trân trọng khôn nguôi về hành trình tri ân chưa khi nào ngơi nghỉ.



Các cựu chiến binh kể lại những trận đánh ác liệt ngay tại đỉnh cao 468.

“Trạm dừng chân” của cựu chiến binh

CHIỀU biên giới bình yên, gió nhẹ từ mặt sông Lô trườn lên những điểm cao, khẽ lay động những bông gạo đỏ rực nơi biên ải. CCB Trần Quý Bình (Trung đoàn 122- F313, Quân Khu 2) vừa trở về từ các điểm cao khi cùng đoàn CCB tìm kiếm thông tin đồng đội. Gần 40 năm biên giới yên tiếng súng, màu xanh của sự sống đã phủ dày lên những trận địa pháo năm xưa, nhưng gần 2.000 liệt sỹ vẫn còn nằm trong khe đá, dưới thung sâu, đến nay chưa được

tìm thấy. Cũng là chùng ấy thời gian, anh Bình đau đầu, trăn trở. Bởi thế, cứ có thông tin đồng đội trong CLB cung cấp là anh lại lên đường, cùng với Đội Tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sỹ của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh băng núi cao, lượn khe đá tìm kiếm các anh về. Anh Bình chia sẻ: “Thông qua các nguồn tin của các CCB chúng tôi đã xác định được vị trí và hỗ trợ tìm kiếm thành công hàng chục bộ hài cốt liệt sỹ”. Câu chuyện anh kể có lúc chùng xuống khi những đợt tìm kiếm thất bại, có lúc đầy phấn khởi khi có những manh mối tin cậy. Cứ thế, những ký ức chiến tranh, nỗi nhớ thương

đồng đội ùa về, ngấn lệ trên mi mắt, thắt chặt trái tim đau. Quyển sổ ghi chép của tôi cũng nhòe mực tự lúc nào.

Nơi chúng tôi đang đứng, từng là một trong những “tọa độ lửa” khốc liệt nhất của mặt trận Vị Xuyên, nơi hàng nghìn người lính đã ngã xuống trong cuộc chiến bảo vệ biên giới phía Bắc giai đoạn 1979 - 1989. Con đường lên Nậm Ngật hôm nay phủ xanh cây lá, nhưng dưới lớp đất đá ấy là ký ức chưa bao giờ ngủ yên. Năm 2016, với tâm nguyện có nơi thấp hương anh linh các Anh hùng liệt sỹ, các cựu chiến binh mặt trận Vị Xuyên đã vận động, kêu gọi xã hội hóa xây dựng Nhà tưởng niệm, đài hương ngay tại điểm cao 468. Công trình được xây dựng với diện tích trên 1.100 m²; trong đó có một nhà tưởng niệm 3 gian, Bia Tổ quốc ghi công, Bia kiến lập Đài hương, Bia ký ức không quên, kè móng đá, kè cốt thép, nhà sắp lễ, nhà hóa vàng, nhà ban quản lý, cổng và các công trình phụ trợ khác.

Đứng trước Đền thờ các Anh hùng liệt sỹ, không gian lặng đến mức có thể nghe rõ tiếng gió luồn qua vách núi. Làn khói hương bảng lảng bay như sợi chỉ, nối hiện tại với quá khứ. Hôm nay, những bước chân trở lại chiến trường xưa không mang theo ba lô, súng đạn. Họ đứng đây, trên chiến hào ác liệt năm xưa, với một tâm nguyện thiêng liêng là tìm kiếm và đưa các anh về đất mẹ. Đền thờ trên điểm cao 468 là nơi hội tụ linh khí đất trời, hương hồn các liệt sỹ, cũng là “trạm dừng chân” của những người trở về sau cuộc chiến.

Đen nghĩa tình đồng đội

Lần trở lại điểm cao 468 này, chúng tôi có nhiều thời gian trò chuyện với các thành viên Câu lạc bộ “Trái tim người lính Vị Xuyên, Hà Giang”. Đây là tổ chức xã hội tự nguyện, được thành lập từ tháng 12/2023, thuộc hệ thống CLB của tổ chức “Trái tim người lính Việt Nam”. CLB hoạt động với tôn chỉ, mục đích tôn vinh và tri ân những cá nhân, tập thể đã vì dân, vì nước, cống hiến, hy sinh cho độc lập, tự do của dân tộc; tuyên truyền, quảng bá các tác phẩm về người lính; kết nối, chia sẻ, tổ chức các hoạt động tri ân; truyền cảm hứng về lịch sử, truyền thống yêu nước, đấu tranh bảo vệ Tổ

quốc cho thế hệ trẻ và những người yêu chuộng hòa bình. Đến nay, CLB phát triển lớn mạnh với trên 1.200 hội viên, chủ yếu là các CCB trên địa bàn tỉnh từng tham gia Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và Cuộc chiến bảo vệ biên giới phía Bắc.

Ra đời từ tâm huyết của những người đi qua khói lửa chiến tranh, CLB không chỉ là nơi kết nối những trái tim yêu nước, kiên cường, dũng cảm, mà trở thành cầu nối nhân văn, viết tiếp bản hùng ca tri ân giữa thời bình, biến những đau thương, mất mát năm xưa thành sức mạnh của sự thấu cảm, góp phần xoa dịu nỗi đau và làm đẹp thêm hình ảnh “Bộ đội Cụ Hồ” trong kỷ nguyên mới.

Từ khi thành lập đến nay, CLB đã vận động, kêu gọi được nguồn quỹ gần 7 tỷ đồng, trong đó hơn 300 triệu đồng được trao tận tay các gia đình chính sách, thân nhân liệt sỹ và con em thương binh có hoàn cảnh khó khăn, hộ nghèo vùng dân tộc thiểu số; 250 triệu đồng ủng hộ mua sắm vật tư, thiết bị để hỗ trợ công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sỹ. Đặc biệt, hỗ trợ hàng tỷ đồng để tu bổ, tôn tạo các hạng mục của nhà bia tưởng niệm các Anh hùng liệt sỹ tại xã Thanh Thủy và đền thờ trên điểm cao 468.

Bên cạnh đó, CLB còn phối hợp tổ chức các buổi lễ cầu siêu anh linh các Anh hùng liệt sỹ; ra mắt cuốn sách “Trái tim người lính Vị Xuyên, Hà Giang”, tọa đàm, gặp mặt các CCB nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm; giới thiệu các tập sách về đề tài chiến tranh và người lính; tích cực sưu tầm tư liệu, kỷ vật chiến tranh.

Nhà văn Đặng Quang Vượng, Chủ tịch CLB chia sẻ: “Ngoài các hoạt động đang triển khai, CLB sẽ thực hiện thêm dự án “Tủ sách Đặng Thùy Trâm” lưu động tại các trường học và xã vùng sâu, vùng xa. Đây sẽ là những “hạt giống” tâm hồn bồi đắp cho thế hệ trẻ lý tưởng sống cao đẹp và lòng biết ơn sâu sắc”.

Gấp lại cuốn sổ tay, thấp nén hương thơm trước anh linh các Anh hùng liệt sỹ, chúng tôi rời đài hương 468. Bước chân các CCB trĩu nặng ân tình với đồng đội. Những nhịp đập từ trái tim người lính hôm nay đang hòa cùng nhịp phát triển của quê hương cực Bắc. Từ đài hương 468, hành trình tri ân sẽ mãi nối dài để màu xanh áo lính luôn là biểu tượng của tinh thần yêu nước và khát vọng hòa bình ■

*Cánh rừng
nguyên sinh
cùng thảm
thực vật
phong phú
làm say lòng
du khách.*



Nguồn cội dân tộc

GIỖ Tổ Hùng Vương (mùng 10 tháng 3 âm lịch) từ bao đời nay chưa bao giờ đơn thuần chỉ là một ngày lễ hội. Đó là điểm tựa tâm linh vững chắc, nhắc nhở những người con đất Việt về thuở khai sơn phá thạch, dựng nên quốc gia Văn Lang - nhà nước đầu tiên, cội nguồn của cả một dân tộc anh hùng.

Lịch sử nước Việt bắt đầu từ thời đại Hùng Vương. Trải qua 18 đời Vua nối nghiệp, các bậc tiền nhân đã bằng mồ hôi, nước mắt và cả máu xương để đặt những viên gạch đầu tiên cho nền văn minh lúa nước bên lưu vực sông Hồng. Chính từ thủa hồng hoang ấy, cha ông ta đã rèn giũa bản lĩnh kiên cường qua những ngày cùng nhau đắp đê trị thủy, chinh phục thiên nhiên, đúc thạp đồng, trống đồng và cầm vũ khí đánh đuổi giặc ngoại xâm, bảo vệ bờ cõi.

Những giá trị thiêng liêng của bề dày lịch sử vàng son ấy đã được cha ông ta gửi gắm trọn vẹn qua truyền thuyết Lạc Long Quân và Âu Cơ. Từ bọc trăm trứng nở ra trăm người con, tỏa đi lên rừng xuống biển, chúng ta tự hào có chung danh xưng “Đồng bào” - những người cùng sinh ra từ một bọc.

Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ra đời từ sự tri ân sâu sắc trước công đức trời biển ấy. Lý giải về sức sống mãnh liệt và tính độc bản của tín ngưỡng này, nhà nghiên cứu văn hóa dân gian tỉnh Phú Thọ Phạm Bá Khiêm khẳng định: “Hiếm có quốc gia nào trên thế giới lại có một ngày giỗ chung cho toàn dân tộc như Việt Nam. Giỗ Tổ Hùng Vương là một hiện tượng văn hóa đặc sắc, minh chứng cho ý thức tự cường và tinh thần dân tộc được giác ngộ từ



Đoàn lễ rước kiệu qua cổng Đền Hùng.

“Dù ai đi ngược về xuôi,..”

■ Ghi chép: GIANG LAM

“DÙ AI ĐI NGƯỢC VỀ XUÔI / NHỚ NGÀY GIỖ TỔ MÙNG MUỖI THÁNG BA”. TIẾNG GỌI THIÊNG LIÊNG ẤY NGÀN ĐỜI NAY ĐÃ IN SÂU VÀO TÂM KHẢM, TRỞ THÀNH ĐIỂM TỰA TINH THẦN VỮNG CHẢI CỦA MỖI NGƯỜI CON ĐẤT VIỆT. THÁNG BA ÂM LỊCH, CÙNG VỚI CẢ NƯỚC, QUÊ HƯƠNG CÁCH MẠNG TUYÊN QUANG THÀNH KÍNH HƯỚNG VỀ ĐỈNH THIÊNG NGHĨA LĨNH. HƠN CẢ SỰ TRI ÂN CỘI NGUỒN, NIỀM TỰ HÀO “CON RỒNG CHÁU TIÊN” VÀ NGHĨA “ĐỒNG BÀO” RUỘT THỊT GIỜ ĐÂY ĐANG HÓA THÀNH SỨC MẠNH NỘI SINH VÔ TẬN, THẮP LÊN KHÁT VỌNG VƯỜN MÌNH.

rất sớm. Dù người Việt Nam có đa dạng về hoàn cảnh sống hay tín ngưỡng cá nhân, tất cả đều quy tụ về một điểm tâm linh chung là Đền Hùng. Chính điều này tạo ra một mạng lưới văn hóa vững chãi, giúp dân tộc ta không bị đồng hóa sau hàng nghìn năm Bắc thuộc và vẹn nguyên bản sắc qua mọi biến thiên dâu bể”.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, khi các giá trị văn hóa truyền thống đứng trước vô vàn thách thức của sự pha trộn, việc duy trì và phát huy những di sản như Giỗ Tổ Hùng Vương chính là nền tảng cốt lõi để bảo vệ và xây dựng bản sắc văn hóa quốc gia. Khởi dậy và tiếp nối mạch nguồn thiêng liêng ấy, Chương trình Giỗ Tổ Hùng Vương và Tuần Văn hóa - Du lịch Đất Tổ năm 2026 sẽ diễn ra từ ngày 17 đến 26-4. Đồng chí Nguyễn Huy Ngọc, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ cho biết, điểm nhấn của chương trình là lễ khai mạc vào lúc 20 giờ ngày 17-4 tại Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Đền Hùng và các địa phương trong tỉnh Phú Thọ. Các nghi lễ chính như lễ dâng hương tưởng niệm các Vua Hùng, lễ dâng hương Đức Quốc Tổ Lạc Long Quân, Tổ Mẫu Âu Cơ và lễ rước kiệu sẽ được tổ chức vô cùng trang trọng, chuẩn mực theo đúng nghi thức truyền thống ngàn đời.

Sức mạnh nội sinh

Triết lý sâu sắc từ hai tiếng “đồng bào” đã hóa thành luồng sức mạnh vô tận, giúp cha ông ta đứng vững trước mọi phong ba bão táp, từ những cuộc kháng chiến trường kỳ đến công cuộc đổi mới gian nan. Ngày 19 tháng 9 năm 1954, tại Đền Giếng (thuộc Khu di tích lịch sử Đền Hùng), Bác đã ân cần dặn dò cán bộ, chiến sĩ Đại đoàn Quân Tiên Phong trước khi về tiếp quản Thủ đô: “Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”.

ThS Phạm Văn Phong, Giảng viên Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng khẳng định: “Giữ lấy nước trong kỷ nguyên mới không chỉ là bảo vệ vững chắc bờ cõi, mà còn là khát vọng tự cường, là nỗ lực vươn lên đưa đất nước sánh vai với các cường quốc năm châu. Khi đối mặt với những cơn sóng lớn của thời đại, bệ phóng vững chắc nhất của chúng ta chính là sự đồng lòng. Hai tiếng đồng bào phải được cụ thể hóa bằng trí tuệ tập thể, bằng sự đùm bọc, chia ngọt sẻ bùi, tương trợ lẫn nhau để hiện thực hóa khát vọng vươn mình hùng cường, thịnh vượng”.

Sức mạnh đồng thuận ấy được minh chứng bằng những kết quả thiết thực. Giai đoạn 2020-2025, toàn tỉnh đã xóa hơn 15.000 căn nhà tạm, hỗ trợ làm mới gần 40.000 ngôi nhà. Hơn 3.100 km đường giao thông nông thôn và 1.200 km kênh mương nội đồng được hoàn thành, phần lớn nhờ bà con tự nguyện hiến đất và đóng góp hàng triệu ngày công. Sự gắn kết không chỉ giúp nhau lúc gian khó mà còn tạo đà cho kinh tế bứt phá. Hiện Tuyên Quang đạt tỷ lệ che phủ rừng 65,18% (đứng thứ 3 cả nước), dẫn đầu các tỉnh miền núi phía Bắc về sản lượng khai thác gỗ và đứng nhất toàn quốc về diện tích rừng đạt chứng chỉ bền vững... Những thành quả đó chính là minh chứng sinh động nhất cho sức mạnh của tình đồng bào trên quê hương cách mạng.

Nói về sự gắn kết và lan tỏa tinh thần Giỗ Tổ trong nếp sống nhân dân, ông Nguyễn Đăng Vượng, tổ dân phố Phan Thiết 17, phường Minh Xuân chia sẻ: “Từ đời cha ông đến thế hệ chúng tôi, ngày mùng 10 tháng 3 gia đình tôi luôn sửa soạn mâm cơm thành kính hướng về đất Tổ. Nhắc nhớ truyền thống uống nước nhớ nguồn của dân tộc”.

Giỗ Tổ mùng 10 tháng 3, vì thế, không chỉ là dịp để mỗi người lắng lại, hướng lòng mình về cội nguồn, mà còn là lời nhắc nhở về tình đồng bào gắn kết, biến niềm tự hào Lạc Hồng thành những việc làm thiết thực, cùng nhau sẻ chia và kiến thiết quê hương xứ Tuyên ngày thêm no ấm. Đó chính là cách giản dị và trọn vẹn nhất để thế hệ hôm nay tiếp nối truyền thống tốt đẹp mà cha ông để lại ■



Lễ dâng hương tưởng niệm các Vua Hùng.



Con Lạc cháu Hồng về với cội nguồn.



Nhà sàn truyền thống tại Khu di tích Quốc gia đặc biệt Kim Bình - nơi từng diễn ra Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II, tiếp tục được gìn giữ như một địa chỉ đỏ giáo dục truyền thống.

Nhà sàn chiến khu xưa

■ MỸ UYÊN

TRONG DÒNG CHẢY LỊCH SỬ, ÍT CÓ KHÔNG GIAN NÀO ĐẶC BIỆT NHƯ NHỮNG NẾP NHÀ SÀN Ở XÃ XỨ TUYÊN - NƠI CÁCH MẠNG TỪNG “NUỜNG VÀO DÂN MÀ SỐNG”. KHÔNG PHẢI NHỮNG CÔNG TRÌNH KIẾN CỐ, CŨNG KHÔNG CÓ TƯỜNG CAO HÀO SÂU, CHÍNH NHỮNG MÁI NHÀ ĐƠN SƠ CỦA ĐỒNG BÀO TÀY LẠI TRỞ THÀNH “PHÁO ĐÀI LÒNG DÂN” VỮNG CHẮC NHẤT. VƯỢT LÊN TRÊN LỚP BỤI THỜI GIAN, KIẾN TRÚC NHÀ SÀN NAY ĐÃ HÒA CÙNG NHỊP SỐNG ĐƯƠNG ĐẠI, KẾT TIẾP CÂU CHUYỆN VỀ VÙNG ĐẤT “THU ĐÔ KHU GIẢI PHÓNG, THỦ ĐÔ KHÁNG CHIẾN”.

NHỮNG PHÁO ĐÀI CHỖ CHE CÁCH MẠNG

VỚI đồng bào Tày, nếp nhà sàn ngoài che mưa, che nắng còn là một vũ trụ thu nhỏ, nơi hội tụ triết lý nhân sinh sâu sắc và sự giao hòa tuyệt mỹ giữa con người với thiên nhiên. Kiến trúc ấy hòa vào đất trời, bởi vật liệu dựng nhà đều lấy từ đại ngàn: Những cột gỗ vững chãi, vách nửa đan nong khéo léo và mái lá cọ - hình ảnh biểu tượng của vùng quê cách mạng xứ Tuyên.

Bước từng bước lên bậc cầu thang, không gian văn hóa Tày hiện ra rõ nét và dung dị. Bà Đào Thị Lê, thôn Bó Cùm (xã Kim Bình) chia sẻ: “Cầu thang là nhịp cầu giao hòa giữa âm và dương. Bậc thang lên xuống bao giờ cũng là số lẻ, thường được đeo gọt 9 bậc, tượng trưng cho 9 vía của con người, gửi gắm ước vọng gia đình luôn làm ăn tấn tới, vạn sự hanh thông”.

Bước qua cầu thang là chạm vào không gian trung tâm của ngôi nhà sàn. Những ngôi nhà lớn thường bố trí 5 gian (3 gian chính, 2 chái), mỗi gian đảm nhiệm một chức năng rõ ràng. Gian đầu là nơi đón khách, thể hiện sự hiếu khách và nền nếp gia phong. Gian giữa trang trọng đặt bàn thờ tổ tiên - điểm tựa tâm linh gìn giữ cội nguồn và cầu mong ấm no, viên mãn. Tiếp đó là gian bếp chính, không chỉ để nấu

nướng, mà còn là nguồn sáng tự nhiên, bù lại sự hạn chế ánh sáng do mái lợp thấp và cửa sổ nhỏ. Các gian còn lại phục vụ sinh hoạt, nghỉ ngơi và cất giữ lương thực, tạo nên một cấu trúc vừa hợp lý, vừa thấm đẫm triết lý sống của cư dân miền núi. Bếp lửa giữa nhà là nơi giữ ấm, giữ lửa yêu thương và giữ cả mạch nguồn văn hóa.

Nhưng điều khiến người ta dừng lại lâu hơn không chỉ là kiến trúc, mà là những câu chuyện phía sau mỗi nếp nhà. Ngôi nhà sàn của cụ Nguyễn Tiến Sự, thôn Tân Lập (xã Tân Trào) là nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh từng ở và làm việc từ ngày 21-5-1945, đến nay vẫn được gìn giữ gần như nguyên trạng. Cách đó không xa là nhà cụ Hoàng Trung Dân - nơi đồng chí Võ Nguyên Giáp từng ở và làm việc, cũng là nơi đánh máy Bản Quân lệnh số 1, phát đi lời hiệu triệu Tổng khởi nghĩa tháng Tám lịch sử năm 1945.

Tại thôn Bó Cùm (xã Kim Bình), cách đây 75 năm, Tuyên Quang được lựa chọn là nơi diễn ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng - một dấu mốc mang tầm vóc chiến lược, khi lần đầu tiên Đảng tổ chức Đại hội trên chính đất nước mình, khẳng định bản lĩnh tự chủ và mở ra bước chuyển quan trọng

cho cách mạng Việt Nam. Cụ Hoàng Văn Bảo (hơn 90 tuổi), thôn Khuân Nhựt kể: “Khi ấy, nhà tôi được chọn làm nơi đón cán bộ Việt Minh về ở. Tôi vẫn nhớ như in hình ảnh đồng chí Nguyễn Lương Bằng cùng các đồng chí về sinh hoạt, làm việc ngay trong nếp nhà sàn giản dị. Với chúng tôi, đó là vinh dự và là kỷ ức thiêng liêng theo suốt cuộc đời”.

TỪ NẾP NHÀ XƯA ĐẾN SINH KẾ HÔM NAY

Dưới nếp nhà sàn năm xưa, đồng bào Tày từng giã gạo thâu đêm nuôi quân, nhường cơm sẻ áo, giữ nguyên tắc “3 không” (không biết, không nghe, không thấy) để bảo vệ cách mạng. Ngày nay, trong dòng chảy hội nhập và phát triển, không ít gia đình đã biến nhà sàn truyền thống thành các homestay du lịch cộng đồng. “Đây là cách thức bảo tồn sống động nhất, biến di sản thành sinh kế bền vững”, Chủ tịch Hiệp hội Du lịch tỉnh Lai Quốc Tỉnh khẳng định.

Đọc hai bên tuyến đường rải nhựa phẳng lì dẫn vào thôn Bó Củng, từng nếp nhà sàn ngấn nấp, kang trang nếp mình bên những khu vườn xanh mướt, tạo nên bức tranh thiên nhiên thanh bình mà trù phú. Trưởng thôn Đặng Thị Kim chia sẻ: “Thôn có 145 hộ dân, hơn 70% là đồng bào Tày, nay chỉ còn 4 hộ nghèo do hoàn cảnh bất khả kháng. Đặc biệt, đã có 7 hộ tiên phong chính trang nhà sàn làm homestay, mỗi nhà có thể đón từ 20-30 khách”. Ấn tượng hơn, những nếp nhà sàn ở Bó Củng còn được gìn giữ và phát huy đúng giá trị văn hóa vốn có. Gian giữa được giữ thông thoáng, là không gian sinh hoạt chung. Gầm sàn được dọn dẹp sạch sẽ, trở thành nơi đón khách du lịch và trải nghiệm nghề đan lát truyền thống. Bên khung cửa sổ, cây đàn Tính được đặt sẵn, du khách có thể tự tay gảy nhịp Tấu, ngân nga điệu Then, hòa mình vào không gian văn hóa đặc trưng.

Còn tại thôn Tân Lập, từ quyết sách của Chi bộ trong việc bảo tồn nhà sàn gắn với phát triển du lịch cộng đồng, thôn hiện

giữ được 24 nhà sàn truyền thống; có 18 nhà sàn bê tông giả gỗ; gần 20 gia đình trong đó nhạy bén kinh doanh homestay, góp phần nâng mức thu nhập bình quân lên 63 triệu đồng/người/năm. Trưởng thôn Tân Lập Bế Văn Dự cho biết: “Việc biến nhà sàn thành homestay đã tạo ra một vòng tuần hoàn khép kín: Thu nhập từ du lịch giúp bà con tự giác tu sửa nhà cửa, khôi phục nghề truyền thống và níu giữ thanh niên ở lại làm giàu trên chính quê hương”.

Giá trị kinh tế ấy còn được thắp lên từ chính những hậu duệ đang ngày đêm gìn giữ “địa chỉ đỏ”. Đến thăm ngôi nhà lịch sử của cụ Hoàng Trung Dân, người cháu đời thứ 3 là anh Hoàng Văn Nhiên đã kế thừa và phát triển thành một homestay kang trang rộng 220 m², kết hợp mở thêm nhà hàng sinh thái. Anh Nhiên chia sẻ: “Mỗi ngày cơ sở đón từ 50 - 600 lượt khách, mang lại doanh thu 2-3 tỷ đồng/năm, tạo sinh kế cho nhiều lao động với thu nhập 6-7 triệu đồng/người/tháng”. Tương tự, tại nếp nhà của cụ Nguyễn Tiến Sự, thế hệ thứ 4 là anh Nguyễn Văn Dũng cũng đang dốc lòng gìn giữ di sản của ông cố nội bằng mô hình lưu trú bài bản. Bước vào không gian ấm cúng ấy, du khách không chỉ được nghỉ ngơi mà còn xúc động sâu sắc khi thấp nhen nhang thơm tại bàn thờ Bác Hồ đặt trang trọng trong gian nhà.

Anh Nguyễn Văn Vinh, du khách đến từ tỉnh Bắc Ninh chia sẻ: “Đến Tân Lập, điều khiến tôi ấn tượng hơn cả là được tìm hiểu về kiến trúc và lịch sử ngay trong chính ngôi nhà mình lưu trú. Có lúc tôi ngồi rất lâu để nghe kể chuyện, thấp nhen hương tưởng nhớ các vị tiền bối cách mạng, rồi mới bắt đầu hành trình trải nghiệm”. Từ những chia sẻ ấy có thể thấy, sức hút của nhà sàn không nằm ở tiện nghi, mà ở chiều sâu ký ức. Chính câu chuyện lịch sử, văn hóa gắn với từng mái nhà đã tạo nên giá trị khác biệt, giúp du lịch vùng chiến khu xưa phát triển theo hướng bền vững - lấy di sản làm nền tảng, lấy cảm xúc làm điểm chạm và lấy tình người đón hậu làm lát mềm níu chân du khách.

Thời gian có thể phủ lớp rêu phong lên mái cọ, nhưng nếp nhà và nghĩa tình sắt son của người dân quê hương cách mạng thì vẫn mãi âm nồng, vẹn nguyên như thuở ban đầu ■

NẾP NHÀ

Mạch nguồn từ chữ hiếu

■ THIÊN THANH

TRONG mỗi gia đình Việt, có một dòng chảy âm thầm mà bền bỉ, nuôi dưỡng nếp sống và kết nối các thế hệ - đó là chữ hiếu. Chữ hiếu như mạch nguồn lặng lẽ chảy qua từng bữa cơm, lời nói, nếp nghĩ; khi đủ đầy thì êm ấm, khi vơi cạn lại dễ làm chao đảo cả một mái nhà.

Từ xa xưa, chữ hiếu đã được đặt ở vị trí cốt lõi trong đạo lý làm người. Người xưa dạy con không chỉ học chữ, học nghề mà trước hết phải học làm người hiếu thuận. Hiếu là kính trọng, là biết ơn, là sự chăm sóc cha mẹ khi tuổi già, nhưng sâu xa hơn, đó còn là cách sống sao cho phải đạo, để cha mẹ được an lòng. Trong nếp nhà truyền thống, chữ hiếu hiện hữu rất cụ thể: một bữa cơm sum vầy, một lời thưa gửi lễ phép, một sự nhường nhịn... Chính những điều giản dị ấy đã vun đắp sự gắn bó, tạo thành nền nếp gia phong qua bao thế hệ.

Nhưng đời sống hôm nay đã khác. Nhịp sống gấp gáp, những bước chân mưu sinh đưa nhiều người con rời xa quê nhà. Khoảng cách địa lý khiến sự gắn gũi về không gian không còn như trước. Sự khác biệt về tư duy, lối sống giữa các thế hệ cũng khiến việc bày tỏ tình cảm đôi khi trở nên khó khăn!

Thực ra, mạch nguồn ấy chưa bao giờ ngừng chảy. Chỉ là nó đang len lỏi theo những cách khác, phù hợp hơn với đời sống hiện đại. Một cuộc điện thoại hỏi han cha mẹ sau ngày dài bận rộn; một chuyến trở về dù ngắn ngủi nhưng trọn vẹn nghĩa tình; hay sự nỗ lực sống tử tế, làm việc lương thiện để cha mẹ yên lòng... cũng là những biểu hiện chân thực của chữ hiếu. Đôi khi, hiếu còn là sự thấu hiểu, biết lắng nghe những mong mỏi của cha mẹ, đồng thời kiên nhẫn sẻ chia để cha mẹ hiểu được lựa chọn của con. Khi tình cảm được đặt làm gốc, hình thức biểu hiện có thể đổi thay, nhưng giá trị thì vẫn vẹn nguyên.

Giữ cho mạch nguồn ấy không vơi cạn, cũng cần sự chuyển mình từ chính mỗi nếp nhà. Cha mẹ không chỉ mong con hiếu thảo, mà cũng cần học cách lắng nghe, đồng hành cùng con trong một thế giới đã khác. Khi sự yêu thương đi cùng với tôn trọng, chữ hiếu sẽ không còn là khuôn phép nặng nề, mà trở thành sợi dây tự nhiên gắn kết các thế hệ.

Nếp nhà có thể đổi thay theo thời gian, nhưng khi mạch nguồn vẫn còn chảy trong mỗi gia đình, thì giá trị cốt lõi của văn hoá Việt vẫn được gìn giữ. Và từ chính mạch nguồn ấy, mỗi con người lại tìm thấy điểm tựa bền vững nhất cho hành trình của mình ■

CẨM NANG XÊ DỊCH

Nhiều chi, Đảng bộ chọn Khu di tích Quốc gia đặc biệt Tân Trào để sinh hoạt chuyên đề.



Hành trình của lòng biết ơn

BIÊN LUÂN

Trong dòng chảy của lịch sử dân tộc, có những giá trị không bị cuốn theo nhịp xoay thời đại, mà lắng lại trong chiều sâu của ký ức và thời gian. Hành trình về nguồn của thế hệ hôm nay chính là để chạm vào quá khứ bằng cảm xúc thiêng liêng, bồi đắp nhận thức, nuôi dưỡng lòng biết ơn và tiếp thêm động lực để sống có trách nhiệm với tương lai đất nước.

Mạch nguồn lịch sử xứ Tuyên

SÁNG tháng Tư ở Tân Trào, ánh nắng ban mai xuyên qua tán đa cổ thụ, rơi xuống mái đình Hồng Thái những vệt vàng óng ả. Không gian tĩnh lặng của núi rừng được đánh thức bởi bước chân rộn ràng, háo hức của đoàn du khách đến từ Hà Nội. Trong trang phục áo cờ đỏ sao vàng, họ xếp hàng ngay ngắn dưới bóng đa, lắng nghe chị Lò Thị Tâm, hướng dẫn viên tại Bảo tàng ATK Tân Trào giới thiệu về lịch sử. Chị Tâm chia sẻ: “Trước đây, khách chủ yếu chỉ đến tham quan, tìm hiểu di tích. Nhưng giờ đây, để đáp ứng yêu cầu trải nghiệm, chúng tôi thiết kế các hoạt động như trò chơi dân gian, rung chuông vàng tìm hiểu lịch sử, xem phim tư liệu, nghe hát Then, làm bánh giầy, cơm lam... giúp du khách hiểu sâu sắc hơn về mảnh đất cách mạng Tân Trào bằng tất cả giác quan”.

Tân Trào 80 năm trước là nơi diễn ra nhiều sự kiện chính trị trọng đại của dân tộc, là “Thủ đô Khu giải phóng”, “Thủ đô Kháng chiến”, nơi ở và làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các cơ quan Trung ương trong giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp. Tân Trào hôm nay là Khu di tích quốc gia đặc biệt, là “bảo tàng sống” của đại ngàn Tây Bắc, “địa chỉ đỏ” giáo dục truyền thống cách mạng và hành trình tri ân của du khách.

Xúc động trước căn lán Nà Nưa đơn sơ, em Phạm Kim Phượng (du khách Hà Nội) chia sẻ: “Chứng kiến điều kiện sinh hoạt vô cùng khó khăn, cực khổ của Bác Hồ ngày ấy



Học sinh trải nghiệm làm cơm lam của người Tày tại Khu di tích Quốc gia đặc biệt Tân Trào.

và hành trình khai sinh đất nước tại nơi này, chúng em không chỉ cảm phục mà thấy bản thân thật may mắn được sinh ra từ đất nước giàu truyền thống cách mạng và lòng yêu nước nồng nàn, càng thấy mình cần có trách nhiệm học tập tốt hơn để có ích cho tương lai”.

Rời Tân Trào, hành trình về nguồn của chúng tôi tiếp tục ngược lên phía Bắc, đến với Nghĩa trang Liệt sĩ Quốc gia Vị Xuyên. Hơn 4.000 cán bộ, chiến sỹ hy sinh trong cuộc chiến bảo vệ biên giới phía Bắc 40 năm trước, trong đó hơn 1.800 liệt sĩ đang yên nghỉ tại nghĩa trang này là chứng ấy câu chuyện về lòng yêu nước, anh dũng chiến đấu, hy sinh với tinh thần bất diệt: “Sống bám đá đánh giặc, chết hóa đá bất tử”. Tuyến du lịch tâm linh về nguồn từ Nghĩa trang liệt sĩ Quốc gia Vị Xuyên đến Đền thờ các Anh hùng liệt sĩ trên đỉnh cao 468 xã Thanh Thủy đang được khai thác hiệu quả. Những cựu chiến binh mái đầu đã bạc lặng lẽ nhìn về phía các điểm cao, nơi nhiều đồng đội các anh đã mang thanh xuân gieo tự do cho đất nước. Những bạn trẻ lần đầu nghe đến “Lò vôi thế kỷ”, “Thung lũng gọi hồn”, “Cối xay thịt người” đã không thể kìm lòng trước những mất mát đau thương.

Sản phẩm du lịch hút khách

Với vị thế chiến lược quan trọng trong suốt chiều dài dựng nước và giữ nước của dân tộc, tỉnh Tuyên Quang được ví như một “bảo tàng cách mạng” của cả nước, là kho tư liệu vô giá của lịch sử Đảng và cách mạng Việt Nam. Ngày nay, dưới góc nhìn quản trị và kinh tế, các di tích lịch sử đang được “đánh thức” để phát triển du lịch tâm linh, về nguồn bền vững. Đây là loại hình du lịch gắn liền với đức tin, tín ngưỡng tôn giáo, tín ngưỡng thờ cúng, tri ân những vị anh hùng dân tộc, những người có công với đất nước, khám phá di tích lịch sử văn hóa dân tộc.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025 - 2030 tiếp tục xác định phát triển du lịch là một trong những khâu đột phá, trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh. Trên cơ sở quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch Quốc gia Tân Trào đến năm 2030, tỉnh đã triển khai Dự án bảo quản tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị khu di tích với nhiều hạng mục công trình có giá trị lịch sử, văn hóa như Khu tưởng niệm các vị tiền bối cách mạng, Bảo tàng Tân Trào, Quảng trường Tân Trào. Ngoài ra, các khu di tích lịch sử cách mạng trong tỉnh được tôn tạo, phục dựng lại.

Sản phẩm du lịch về nguồn cũng được tiếp cận mới mẻ, hấp dẫn hơn với sự kết hợp giữa tìm hiểu lịch sử và trải nghiệm thực tế. Du khách không chỉ dâng hương, tham quan, tri ân, mà còn tham gia vào các hoạt động tái hiện lịch sử, giao lưu văn hóa, trải nghiệm đời sống của đồng bào các dân tộc. Những chương trình như “Hành quân theo bước chân anh” tại Thanh Thủy, kết nạp đảng viên, đội viên, sinh hoạt chi bộ chuyên đề ngay tại các địa chỉ đỏ cách mạng vừa tạo nên sức lan tỏa mạnh mẽ trong cộng đồng, vừa làm cho hành trình về nguồn trở nên sinh động và hiệu quả hơn.



Các cựu chiến binh và du khách dâng hương tri ân các Anh hùng liệt sĩ trên đỉnh cao 468, xã Thanh Thủy.

Cùng với đó, việc ứng dụng công nghệ số cũng mở ra hướng tiếp cận mới. Hệ thống mã QR, thuyết minh tự động, thực tế ảo (VR), bản đồ số... giúp du khách, đặc biệt là giới trẻ, tiếp cận lịch sử một cách trực quan và sinh động hơn. Tỉnh cũng chú trọng đầu tư hạ tầng giao thông, dịch vụ, tạo điều kiện thuận lợi để kết nối các điểm di tích, hình thành các tuyến du lịch liên hoàn. Tiếp tục xây dựng các dịch vụ, sản phẩm du lịch phụ trợ, như quy hoạch làng homestay, bảo tồn kiến trúc quần thể nhà sàn, lễ hội, cảnh quan rừng đặc dụng giúp du khách có nhiều trải nghiệm chân thực và thú vị.

Những nỗ lực này mang lại kết quả nổi bật khi mỗi năm Khu di tích quốc gia đặc biệt Tân Trào đón trên 750.000 lượt du khách, trong đó hơn 40% là thế hệ trẻ. Nghĩa trang liệt sĩ Quốc gia Vị Xuyên cũng đón trên 100.000 lượt du khách đến dâng hương, tưởng niệm, tri ân mỗi năm. Tại nhiều di tích lịch sử, văn hóa khác như Khu di tích Quốc gia đặc biệt Kim Bình, đền Thượng, đền Hạ, đền Ý la; Căng Bắc Mê, Khu di tích Trọng Con, Dinh thự nhà Vương... lượng du khách cũng tăng đều qua từng năm. Sự tăng trưởng này phản ánh sức hút của điểm đến, đồng thời cho thấy sự chuyển động sâu sắc trong lựa chọn sản phẩm du lịch về nguồn của du khách.

Cựu chiến binh Trần Quý Bình, xã Vị Xuyên, người từng trực tiếp chiến đấu tại mặt trận Vị Xuyên giai đoạn 1979 - 1989 chia sẻ: “Hằng năm, tôi dẫn gần 100 đoàn khách là cựu chiến binh và người thân các Anh hùng liệt sĩ về thăm lại chiến trường xưa. Sản phẩm du lịch tâm linh, về nguồn hiện đang thu hút rất đông du khách, cần được xây dựng và khai thác bài bản, hiệu quả”.

Trong nhịp sống hiện đại, Lịch sử hào hùng của dân tộc không phải là miền ký ức xa xôi, mà trở thành một phần sống động trong đời sống, được các thế hệ tiếp nối bằng nhận thức, cảm xúc và trách nhiệm để nối dài mạch nguồn dân tộc ■

NGƯỜI XỨ TUYỀN



Anh Hoàng Văn Duy và gia đình luôn lưu giữ những bài thuốc quý cổ truyền của gia đình.

Người giữ bài thuốc cổ ở Tân Trào

■ Ghi chép: LÊ DUY

Gia đình cụ Hoàng Trung Nguyên, thôn Tân Lập, xã Tân Trào đã có nhiều thế hệ gắn bó với mảnh đất lịch sử. Con trai cụ là ông Hoàng Ngọc, hiện là nhân chứng lịch sử ở Tân Trào với những câu chuyện về Bác Hồ được nhiều người biết. Nhưng ít ai biết, gia đình cụ Nguyên có những bài thuốc quý, cứu người bằng chữ Tâm, không màng danh lợi; với truyền nhân hiện tại là anh Hoàng Văn Duy, cháu nội của cụ.

Người được chọn

Bí thư chi bộ thôn Tân Lập - Hoàng Văn Xoan hồ hởi, nghe lãnh đạo xã giới thiệu có nhà báo đến hỏi về những bài thuốc cổ nên tôi cũng “dấn vận” mãi nên “thầy lang kia” mới ở nhà tiếp chuyện, chứ không lại lên Núi Hồng lấy thuốc đến tới mới về.

Đường vào Khu di tích Quốc gia đặc biệt Tân Trào giờ rộng thênh thang, con đường nhựa nhỏ bé ngày xưa được thay bằng đường thẳng tắp, to như đại lộ. Nằm nép bóng dưới bóng cây đa Tân Trào, căn nhà ông Hoàng Ngọc hiện ra giản dị, đầy nét văn hóa của người dân tộc Tày Tuyên Quang.

Anh Hoàng Văn Duy, con trai cụ Ngọc cười thật tươi đón phóng viên, anh bảo sao nhà báo lại biết tôi bốc thuốc nam mà tìm đến.

Anh Duy là con trai thứ 5 của cụ Ngọc. Thuở bé, anh được ông nội Hoàng Trung Nguyên rất quý bởi bản tính tò mò, thích khám phá và khá là “bện” ông. Anh kể, từ lúc 10 tuổi đã được theo chân ông nội lên khắp hang cùng, ngõ hẻm ở chiến khu để tìm thuốc nam cứu người. Từng loài cây, màu sắc của lá, của rễ và thời điểm lấy thuốc đều được ông truyền dạy tỉ mỉ.

Đến năm 20 tuổi, anh bắt đầu được đi rừng một mình, tự tay lấy thuốc, nhưng ông cụ Nguyên kỹ đến mức, phải chặt cây, chặt

cả lá để xem, nếu đúng thì cho sử dụng, sai là cũng nghiêm khắc răn dạy “tê tát”. Anh Duy trầm ngâm, cụ hay bảo, lấy thuốc nam đâu phải trò đùa, nó là tính mạng con người nên cẩn thận phải luôn đặt lên hàng đầu.

Dần dà, đến năm 2000, khi cụ Nguyễn đã hơn 80 tuổi, anh Duy được cụ gọi và trao cho cuốn sổ cũ, trong đó có những bài thuốc quý nhiều đời được ghi chép tỷ mỉ bằng chữ viết tay. Cụ dặn phải giữ lấy nghề như gia đình họ Hoàng phải giữ lấy nếp. Cũng từ đó, anh Duy trở thành truyền nhân duy nhất của dòng họ, nắm giữ gần 50 bài thuốc quý của gia tộc.

Cứu người tiếng tăm nhưng không quảng cáo

Chủ tịch UBND xã Tân Trào Dương Minh Tuấn kể, gia đình cụ Hoàng Ngọc tính đến hiện nay đã 12 đời với ngót 300 năm gắn bó với mảnh đất Tân Trào. Gia đình có truyền thống lấy thuốc cứu người nhưng tuyệt nhiên chỉ đứng ra giúp người chứ không bao giờ thấy quảng cáo hay buôn bán vì lợi nhuận. Điều này thật đáng quý.

Trò chuyện, anh Duy càng hứng khởi hơn khi nói về nghề thuốc. Khi chúng tôi ngỡ ý muốn xem cuốn sổ của ông nội, anh không ngần ngại lên nhà lấy cuốn sổ cũ, giấy nhàu nhĩ, đậm màu vàng ố của thời gian. Những nét chữ “rồng bay, phượng múa” cực đẹp của cụ Nguyễn khiến ai cũng trầm trồ, ngưỡng mộ.

Phóng viên lật giở từng trang viết tay và khá ấn tượng với nhiều trang viết về chữa bệnh động kinh. Anh Duy chia sẻ, từ xa xưa, gia đình anh đã bốc không biết bao nhiêu thang thuốc và chữa không biết bao nhiêu người bị động kinh đều khỏi bệnh. Là bài thuốc bí truyền, anh không chia sẻ sâu và tôi cũng không tiện hỏi, nhưng vấn tất đều là những cây thuốc có tại rừng Tân Trào. Điển hình như cây Đan Xanh, Đan Vàng, thân to nhất bằng ngón chân cái, cao chừng 2 mét, ở đây mọc nhiều nhưng đi chỗ khác thì là của hiếm.

Anh cao hứng nói, một người bệnh bị động kinh, chỉ cần 3 - 5 thang thuốc là khỏi, nếu sau 3 tháng, sử dụng thuốc “thử” nếu bệnh tái phát thì uống tiếp nhưng nếu không tái phát sẽ uống

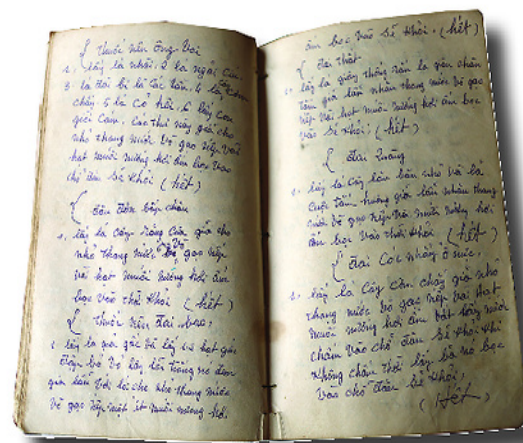
liều cuối cùng là “thuốc chốt”. Anh Duy tự hào, thú thật từ thời mẹ ông cụ, ông cụ rồi đến tôi, cũng chưa thấy ai bị quá 3 tháng bao giờ.

Giữa chiều, trời nắng chang chang, chị vợ anh Duy - Lý Thị Tư khệ nệ bê 2 sọt lá thuốc vừa lấy ở rừng về. Anh Duy tiết lộ, vợ anh cũng là bà lang có tiếng, bên nhà vợ là người Dao cũng 3 đời làm nghề, nhưng cách phối trộn thuốc khác với người Tày. Những bệnh về xương khớp, tiêu hóa hay tăng cường đề kháng là sở trường của chị Tư. Chị Tư chị bộc bạch, 2 vợ chồng bao năm làm thuốc, cũng chỉ dám lấy 100.000 đến 200.000 đồng mỗi thang thuốc tùy bệnh, tháng cũng chỉ thêm 2, 3 triệu đồng là cùng; không bao giờ quảng cáo, không bao giờ lợi dụng cây thuốc để chuộc lợi.

Chỉ tay lên những cánh rừng xanh ngút ngàn trước cửa nhà, anh Duy bảo, ở rừng nhiều bài thuốc quý lắm, ngày xưa ông nội tôi cũng lấy cho nhiều cán bộ cách mạng và đều khỏi bệnh. Và cũng có lẽ thế, nên nghề thuốc mình phải lưu giữ, để giữ truyền thống của gia đình và là tấm gương cho con cháu nói theo. Đang dở câu chuyện, có một gia đình tận TP. Hồ Chí Minh đến lấy thuốc bồi bổ sức khỏe, quà lễ gồm 1 gói bánh và ít gạo. Anh Duy thuyết minh, lấy thuốc của đồng bào như đây gọi là lễ, chỉ đơn giản vậy thôi. Thắp hương báo cáo tổ tiên và sau đó mình mới lấy thuốc, đó là điều bất di bất dịch của nghề.

Trao đổi về vấn đề này, đồng chí Lưu Xuân Đăng, Phó Giám đốc Trung tâm Y tế xã Tân Trào cho biết, bài thuốc của anh Hoàng Văn Duy vốn là bài thuốc gia truyền lâu đời, quy tụ nhiều thảo dược quý vốn được sử dụng phổ biến trong Đông y. Tuy nhiên, để đảm bảo an toàn và hiệu quả, người bệnh nên đến các cơ sở y tế uy tín để được thăm khám, chẩn đoán chính xác, từ đó có phác đồ điều trị phù hợp nhất.

Cuối góc vườn, anh Duy có xếp một hàng đá, gạch xen kẽ, giữa có giàn dây leo được che chắn cẩn thận. Bí thư chi bộ Hoàng Văn Xoan bảo, cây này là cây thuốc bổ tim, vô cùng hiếm, cả cái thôn Tân Lập đến thời điểm này mỗi nhà anh Duy trồng thành công ở nhà. Không ngoa nhưng có lẽ cây thuốc cũng có linh tính đấy nhà báo ạ! Tôi tin đó là thật ■



Anh Hoàng Văn Duy (bên trái) cùng Bí thư Chi bộ Hoàng Văn Xoan bên cây thuốc bổ tim tại vườn nhà (ảnh trái). Cuốn sổ viết tay về các bài thuốc của cụ Hoàng Trung Nguyên (ảnh phải).

Tuyên Quang Hằng tháng

CHECK IN TUYÊN QUANG



1

Hành trình xứ Tuyên Tháng 4-2026



2

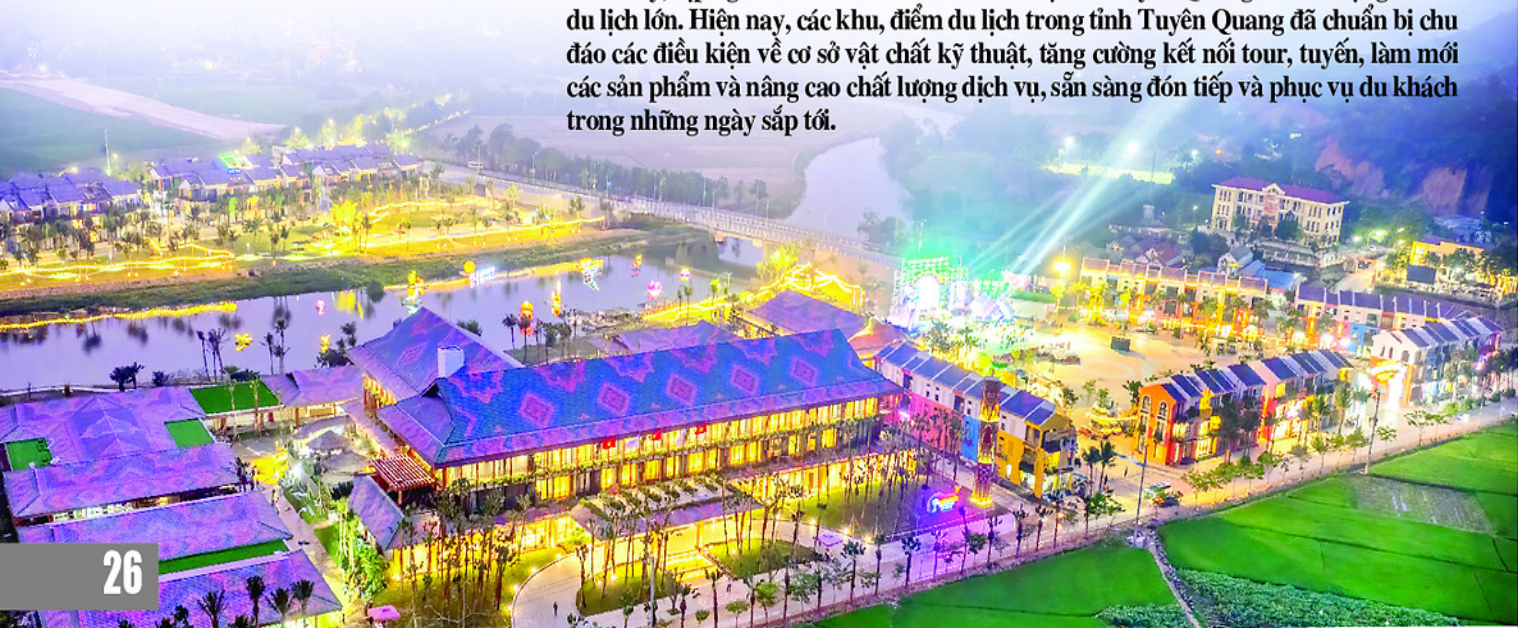
Điểm đến hấp dẫn



Miền đất cổ Thượng Lâm với nhiều cảnh đẹp thu hút du khách.

■ Phóng sự ảnh: NGỌC BÍCH

Sau sáp nhập, Tuyên Quang mở rộng vị trí địa lý và nhiều điểm du lịch hấp dẫn. Năm nay, dịp nghỉ lễ 30-4 và 1-5 khá dài nên dự báo Tuyên Quang sẽ đón lượng khách du lịch lớn. Hiện nay, các khu, điểm du lịch trong tỉnh Tuyên Quang đã chuẩn bị chu đáo các điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật, tăng cường kết nối tour, tuyến, làm mới các sản phẩm và nâng cao chất lượng dịch vụ, sẵn sàng đón tiếp và phục vụ du khách trong những ngày sắp tới.



26

Khu nghỉ dưỡng Flamingo Tân Trào là điểm dừng chân của nhiều gia đình dịp nghỉ lễ.



3

Khu di tích Quốc gia đặc biệt Tân Trào là điểm đến được nhiều du khách lựa chọn (ảnh 1). Mã Pì Lèng là điểm dừng chân được nhiều du khách Check-in (ảnh 2). Làng Lô Lô Chải đẹp như một bức tranh giữa miền đá xám (ảnh 3).



4



5



6

Khám phá đỉnh núi Tây Côn Lĩnh là trải nghiệm thú vị (ảnh 4). Khám phá nhà của Pao tại xã Sà Phìn (ảnh 5).
Thưởng trà Shan tuyết tại xã Tân Tiến (ảnh 6).



Hồ sinh thái Na Hang - Lâm Bình là điểm dừng chân thú vị.

NHẬT KÝ LỮ HÀNH

*“Sông Lô một dải trong ngàn,
Thảnh thơi ta rũ bụi trần cũng nên”*

Câu ca dao xưa mộc mạc như lời mời gọi ta tìm về với dòng sông Lô hiền hòa chảy ngang qua đất Tuyên Quang. Không chỉ mang vẻ đẹp tự nhiên, trong trẻo giúp con người tìm thấy sự bình yên, sông Lô còn là nơi lưu giữ những giá trị văn hóa cội nguồn, là nhân chứng lịch sử và là con đường thủy tự nhiên gắn kết nếp sống giữa đồng bào miền ngược với cư dân miền xuôi. Ngược dòng Lô giang hôm nay, người lữ khách như được thảnh thơi “rũ bụi trần” để lắng nghe câu chuyện về một dòng chảy bền bỉ nối liền những bến bờ di sản.

Nguồn cội con sông

LÀT lại những trang sách cổ mang theo trong hành trang, dòng sông Lô hiện diện với nhiều tên gọi đượm chất thơ. Nguyễn Trãi từng chép trong cuốn “Đư địa chí”: “Lô là tên sông lớn phát nguyên từ Tam Giang chảy đến Kiên Lộ hợp với sông Thao, sông Đà”. Thời nhà Minh, sông mang tên Bình Nguyên, Thanh Giang (dòng sông xanh). Bắt nguồn từ Vân Nam (Trung Quốc) với tên gọi Bàn Long Giang, dòng nước giội qua 173 thác ghềnh hiểm trở nơi thượng nguồn, để rồi khi xuôi dần về hạ lưu bỗng nổi lòng mình, trở nên êm đềm, dịu dàng.

Sông Lô chảy trên đất Việt dài 274 km, thì riêng đoạn qua Tuyên Quang đã trải dài hơn 230 km, ôm trọn cảnh sắc yên bình xứ Tuyên. Lướt thuyền dọc những bãi bồi, ta như đang trôi ngược về miền quá khứ. Ngay tại bến Bình Ca lịch sử, năm 1920, học giả người Pháp H. Mansuy đã tìm thấy những di vật đồ đá mới, minh chứng rõ nét cho việc từ hàng ngàn năm trước, con người đã chọn bến nước hiền hòa này làm nơi quần tụ lập làng.

Không chỉ vậy, dọc hành trình văn cảnh, người lữ khách dễ dàng bắt gặp những mái đền linh thiêng soi bóng tĩnh lặng xuống dòng nước: đền Thác Cái (xã Yên Phú), đền Thượng, đền Hạ, đền Đồi Cô (phường Minh Xuân), hay đền Ba Khuôn (ở bến Bình Ca). Tất cả đều gắn liền với tín ngưỡng thờ Mẫu Thoải (Mẹ Nước). Giai thoại kể rằng, dân gian tôn vinh người mẹ của Lạc Long Quân là Mẫu Thoải để tạ ơn bà đã che chở dân lành làm ăn, chống thú dữ. Những đền miếu mọc lên sát bến sông chính là nơi gửi gắm ước vọng mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt của những cư dân nông nghiệp từ ngàn xưa.

Sông Lô

Nối những bến bờ

■ GIANG LAM



*Dòng sông Lô hiền hòa
chảy ngang qua đất Tuyên Quang.*

Không chỉ nuôi dưỡng mạch nguồn văn hóa, sông Lô còn lưu giữ ký ức hào hùng của những năm tháng khói lửa. Ông Nguyễn Văn Mạch là nhà nghiên cứu lịch sử, văn hoá Tuyên Quang. Ông chia sẻ: Trong chiến dịch Thu - Đông năm 1947, dòng sông hiền hòa đã hóa thành chiến lũy, cùng quân và dân ta chặn đứng đà tiến công của thực dân Pháp. Những con tàu sắt bị nhấn chìm xuống đáy nước năm xưa đã đập tan mưu đồ xâm lăng, để lại một khúc tráng ca giữ nước vang vọng mãi cùng lịch sử dân tộc.”

Giao thoa văn hoá ngược xuôi

Bước qua khói lửa, Lô giang trong mắt lũ khách hôm nay đắm thắm lạ kỳ. Dòng nước phẳng lặng uốn lượn ôm lấy bãi bồi, tưới tắm cho đôi bờ một màu xanh tràn trề nhựa sống. Cảnh sắc ấy từng đi vào thơ Xuân Diệu thật nhẹ nhàng: “Một khúc sông Lô, đôi bờ xanh mướt/ Ngô khê lay cờ, mía ken lá sắc...”

Ngồi trên khoang thuyền nghe gió thổi, nhắm mắt lại, ta dường như mộng tưởng được cảnh bến nước sầm uất của hàng trăm năm trước. Lô Giang từng là huyết mạch giao thương nối liền châu thổ sông Hồng với vùng non cao Đông Bắc. Các tài liệu ghi chép cuối thế kỷ 19 - đầu thế kỷ 20 cho thấy tuyến thủy lộ này đảm nhận tới hơn 80% khối lượng vận tải. Những bến cổ như Bình Ca hay bến đò thị xã xưa mỗi ngày từng đón hàng chục, hàng trăm chuyến “thuyền đĩnh” (thuyền gỗ lớn) ra vào tấp nập.

Sự xê dịch của những chuyến buôn ấy đã kéo theo một cuộc giao lưu văn hóa khổng lồ. Thuyền ngược chở muối, tơ lụa, gốm sứ và cư dân miền Nam Định, Thái Bình, Hưng Yên lên tìm vùng đất mới; thuyền xuôi lại đầy với măng, chè, gỗ quý. Chia sẻ về điều này, Nghệ nhân ưu tú Ma Văn Đức cho biết: “Sông Lô chính là một hành lang văn hóa điển hình của vùng Đông Bắc. Qua khảo cứu, có tới hơn 30% cư dân ven bờ mang gốc



Vẻ đẹp bình yên lúc bình minh của dòng Lô Giang.

gác từ đồng bằng Bắc Bộ, di cư lên đây theo đường giao thương thủy từ 3 - 4 thế hệ trước. Sự quần cư dọc bãi bồi khiến cho điệu hát Then, câu Páo dung của người Tày, người Dao được đặt nằm cạnh chiếu chèo, câu quan họ mượt mà. Dòng sông trở thành nơi hai luồng văn hóa xuôi - ngược dung hòa cội mở nhất”.

Sông Lô muôn đời vẫn mãi miết trôi. Nước xuôi về biển lớn, nhưng lớp trầm tích văn hóa, câu chuyện lịch sử và cả tình đất, tình người thì vẫn neo đậu lại mãi ven bờ. Khép lại hành trình ngược dòng Lô giang, chúng ta mang theo mình một cảm giác thanh thoi, nhẹ nhõm. Dòng sông ấy, với vẻ đẹp bình dị và sức sống mãnh liệt, sẽ luôn là một mạch nguồn văn hóa bền bỉ, nối liền quá khứ với hiện tại, và nối những bến bờ yêu thương trên quê hương xứ Tuyên■

TỪ LÀNG RA PHỐ

Tên làng

■ **HẢI LÂM**

CHỦ trương sắp xếp các thôn, tổ dân phố đã có từ năm 2025 và đến gần đây lại được đặc biệt chú ý khi Ban Chấp hành Trung ương Đảng và ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, giao Đảng uỷ Quốc hội, Đảng uỷ Chính phủ chủ trì, các Tỉnh uỷ, Thành uỷ, Đảng uỷ trực thuộc Trung ương phối hợp thực hiện sắp xếp các thôn, tổ dân phố ở xã, phường và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố phù hợp với yêu cầu trong tình hình mới, thực hiện trong quý II-2026.

Với người dân, việc sáp nhập, chia tách thôn, tổ dân phố nơi họ sinh ra, lớn lên là vấn đề sát sườn cả về giá trị tinh thần và giá trị vật chất mà họ rất quan tâm, cả người trẻ tuổi hay người cao tuổi. Tuy nhiên, việc sắp xếp ở các đơn vị cấp thôn có nhiều điểm khác biệt so với cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã trước đây cần được lưu ý để việc sắp xếp thành công và thực sự mang lại ý nghĩa tốt đẹp, giữ trọn tình đoàn kết keo sơn của người dân những ngôi làng từ xưa tới nay.

Trước tiên, việc sắp xếp không chỉ dựa vào vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, giao thông, cơ sở hạ tầng mà phải căn cứ vào yếu tố lịch sử, giá trị văn hoá, truyền thống.

Có nhiều thôn, làng, tổ dân phố dù nằm trên cùng một vùng đất, một khu vực, cùng xã, phường và nằm giáp ranh nhau nhưng cũng có những nét khác nhau về văn hoá, lối sống cũng như các phong tục, tập quán truyền thống khác. Do đó, khi sáp nhập cần quan tâm đến sự tương đồng hay những mâu thuẫn trong lịch sử giữa các thôn, làng trong lịch sử và hiện tại.

Bên cạnh yếu tố địa lý, văn hoá, lịch sử, thì phương án đặt tên thôn, tổ dân phố mới được người dân đặc biệt quan tâm. Bởi với họ, tên thôn, làng không đơn thuần chỉ là tên gọi, mà chính là hồn cốt, là văn hoá, là trầm tích bao đời cha ông đã lắng đọng, chất lọc.

Ta đã từng có những Châu Quân, Song Linh, Cổ Ngựa, Đồng Lem, Đồng Châu... được số hoá thành thôn 1, 2, 3, gây ra nhiều tiếc nuối cho những bậc cao niên hay những người yêu thích lịch sử, văn hoá.

Chính vì vậy, việc tính toán, lấy ý kiến làm sao để tên gọi mới không chỉ là địa giới hành chính vô hồn trên giấy tờ mà phải đi vào tâm hồn của người dân, phải trở thành một phần quê hương, máu thịt của họ - là bài toán mà các ngành, địa phương phải tính toán kỹ lưỡng ■

Miền Sáng

■ Truyện ngắn: TRỊNH THANH PHONG



Minh họa: BÍCH NGỌC

Qua đoạn khúc khuỷu chỗ Ổ Si thì con đường được mở rộng và nhẵn phẳng hơn, Thu giảm ga xe lơ đãng nhìn hai bìa đường, nhà cửa còn thưa vắng nhưng cây cối xanh mát, dịu dàng. Gió sông Lô thì thoảng rào lên tạo những âm thanh trong tán cây vừa quen gần, vừa ồn ào xa ngái. Bên đò Cây Gạo cũng bày ra trước mặt. Thu tần ngần nhìn, con đò đã ghé mũi vào mý nước. Người lái đò là cô bé chừng mười ba, mười bốn tuổi. Con bé nở nụ cười rồi lễ phép:

- Mời bác xuống đò ạ.
- Cháu thay ông tay chèo ở bến đò này à?
- Dạ, dạ không, cháu là con gái ...

Thu nhìn nó lòng tự nhiên cứ ào ạt như mái chèo đang xiết nước! Đò cặp bờ.

Thu đẩy xe lên bờ, nổ máy. Đến chỗ cửa suối nhìn ngược dốc thì thấy cái dáng thon thon đang tuột xuôi, hai cùi tay vươn ra phía trước như bám vào hai mái chèo, Thu gọi như reo:

- Ông Cụt ơi, phải ông Cụt...

Nghe tiếng gọi, cái dáng ấy thuột một chân xuôi dốc, một tay vung ngược trời mắt dọi về phía Thu rồi mồm miệng cũng kêu toáng lên:

- Thu quyet à, đúng là Thu quyet không?... Thôi về nhà tôi nhá.

Nói rồi Cụt tỳ hai cái cùi tay vào Thu nhẩy phốc lên xe. Ngôi nhà sáng lên vừa bề bộn vừa thoáng thoáng. Thu bước vào. Cụt bảo:

- Ông ngồi đây, tôi kêu "chúa ngàn" về. Bạn gì cũng phải ở lại đây vài ngày.

Khi tách trà rót ra đặc sánh, hai người nhâm nhi. Câu chuyện về đời Cụt cứ như màn sương bạc phủ xuống tâm trí hai người rồi lan ngập khắp ngôi nhà.

Hồi ấy nạn thương binh già lan tràn, người ta bắt đầu kiểm tra lại giấy tờ. Khổ quá thằng Cụt này vốn đoảng lại chả chu đáo cho mình. Về làng mọi giấy tờ bỏ đầu không nhớ nữa chỉ còn mỗi cái thẻ. Thế là kè ác kiện, người ta bắt Cụt này phải về đơn vị tìm người làm chứng! Cụt cũng đành bỏ hai, ba tháng lang thang đi tìm đồng đội nhưng chả ích gì. Họ thu lại con đò và giao cho người khác.

Thế là tính cách đi buôn. Buôn bán thời cấm chợ ngăn sông, cứ phải dầm dúi có bận còn bị vồ mắt trắng! Rồi Cụt này về lẩn lên quả gò này làm cái lán, ngày đi mót sắn, mót lúa kiếm ăn, đêm về nằm cái lán bốn bề gió thổi! Buồn, lấy rượu ra uống! uống say mềm lại thấy những hình thù trắng toát hiện về

kéo đi! đi mãi, đi mãi đến chín tầng mây thì những cái hình trắng toát ấy hiện hình người nó nói được. Nó bảo tao là thằng Trấn, thằng Cung cùng tổ ba người với mày ở cái lò xay thịt chỗ Khe Sanh, Khe Từ đây!

Cái hình người trắng toát ấy cứ gọi như gào. Cụt này cứ nhao theo, càng nhao cái hình trắng toát ấy càng xa hút. Cụt nhìn thấy cô gái tóc dài ngang vai đang dịu dàng múc đầy bát cháo rồi lặng lẽ đi từng bước về chỗ Cụt, giọng nàng ngọt ngào:

- Anh Thon cố ăn lấy bát cháo rồi nó sẽ tỉnh! Em là người chứ có phải ma hay tiên phật gì đâu. Cô giáo Tâm mà!

Đúng là cô giáo Tâm ở ngoài trường học thật! Cụt thấy xấu hổ, hai cái cùi tay cứ gãi gãi lên mang tai. Cô giáo Tâm khẽ mỉm cười rồi cái giọng ngọt ngào ấy lại tràn ra đầy khắp tâm trí Cụt:

- Có một mình mà anh Thon uống rượu nhiều thế. Gió đêm lạnh nhiều tai biến thì nguy!

- Cảm ơn cô nhiều nhưng cái thân tôi thế này chả lấy rượu làm bầu bạn chia sẻ thì sống thế nào được!

Cụt lại ôm mặt khóc. Cô giáo khẽ hất mái tóc ngồi nhích lại Cụt gần hơn, giọng vẫn ngọt ngào:

- Tình cảnh của anh cô Tâm biết, những ngày qua thấy anh lang thang trên đồng ruộng mót lúa đào khoai vật lộn với cuộc sống mà không hé răng gàn giờ điều gì. Cô Tâm biết anh là người thật! Đôi bàn tay anh mất đi là vì nghĩa lớn thật!

Cụt thật sự xúc động lau mắt nhìn cô giáo như một kẻ vừa được ban ơn huệ.

- Anh Thon không phải khóc nữa, vấn đề là phải tự mình tìm lấy sự thật về mình.

Tim ở đâu được, cái trạm phẩu lúc ấy đóng ở bên này bờ

sông Thạch Hãn. Cụt chỉ nhớ gọi là trạm 61. Ông bác sĩ tháo hai bàn tay đã nát bết này ra khỏi cái khớp để trần lại hai cái cù tròn trùng trục như thế này tên ông ấy là Lành, người Hà Nội. Khi đỡ đau Cụt nhìn ông, nhìn hai cái cù tay trùng trục, Cụt khóc, ông ấy cũng kéo cái áo choàng lau mắt và bảo: “Đành chịu đựng đồng chí Thon ạ! Chiến tranh mà! Về Bắc nếu khi nào có điều kiện tìm đến nhau chơi. Nhớ Lành, phố hàng Cốt ná. Trước khi đi chiến trường mình làm ở Bạch Mai...”.

- Thế anh Thon đã tìm đến đó chưa?

- Tìm rồi, nhưng hỏi ai họ cũng lắc đầu... lang thang mãi rồi cũng chán mà có khi biết đâu ông ấy cũng là người xấu số! Đành thôi cô giáo ạ.

Cụt thở dài, cô giáo cũng thở dài và câu chuyện về chiến tranh cứ thấm thì chảy ra. Lúc ấy Cụt cũng mới biết cô giáo là thanh niên xung phong cũng từng sống ở chiến trường nhiều năm. Câu chuyện dài dài đến lúc trời sáng cô giáo mới về trường.

Từ ấy cô giáo hay ghé cái lán của Cụt.

Thấy Cụt khổ, cô giáo cho vay tiền. Cụt lắc đầu vì không muốn ai thương hại mình và cô giáo cũng phải sống, đồng lương có bao nhiêu. Hiểu lòng Cụt, một hôm cô giáo đến lại bảo:

- Anh Thon có thời gian, cô giáo mua nái bò cho anh Thon chăn thả, bỏ để ra chia đôi...

Nái bò được dắt về, cô giáo năng đến cái lán này hơn, chuyện âm khắp làng xã thế là cô giáo bị chuyển đi trường khác.

Mùa hè cô giáo về, chỉ về quê thăm anh em vài bữa rồi trở lại cái lán này ngay. Vừa cơm chiều xong, cô giáo đang rửa bát thì trời nổi giông bão, giông bão mù mịt kéo dài. Hai người đành tho lo trong cái lán. Sợ cô giáo buồn ngủ, Cụt lôi cái tăng rách ngăn đôi cái giường, thế là cô giáo một bên, Cụt này một bên. Hai người nằm cách nhau cái tăng mà chả biết làm gì. Cụt đành khêu đèn đọc thơ. Cô giáo lại thở dài. Đến một buổi chiều khi mặt trời xuống khỏi núi Cạn, Cụt đang ngẩn ngơ chỗ chuồng bò thì thấy bóng người mặc áo trắng thấp thoáng đang ngược lên dốc đi về căn lán. Cụt reo lên như đứa trẻ con thấy mẹ đi chợ về. Cô giáo cũng cười toe toét rồi mở cái túi du lịch lôi ra mảnh giấy vừa thờ, vừa nói:

- Nghỉ hè mà không về với anh Thon vì có việc này. Có người mách chỗ ông bác sĩ Lành, cô giáo phải lặn lội đến. Ông ấy cũng là thương binh, lấy vợ ở mãi trên Mèo Vạc thế là theo vợ lên đó. Cô giáo Tâm tìm đến, kể sự tình, ông ấy nhớ ra và ghi ngay cho tờ giấy xác nhận anh bị thương đây. Cụt sướng quá cứ thế òa khóc như con trẻ.

Mọi việc được khẳng định từ đây. Cụt được chính những người đang quyền hành hoàn tất chứng cứ và trả lại chế độ thương tật.

Một hôm, cũng khuya khuya rồi, Cụt và cô giáo cùng quay mặt vào cái tăng rách, cái tăng rách tự nhiên lúc mát lạnh, lúc nóng ran làm cho trống ngực cả hai người cứ đập thình thình.

Bỗng con bò nái ò lên rồi cứ đập chân rình rịch xuống đất. Được cố cả hai người cùng vùng dậy soi đèn pin lách ra khỏi cái lán. Qua ánh đèn đã nhìn thấy hai cái chân con bê con đang thò ra cái cửa trời. Khi con bê lều nghều trên nền đất cô giáo vội lấy cái chổi cùn buộc vào núm cái nhau rồi giúp con nái lau khô cho con bê. Việc xong hai người đứng nhìn mẹ con nái bò âu yếm bên nhau.

Cụt con cón bước đến chỗ cái giếng kéo nước đổ vào chậu. Cô giáo rón đến gần xòe hai bàn tay bảo:

- Giội cho cô giáo rửa tay. Vừa nói cô giáo vừa xòe hai bàn tay hứng nước. Qua ánh đèn đôi bàn tay hiện lên trong nước nõn nà. Trống ngực Cụt đập lên thình thình, hai cái cù tay lóng ngóng thế là thùng nước òa ra làm cô giáo ướt hết. Cụt đang lóng ngóng chả biết làm thế nào thì cô giáo trượt chân ngã vồ vào Cụt. Cụt liều, sẵn thùng nước còn giờ, Cụt đổ ào lên cả hai người. Thế là cái đèn tắt, hai người tự nhiên tan vào nước rồi cứ thế diu nhau vào căn lán. Lúc tỉnh dậy thì trời đã rục rờ. Cả hai cùng đỏ mặt nhưng chả biết chui đi đâu. Cụt lóng ngóng. Cô giáo ngọt ngào:

- Mình cứ nghỉ đi, em nấu cháo... Cháo chín, vừa múc cháo vào bát cô giáo vừa bảo: Mai kia ra ủy ban đăng ký.

Kể đến đây, đôi mắt Cụt tự ánh lên những miến sáng rục rờ.

Nhìn ông bạn, Thu thấy trong lòng cái miến sáng ấy cứ như ánh bình minh bùng tỏa vừa bí ẩn vừa diệu kỳ nhưng rất đơn giản và vô cùng ấm áp!

TRẦN VĂN LỢI

Linh thiêng Nghĩa Lĩnh

Tháng ba, theo bóng đàn chim Lạc
Từ bốn phương con cháu tụ về
Chốn linh thiêng mây trời Nghĩa Lĩnh
Nắng rạng ngời một dải sơn Khê.

Trời đất vừa mở trang truyền thuyết
Nơi Rồng - Tiên gặp gỡ khi xưa
Vua Hùng cùng muôn dân dựng nước
Tổ tiên mình vun nắng gieo mưa.

Tán chò xanh uy linh bóng tỏa
Nén hương trăm bái vọng cha ông
Lắng trong hồn muôn lời ân đức
Mãi tươi son dòng dõi Lạc Hồng.

Đất Phong Châu muôn đời quần tụ
Núi đồi giăng theo thể voi châu
Bầy hạc trắng qua làng Cổ Tích
Bốn ngàn năm bay chẳng rời nhau.
Nơi chằm nghề tầm tang canh củi
Mà dệt thành tục ngữ, ca dao
Nơi mượt mà câu xoan, câu ghẹo
Ruộng vườn thơm hoa trái ngọt ngào.

Lòng vang ngân lời dân tấu số
Hồn nước non lồng lộng, linh thiêng
Cho muôn đời cháu con ghi nhớ
Cùng giữ gìn cơ nghiệp Rồng Tiên...



Minh họa: NGỌC AN

CAO XUÂN THÁI

Ngược đường mùa ban trắng

Anh ngược đường mùa ban
Trắng mơ màng bản Thái
Pha Đin ngả nghiêng đèo
Áo cóm ai nóng đợi

Xanh trập trùng đôi núi
Đường rộng vào Điện Biên
Mường Thanh thơm ngô lúa
Nậm Rốm trôi êm đêm

Nắng tháng Năm bùng lên
Nhớ bập bùng đuốc lửa
Nhịp kéo pháo hò dô
Nhưng bàn tay máu tứa

Lớp lớp màu trần thủ
Chớp lóe lên công đồn
Biết bao người ngã xuống
Cờ chiến thắng bay lên

Anh nắm bàn tay em
Nổi vòng xòe náo nức
Nghe sông núi chuyển mình
Đám say bao ánh mắt

Vàng trắng khuya trong vắt
Nhớ lắm Điện Biên ơi
Vị cơm lam, măng đắng
Tiếng lá rừng ru nôi...

NGUYỄN XUÂN HÙNG

Gửi về Nam

Anh vịn màu nắng phương Nam để yêu em
Mượn lời cha kể buổi về thăm
Thành phố ba trăm năm mà em thì cứ trẻ
Hòn ngọc viễn Đông qua bao đời dâu bể
Để lòng anh muốn được làm quen

*

Anh vịn nên mua nắng những thặng trầm
Để biết có miền Nam hơn năm mươi năm trước
Chiến tranh đau thương, mất mát hoang tàn

*

Nổi đầu đã xanh và câu hát đã xanh
Hố bom xưa không ai tìm thấy nữa
Dáng mẹ che hầm xuống câu vọng cổ
Bao năm qua vẫn còn đấy vẹn nguyên

*

Anh mượn tháng năm buồn chưa được
làm quen

dựng vào góc câu thơ
dựng vào phía sau câu chữ
Gửi về Nam để anh được thương em.

TÙNG LÂM

Mùa măng mọc

Buổi bình minh nghe hơi thở rừng xanh
Gà rừng gáy rạch màn sương che phủ
Bìm bịp "púp" mang theo lời nhắn rú
Gọi bạn tình, gọi cả mùa măng

Hoa gạo rơi tô điểm một miền xuân
Hoa tím vườn xoan, hoa vàng trên hành mạ
Ve "nhánh nhánh" giống từng hồi giục giã
Nắng chiều tàn, chim sáo rộn bờ tre
Ai đã từng ăn măng đắng vị quê
Và bánh nếp gói ngô non, nhân trứng kiến
Bát canh chua làm lòng người lưu luyến
Trám đen bùi, xôi ngũ sắc, rượu ngô
Bao hoài niệm, bao kỷ ức tuổi thơ
Cứ vun vút bay theo mùa măng mọc
Những thương nhớ nhuộm tóc đen thành bạc
Những nồng nàn thoáng chốc hoá hư vô...

NGUYỄN THUY

Kể chuyện tháng Tư

Anh kể em nghe về kỷ ức tháng tư
 Những trận đánh hào hùng một thuở
 “Năm của ô” Sài Gòn máu đỏ
 Từng phút giây, là ý chí quật cường...

Anh kể em nghe kỷ ức đau thương
 Mẹ rẽ lối tìm con dưới rừng cờ đại thắng
 Nỗi mong ngóng cứ kéo dài đặng đặng
 Vợ đón chồng tám báo tử xót xa

Em có hay bao tháng tư từng qua
 Của ngô miền Nam đạn bom khốc liệt

Những đoàn binh chân dôn mãi miết
 Hàng mộ không tên lặng lẽ bên đời

Em biết hay chẳng những tuổi đôi mươi
 Khép bút nghiên nơi giảng đường yêu dấu
 Hường về miền Nam, nguyện thề chiến đấu
 Mong ước hòa bình, thống nhất non sông

Và bao tháng tư lúa xanh mướt đồng
 Câu “khải hoàn ca” vang lên rộn rã
 Từ miền quê đến công trường, phố xá
 Vẹn sắc cờ “đất nước trọn niềm vui”.



Minh họa: ĐỨC TRẦN



Minh họa: NGÔ XUÂN KHÔI

ĐINH HẠ

Trước những vô danh

Cúi đầu... các chị, các anh
 Bao năm đất nước chiến tranh... không về
 Vô danh tên tuổi, làng quê
 Từng hàng mộ chỉ nằm kề bên nhau.
 Lặng thầm dưới lớp đất sâu
 Quê nhà còn lại một màu khói hương
 Mẹ già mòn mỏi nhớ thương
 Tuổi xanh gửi lại Trường Sơn không về.
 Cúi đầu... liệt sỹ có nghe

Linh thiêng phù hộ, chở che nước nhà
 Vẫn bao kẻ giặc gần xa
 Còn bao người lính xông pha giữ thành.
 Ngày đi chẳng tiếc tuổi xanh
 Ngày về nước mắt chảy quanh bàn thờ
 Gia tài còn chiếc ba lô
 Thiêng liêng kỷ vật ngăn ngừa phạm người.
 Khói hương ngút đỏ chân trời
 Nỗi đau hậu chiến khóc... lời thiên thu.

GIAI THOẠI

Nguyễn Duy và bài thơ “Tre Việt Nam”

GIAI thoại kể rằng khi Nguyễn Duy viết bài Tre Việt Nam, có người bạn đùa: “Ông suốt ngày tre với trúc, không sợ dân mình chán à?”. Nguyễn Duy cười khà khà, đáp lại bằng một câu rất “đời”: “Tre xanh không bao giờ chán vì tre cũng như dân mình, càng gió bão càng oằn mình giữ đất. Mà ông xem, tre già thì măng mọc, thơ tôi già thì có thơ ông mọc, lo gì thiếu người yêu tre!”.

Câu nói “Thơ tôi già thì có thơ ông mọc” thực chất là một cách chơi chữ đầy lém lỉnh của ông dựa trên quy luật “tre già măng mọc”, vừa để khẳng định sức sống của dân tộc, vừa là lời khích lệ tinh thần sáng tạo cho bạn bè đồng nghiệp.

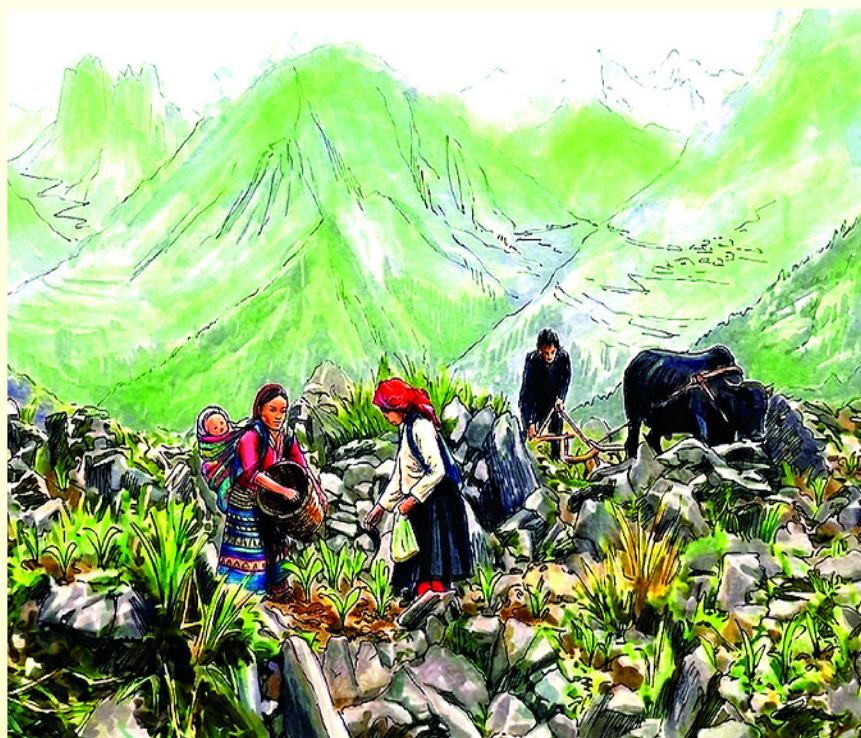
Khi gửi bài thơ này tham gia cuộc thi thơ của báo Văn nghệ (1972-1973), Nguyễn Duy vẫn còn lo bài mình “hiền” quá so với những bài thơ rục rủa chiến đấu khác. Thế nhưng, khi giải Nhất được xướng tên, chính sự bình dị, tế tảo nhưng mang tính dự báo và sức sống mãnh liệt của “Tre Việt Nam” đã chinh phục hoàn toàn ban giám khảo (trong đó có nhà thơ Xuân Diệu và Chế Lan Viên).

Ông không bao giờ thần thánh hóa việc làm thơ. Với ông, làm thơ giống như trồng tre, cứ bám rễ sâu vào lòng đất (đời sống nhân dân) thì tự nhiên sẽ bền bỉ, sẽ có “măng mọc”. Sự xuê xòa trong đời sống thường nhật và sự kỹ tính, sắc sảo trong từng chữ “lục bát” đã tạo nên một Nguyễn Duy không thể lẫn lộn - một người lính dùng tre để tạc nên hình hài đất nước bằng ngôn từ.

ĐỨC HẢI (sưu tầm)

Mùa gieo hạt

■ THIÊN THANH



Minh họa: XUÂN ĐỨC

TÔI trở về vùng cao vào một ngày mà gió vẫn còn vương mùi đá cũ, khi những cơn mưa đầu mùa vừa kịp đánh thức giấc ngủ dài của đại ngàn. Ở nơi mà đá dựng thành lũy, thành nhà, và thành cả nỗi nhớ, mùa xuân không định hình bằng sắc thắm của hoa đào mà bắt đầu từ một nhịp điệu lặng lẽ hơn: nhịp mùa gieo hạt. Với một người con đã quá quen với mùi khói bếp và vị mặn của đá như tôi, mùa gieo hạt không chỉ là một mốc thời gian, đó là một cuộc hành trình của đức tin và sự kiên nhẫn.

Giữa Cao nguyên đá Đồng Văn, thiên nhiên không bao giờ là một kẻ hào phóng. Nhìn từ xa, những triền đá xám xịt nhấp nhô như sóng dữ hóa thạch, tưởng chừng không một mầm sống nào có thể nương náu. Thế nhưng, trong cái khắc nghiệt đến cùng cực ấy, tổ tiên tôi và những người dân bản vẫn kiên nhẫn đi tìm sự sống. Họ không cày trên những

cánh đồng bằng phẳng, họ “nhặt” sự sống trong từng hốc đá. Mỗi hốc đá chỉ bằng cái chiếu hay manh áo, được bàn tay con người chắt chiu từng gùi đất đổ đầy, bồi đắp qua bao mùa nắng cháy để rồi trở thành một mảnh nương nhỏ nhoi giữa lòng đá mẹ.

Tiếng gõ của lưỡi cuốc vào đá tai mèo vang lên lạch cạch, khô khốc nhưng đầy nhịp điệu, tựa như một bản giao hưởng được viết bởi sương mù và sự lam lũ. Tôi nhớ dáng mẹ làm lũi trong sương sớm, chiếc địu trên lưng không chỉ có đứa em đang ngủ say mà còn có cả tương lai của gia đình đặt vào những hạt ngô vàng óng. Những hạt ngô được chọn lọc kỹ càng, hạt nào hạt nấy mẩy căng, mang theo hy vọng về một bát mèn mèn dẻo thơm trong những ngày giáp hạt. Mỗi khi một hạt mầm rơi xuống lỗ, tôi cảm giác như đó là một lời giao ước giữa con người và

thần đá: người trao đi mồ hôi, đá sẽ trả lại màu xanh.

Có một triết lý nhân sinh ẩn hiện trong từng động tác tra hạt của người vùng cao mà mãi sau này, khi bôn ba nơi phố thị, tôi mới dần thấu hiểu. Cuộc đời vốn dĩ chẳng bao giờ là một con đường bằng phẳng; nó gồ ghề và sắc lẹm như đá tai mèo. Nhưng nếu ta đủ kiên tâm để bồi đắp, đủ can đảm để gieo vào đó sự chân thành và nghị lực, thì hoa trái vẫn sẽ nảy mầm từ những kẽ hở gian nan nhất. Cây ngô mọc lên từ đá không mang vẻ mỡ màng của đồng bằng; nó gân guốc, rần rỏi, lá xanh sẫm và thân cứng như sắt thép. Nó mang trong mình bản chất của đá: trầm mặc, kiên cường và không bao giờ khuất phục trước gió bão.

Mùa gieo hạt còn là mùa của những hoài niệm bâng lâng theo khói bếp ban chiều. Tôi nhớ những buổi trưa ngồi bên nương đá, bê đôi củ khoai nướng sục sục mùi đất, nghe cha kể về những mùa cũ, khi đá và người đã nương tựa vào nhau qua bao cơn đói quay quắt. Khi ấy, biên giới giữa sự sống và cái chết đôi khi chỉ mỏng manh như một mùa ngô thất bát. Nhưng dù khó khăn đến đâu, nụ cười của những người đàn bà vùng cao vẫn rạng rỡ giữa màu xám của đá, như những bông hoa vươn vai đón nắng.

Giờ đây, đứng giữa những tòa nhà chọc trời, tôi thêm được nghe lại tiếng đá chạm vào sắt thép, thêm mùi đất ẩm nồng nàn sau cơn mưa đầu mùa trên rẻo cao. Mùa gieo hạt trong ký ức tôi không chỉ là một hoạt động lao động, mà là một nghi lễ thiêng liêng của tình yêu thương và sự tiếp nối. Đời cha gieo hạt, đời con lại gieo hạt, cứ thế, dòng máu con người vẫn chảy tràn qua các khe đá, thấp lên ngọn lúa sống mãnh liệt giữa đất trời cực Bắc.

Khi nắng bắt đầu rót mật xuống đình Mã Pì Lèng, tôi biết ngoài kia, những vạt nương đá đã bắt đầu lốm đốm màu đất mới. Một mùa hy vọng lại bắt đầu được gieo xuống. Và tôi, dù có đi xa đến đâu, tâm hồn vẫn luôn là một hạt ngô bé nhỏ, mãi mãi thuộc về những hốc đá tai mèo và mùa gieo hạt trên non cao năm nào.

ĐỌC VÀ NGẮM

Bài học từ tháp thời gian

■ GIANG LAM

Gấp lại những bộn bề lo toan của những ngày cuối tháng, mời bạn đọc cùng chuyên mục “Đọc và ngắm” lắng lòng lại với một cuốn sách thật đặc biệt: “Câu chuyện nhân loại” (The Story of Mankind) của tác giả Hendrik Willem van Loon. Không mang dáng dấp của một cuốn giáo trình lịch sử chằng chịt ngày tháng hay những sự kiện khô khan, tác phẩm như một lời tâm tình thủ thủ, dẫn dắt chúng ta bước lên “tòa tháp kinh nghiệm” của thời gian. Ở đó, ta có thể tĩnh lặng nhìn lại quá khứ để thấu hiểu hiện tại và tìm thấy đường lối cho những bước đi của ngày mai.

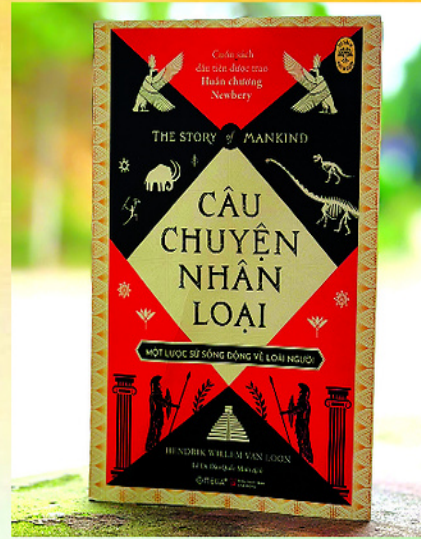
Đi qua nấc thang văn minh

HENDRIK Willem van Loon (1882-1944) là một nhà sử học, nhà báo người Mỹ gốc Hà Lan. Sinh thời, ông tin rằng lịch sử không nên là một gánh nặng của trí nhớ, mà phải là một hành trình khám phá đầy niềm vui. Sự ra đời của “Câu chuyện nhân loại” vào năm 1921 đã minh chứng cho điều đó, giúp tác phẩm vinh dự trở thành cuốn sách đầu tiên được trao Huân chương Newbery - giải thưởng văn học danh giá do Hiệp hội Dịch vụ Thư viện Hoa Kỳ dành cho trẻ em.

Với độ dày dặn của một cuốn lược sử, sách được chia làm 5 phần đi qua các nấc thang của văn minh nhân loại. Khởi đầu từ thời tiền sử khi con người còn bước những bước chập chững đầu tiên thoát khỏi thế giới hoang dã; qua thời cổ đại với ánh sáng rực rỡ của các nền văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà, Hy Lạp, Trung Quốc... Hành trình tiếp tục đưa ta qua màn sương của thời Trung Cổ, bùng sáng ở thời Phục Hưng, và bước vào những biến động của thời Hiện đại.

Đặc biệt, cuốn sách trở nên vô cùng gần gũi nhờ 77 bức tranh do chính tác giả tự tay minh họa. Van Loon muốn dùng nét vẽ để truyền tải ý tưởng thay vì những bức ảnh tư liệu khô cứng. Những trải nghiệm từ quá trình giảng dạy tại Trường Thiếu nhi New York đã cho ông một niềm tin sâu sắc: Trẻ em thường mau quên những gì chúng đọc, nhưng sẽ nhớ rất lâu những gì chúng tự tay vẽ ra.

Chia sẻ về điều này, chị Phạm Lê Hương, giáo viên trường Phổ thông Tuyên Quang, phường Minh Xuân một độc giả thân thiết của báo, cho biết: “Khi mua cuốn sách này về đọc cùng con, bản thân tôi cũng thấy nhẹ nhõm. Lịch sử không còn là áp lực học thuộc lòng. Những bức tranh vẽ tay mộc mạc của tác giả đã khuyến khích con tôi lấy giấy bút ra để tự phác họa lại các nhân



Cuốn sách Câu chuyện nhân loại một lược sử sống động về loài người.

vật lịch sử theo trí tưởng tượng của cháu. Lịch sử bỗng trở nên thân thiện và cuốn hút như một câu chuyện cổ tích trước giờ đi ngủ.”

Ngắm - Bài học từ Tòa tháp kinh nghiệm

Sau khi cùng nhau “đọc” lại bức tranh toàn cảnh, phần “ngắm” của cuốn sách mới thực sự để lại trong lòng độc giả những dư âm sâu lắng. Van Loon thường xuyên nhắc nhở người đọc rằng, sách của ông có thể không cung cấp mọi chi tiết tỉ mỉ về lịch sử, nhưng lại giúp chúng ta biết cách “phải làm gì với lịch sử”.

Trong cuốn sách, có một đoạn trích chứa đựng triết lý vô cùng đẹp đẽ: “Lịch sử là Tòa tháp kinh nghiệm hùng vĩ mà thời gian đã xây dựng giữa những cánh đồng bất tận của các thời đại đã qua. Không dễ dàng gì để lên đến đỉnh của công trình kiến trúc cổ kính này và có được cái nhìn toàn cảnh. Tòa tháp ấy không có thang máy, nhưng với đôi chân trẻ khỏe, vững vàng, ta vẫn có thể làm được.”

Hình ảnh “Tòa tháp kinh nghiệm” gợi cho chúng ta nhiều suy nghĩ. Quá khứ huy hoàng hay bi tráng không phải để chúng ta đắm chìm, mà là nơi để chúng ta đứng lên, phóng tầm mắt ra xa, thấu hiểu quy luật sinh tồn và phát triển. Mỗi người sinh ra trên đời đều mang trong mình một dấu hỏi lớn về bản ngã: Chúng ta là ai? Chúng ta đến từ đâu? Sự phát triển bị giới hạn bởi điều gì?

Van Loon đã đưa người đọc về lại những ngày bình minh của nhân loại để tìm câu trả lời, khi con người chỉ là “một sinh vật đói khát luôn đi tìm thức ăn”. Tổ tiên chúng ta sinh ra và chết đi, tài sản để lại đôi khi chỉ là vài mảnh xương, nhưng từ sự vất vả, bản năng sinh tồn mãnh liệt đó, nhân loại đã không ngừng học hỏi, tiến hóa để xây dựng nên những thành tựu khoa học, nghệ thuật như ngày nay.

Độc giả Hà Thị Yến hiện Bí thư đoàn xã Kiên Đài chia sẻ: “Cuộc sống hiện đại đôi khi làm chúng ta mệt mỏi bởi những áp lực công việc và những khó khăn trước mắt. Nhưng khi tĩnh tâm nhìn lại chặng đường hàng ngàn năm mà nhân loại đã bền bỉ vượt qua từ thuở hồng hoang, tôi bỗng thấy những rào cản hiện tại của mình nhỏ bé lại. Nó tiếp thêm cho tôi sự điềm tĩnh và dũng khí để bước tiếp con đường của mình.”

“Câu chuyện nhân loại” thực sự là một tác phẩm dung dị, ấm áp nhưng chứa đựng trí tuệ sâu sắc. Cuốn sách không chỉ gieo mầm tò mò cho trẻ nhỏ mà còn là khoảng lặng cần thiết cho người lớn. Dành thời gian trèo lên Tòa tháp kinh nghiệm ấy, ta sẽ thấy trân trọng hơn sự sống hiện tại, và thấu hiểu rằng mỗi chúng ta, dù nhỏ bé, cũng đang góp phần viết tiếp những dòng chữ thiêng liêng vào câu chuyện chung của nhân loại ■

Trong số các nhà văn từng khoác áo lính, Nguyễn Khắc Nguyệt là một trường hợp đặc biệt. Không chỉ bởi ông viết về chiến tranh từ trải nghiệm trực tiếp, mà còn bởi ông là một trong những người có mặt ở thời khắc lịch sử thiêng liêng của dân tộc. Ông là người lái chiếc xe tăng 380 trong đội hình xe tăng của Lữ đoàn 203 tiến vào Dinh độc lập trưa ngày 30 tháng 4 năm 1975.



Xe tăng 380 tiến vào Dinh Độc Lập, trưa ngày 30/4/1975.

Đại tá, nhà văn Nguyễn Khắc Nguyệt và ký ức tháng Tư

■ TÂN TRINH

TÔI có vinh dự là một trong những thành viên tuyển chọn “Tuyển tập nhà văn quân đội” lần thứ hai, theo tiêu chí những nhà văn là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, đã từng tham gia chiến đấu hoặc được biên chế trong quân đội qua các thời kỳ. Theo danh sách thống kê số lượng các nhà văn đã từng khoác trên mình bộ quân phục chiếm gần nửa hội viên. Và thực tế cho thấy có những nhà văn tiêu biểu được nhiều người biết đến chỉ tính trên đầu ngón tay, phần còn lại đại đa số là những tác giả hạn chế người biết đến cũng không ít. Không phải vì tác phẩm của họ không hay, mà cơ hội được quảng bá rất khó trong thế giới xô bồ. Nhà văn Nguyễn Khắc Nguyệt là một trường hợp tôi biết sau các nhà văn: Chu Lai, Khuất Quang Thụy, Đỗ Chu... Điều này dễ hiểu bởi ông xuất hiện sau các nhà văn thế hệ đàn anh. Khi các nhà văn đi trước vẫn mãi mê viết lách thì ông cũng đang quên mình cùng đơn vị xung phong mở đường tiến về Sài Gòn.

Tôi biết đến nhà văn Nguyễn Khắc Nguyệt không phải từ những trang phê bình văn học hay những diễn đàn giới thiệu tác giả, mà từ chính công việc thăm lặt của người làm biên tập tại Nhà xuất bản Quân đội nhân dân. Trong dòng chảy đều đặn của những bản thảo gửi về, có những tập bản thảo gây ấn tượng ngay bởi tên tuổi tác giả, nhưng cũng có những bản thảo

đến không kèm theo bất kỳ sự giới thiệu nào đặc biệt. “Mũi lao thép” của Nguyễn Khắc Nguyệt đến với tôi theo cách như thế.

Ấn tượng ban đầu không phải là một cấu trúc văn chương cầu kỳ hay một lối viết trau chuốt theo kiểu bóng bẩy, mà là một giọng kể rất trôi chảy tự nhiên. Những trang viết mở ra không phải bằng kỹ thuật dẫn dắt tinh vi, mà bằng những chi tiết sống động, như chính hơi thở của chiến trường. Tôi nhận ra ngay đây là một người từng sống, từng đi qua, và giờ đây đang kể lại. Trong quá trình biên tập, càng đọc sâu, tôi càng nhận ra một điều: đằng sau những câu chữ tưởng như giản đơn ấy là một lớp ký ức dày đặc, được chưng cất qua thời gian. Những chi tiết về hành quân, về trận đánh, về những khoảnh khắc sinh tử... không được sắp xếp để gây kịch tính, mà hiện lên như chính cách chúng đã từng diễn ra. Có những đoạn văn gần như không có dụng công nghệ thuật, nhưng lại khiến người đọc phải dừng lại, bởi cảm giác chân thực đến ám ảnh.

Làm biên tập, nhiều khi bị ức chế như kiểu một pha bóng hay mà cầu thủ lại đá trượt ra khỏi cầu môn đối phương khiến người xem không hiểu nguyên nhân nào. Trong nghề biên tập cũng vậy, đôi khi tình tiết văn học hiển hiện có thể dẫn dắt bạn đọc đến một tình tiết hấp dẫn nhưng tác giả lại để ngỏ thì biên tập viên đành mạn phép sắp xếp lại để tác phẩm đạt đến độ hoàn

chính. Nhưng với bản thảo của Nguyễn Khắc Nguyệt, gần như tôi không can thiệp bất cứ một thao tác nào cả. Bởi chất văn cứ đều đều trôi theo dòng. Chính từ bản thảo “Mũi lao thép”, tôi bắt đầu chú ý đến quá trình sáng tác của ông. Tôi đọc thêm “Hành trình đến Dinh độc lập”, rồi bộ tiểu thuyết “Bão thép”, và nhận ra một mạch viết xuyên suốt: Ông viết về người lính tăng, những con người bằng xương bằng thịt, với tất cả sự dũng cảm và cả những yếu đuối rất con người. Ông không né tránh những mất mát, không lý tưởng hóa chiến tranh, nhưng cũng không làm mờ đi tinh thần chiến đấu. Tất cả được giữ ở một điểm cân bằng khó đạt tới: vừa chân thực, vừa có chiều sâu cảm xúc.

Trong số các nhà văn từng khoác áo lính, Nguyễn Khắc Nguyệt là một trường hợp đặc biệt. Không chỉ bởi ông viết về chiến tranh từ trải nghiệm trực tiếp, mà còn bởi ông là một trong những người có mặt ở thời khắc lịch sử thiêng liêng của dân tộc. Ông là người lái chiếc xe tăng 380 trong đội hình xe tăng của Lữ đoàn 203 tiến vào Dinh độc lập trưa ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Nhưng điều làm nên chiều sâu trong ký ức tháng Tư của ông không nằm ở khoảnh khắc chiến thắng, mà ở những gì diễn ra ngay trước đó. Theo lời ông kể, ngày 28 tháng 4 năm 1975, tại khu vực Nước Trong, chiếc xe tăng 380 đã bị trúng đạn. Trong không gian chật hẹp và ngột ngạt của buồng xe, pháo hai hy sinh, trường xe bị thương nặng. Chiếc xe chỉ còn lại hai người, không có quân số bổ sung, nhưng với tinh thần “Thần tốc, táo bạo, quyết thắng”, chiếc 380 vẫn bám theo đội hình chiến đấu của đơn vị tiến về Sài Gòn. Vì thế, sáng 30 tháng 4 xe của ông không còn ở đội hình mũi nhọn, mà phải đi trong đội hình Thê đội 2 của lữ đoàn. Nghĩa là khi những chiếc xe đi đầu húc đổ cổng Dinh độc lập, thì chiếc xe của ông tiến vào sau đó ít phút. Khoảng cách ấy, về mặt thời gian, chỉ là vài phút ngắn ngủi. Nhưng về mặt ký ức, nó lại là một khoảng lặng rất dài. Bởi khi tiến vào dinh, niềm vui chiến thắng chưa kịp dâng trọn, thì ký ức về những người vừa ngã xuống đã tràn về. Người pháo thủ không còn nữa. Người trường xe vẫn đang trong tình trạng bị thương. Trong buồng xe, dấu vết của trận đánh vẫn còn nguyên vẹn. Chiến thắng, vì thế không phải là một niềm vui trọn vẹn, mà là một cảm xúc đan xen giữa tự hào và mất mát, giữa vinh quang và xót xa.

Chính từ những trải nghiệm ấy, văn của Nguyễn Khắc Nguyệt mang một sắc thái riêng khi viết về tháng Tư. Ông không chỉ viết về “ngày chiến thắng”, mà viết về “giây phút trước và sau chiến thắng”, nơi con người đối diện với những gì đã mất đi để có được ngày hôm ấy. Đó là lý do vì sao trong trang viết của ông, tháng Tư không chỉ rực rỡ, mà còn lắng lại. Khi đọc những trang viết ấy, tôi nhận ra rằng, ký ức của ông không được tổ chức theo kiểu một bản tổng kết lịch sử, mà như những lát cắt đời sống. Một chi tiết nhỏ, một khoảnh khắc ngắn, một con người cụ thể... tất cả đều được giữ lại với độ chính xác gần như tuyệt đối. Và chính những điều tưởng như nhỏ bé ấy lại tạo nên sức nặng của lịch sử.

Có lẽ, chính là người trong cuộc đã giúp ông giữ được cách nhìn bình tĩnh ấy. Ông không cần phải phóng đại. Ông cũng không cần phải làm cho câu chuyện trở nên bi tráng hơn. Bởi bản thân những gì ông đã trải qua đã đủ lớn lao. Văn chương trong trường hợp của ông chỉ là phương tiện để chuyển tải, chứ không phải để tạo dựng. Nhìn từ góc độ này, có thể thấy rõ một điều: Nguyễn Khắc Nguyệt không viết để trở thành nhà văn, mà viết như một nhu cầu nội tại. Ông viết để giữ lại ký ức, để



Nhà văn Nguyễn Khắc Nguyệt và chiếc xe tăng 380. (Ảnh do nhân vật cung cấp)

những người đồng đội đã hy sinh không bị lãng quên, để những khoảnh khắc như ngày 30 tháng 4 không chỉ tồn tại trong sách giáo khoa, mà còn hiện diện trong những câu chuyện cụ thể sống động.

Và chính vì thế mà ký ức tháng Tư trong văn ông có một sức sống đặc biệt. Nó không phải là ký ức được kể lại từ xa, mà là ký ức vẫn còn nóng, còn đau, còn nguyên vẹn trong tâm trí người viết. Mỗi khi tháng Tư trở lại, những trang viết ấy lại như được “đánh thức”, nhắc người đọc nhớ rằng: phía sau mỗi chiến thắng là những con người đã đi qua chiến tranh bằng chính máu thịt của mình.

Từ góc nhìn của một người làm biên tập, tôi hiểu rằng không phải bản thảo nào cũng giữ được “độ sống” như thế. Có những bản thảo rất chần chừ, rất công phu, nhưng lại thiếu đi điều cốt lõi: trải nghiệm thực. Còn với Nguyễn Khắc Nguyệt, trải nghiệm ấy không chỉ có, mà còn trở thành nền tảng cho toàn bộ sáng tác. Vì thế, khi đặt ông trong đội ngũ những nhà văn quân đội, có thể thấy ông không thuộc kiểu nhà văn “đi từ văn chương ra chiến tranh”, mà là “đi từ chiến tranh vào văn chương”. Và chính con đường ấy đã tạo nên một giọng điệu riêng giản dị, chân thực, nhưng đủ sức lay động. Tháng Tư trong văn Nguyễn Khắc Nguyệt không chỉ là một mốc thời gian lịch sử. Nó là một miền ký ức. Ở đó có tiếng xích xe tăng, có khói lửa chiến trường, có những gương mặt đồng đội, và có cả những khoảng lặng không thể gọi tên. Một miền ký ức mà ông đã, đang và sẽ tiếp tục gìn giữ bằng trang viết của mình. Và từ đó, khi nhìn lại văn học viết về chiến tranh, tôi nhận ra rằng có những nhà văn được biết đến rộng rãi, trở thành những tên tuổi lớn, nhưng cũng có những người lặng lẽ hơn, âm thầm hơn như Nguyễn Khắc Nguyệt. Họ không tạo ra những làn sóng dư luận, nhưng lại góp phần giữ gìn một phần ký ức không thể thiếu của lịch sử. Với tôi, việc biết đến ông không chỉ là một sự tình cờ nghề nghiệp, mà còn là một trải nghiệm giúp hiểu rõ hơn về một kiểu: nhà văn bước ra từ chiến tranh, viết không phải để khẳng định mình, mà để những người đã khuất được sống lại trong ký ức của người đọc. Chính từ những trang bản thảo ấy, ký ức tháng Tư với tất cả sự thiêng liêng và day dứt đã hiện lên một cách chân thực nhất ■

NSND Đức Liên

Văn hoá càng phát triển càng phải dựa vào truyền thống

■ BÌNH NGUYỄN TRANG

Từ vùng đất quê hương Tuyên Quang thơ mộng, NSND Đức Liên đã mang tiếng sáo đi hơn 60 nước trên thế giới, lan toả vẻ đẹp tâm hồn Việt Nam đến với bạn bè quốc tế. Tên tuổi và thành công của ông đã chứng minh một điều, bằng tình yêu và đam mê của người nghệ sĩ, cây sáo nhỏ có thể kể những câu chuyện lớn về văn hoá dân tộc mình. Báo Tuyên Quang giới thiệu nội dung cuộc trao đổi giữa nhà thơ, nhà báo Bình Nguyễn Trang với NSND Đức Liên



Phóng viên: Thưa NSND Đức Liên, ông đã đến với nghệ thuật sáo như thế nào?

NSND Đức Liên: Tôi có một tuổi thơ rất đẹp ở vùng đất Tuyên Quang. Trước cửa nhà tôi là con sông Gâm nước trong xanh bốn mùa soi bóng những dãy núi cực kỳ thơ mộng. Tôi đã tắm trên dòng sông Gâm, hàng ngày ngắm nhìn tàu thuyền đi lại, nghe tiếng sáo người ta thổi vọng vào trời nước rất hay. Tôi mê tiếng sáo từ thuở ấy. Ngày đó mua một cây sáo rất khó, tôi tự mày mò khoét sáo, ban đầu âm thanh nó không chuẩn đâu, nhưng tôi cứ vừa thổi vừa chỉnh dần dần. Bố tôi là một nghệ nhân văn nghệ dân gian, thấy tôi thích sáo bèn gửi tôi về Hà Nội theo học thầy Đình Thìn. Thế là cứ mùa hè tôi lại khăn gói về Hà Nội học thổi sáo.

Phóng viên: Được biết nghệ sĩ đã từng phục vụ trong quân đội. Những năm đó, cây sáo vẫn theo bước chân hành quân của ông chứ?

NSND Đức Liên: Vâng, trước khi vào bộ đội tôi đã cùng với cây sáo hoạt động văn nghệ khắp các thị trấn, làng, bản. Rồi trở thành người lính, dĩ nhiên tôi không thể thiếu cây sáo giắt ba-lô được. Tôi nhớ nhà văn Triệu Bôn hồi đó từng viết một bài báo về tôi với nhan đề “Đức Liên với cây sáo giắt ba-lô”. Tôi đã đóng quân ở Hà Giang 6 năm, phục vụ ở Vị Xuyên những ngày gian khổ nhất. Ở đâu tôi cũng mang tiếng sáo đến với đồng đội, bà con dân bản. Sau đó tôi được quân đội cử đi đào tạo bài bản, rồi cuối 1981 tôi về đầu quân ở Đoàn Văn công Quân khu 2. Cây sáo tiếp tục theo tôi đi biểu diễn khắp các tỉnh biên giới phía Bắc. Sau 20 năm phục vụ trong quân đội thì tôi chuyển về Nhà hát Ca múa nhạc Việt Nam công tác. Hành trình thay đổi nhưng tình yêu dành cho nghệ thuật sáo thì lúc nào cũng luôn đầy ắp trong tôi.

Phóng viên: Ngoài biểu diễn, nghệ sĩ còn sở hữu một bộ sưu tập sáo nhiều kỷ lục. Cụ thể là ông đang sở hữu bao nhiêu cây sáo, thưa nghệ sĩ?

NSND Đức Liên: Tôi hiện sở hữu bộ sưu tập hơn 100 cây sáo của hơn 30 dân tộc, đã được Trung tâm Sách kỷ lục Việt Nam xác nhận là “người có bộ sưu tập sáo nhiều nhất Việt Nam”. Trong bộ sưu tập của tôi, cây sáo lớn nhất có đường kính 7 cm, dài 1,5 m, cây sáo nhỏ nhất có đường kính 0,4 cm, dài 12 cm. Bộ sưu tập bao gồm 8 loại sáo Mông, 8 loại sáo Thái, và 16 loại sáo Việt, 10 loại khèn Thái và khèn Mông... Mỗi cây sáo mà tôi sưu tập được đều gắn với một câu chuyện, một kỷ niệm không thể nào quên. Chẳng hạn, một lần đến Hà Giang, tôi gặp cô gái người dân tộc Lô Lô đang thổi cây sáo Ka Lê có âm thanh lạ tai, và thật may mắn được cô gái tặng lại cây sáo độc đáo này.

Phóng viên: Sáo là một loại hình nghệ thuật truyền thống độc đáo, nhưng không có nhiều người theo đuổi. Gần đây một số trường nghệ thuật có thực trạng là hàng năm tuyển sinh không đủ chỉ tiêu các lớp học về nghệ thuật truyền thống. Ông nghĩ gì về tầm quan trọng của công tác đào tạo đội ngũ nghệ sĩ trẻ trong nghệ thuật truyền thống, nhất là sáo?

NSND Đức Liên: Vâng, các nghệ nhân chuyên về nhạc cụ dân tộc vốn hiếm, không có nhiều đâu. Nhất là về sáo thì hiếm lắm. Tôi rất lo những người theo đuổi nghệ thuật sáo ngày càng



NSND Đức Liên xác lập kỷ lục người có bộ sưu tập sáo nhiều nhất Việt Nam

ít dần đi, và luôn sẵn sàng tham gia vào công tác đào tạo, giảng dạy. Cũng may là ở các đoàn nghệ thuật hiện nay đều có nghệ sĩ học về sáo. Tôi đã đi dạy khắp cả nước đấy, dạy cho người làm nghề và cả những người học sáo chỉ vì yêu, vì thích. Tôi dạy nhiều ở lớp đào tạo nguồn cho các bạn trẻ, để sau đó các bạn thi vào các trường nghệ thuật. Bây giờ học trò của tôi cũng nhiều người thành danh, trở thành nghệ sĩ của các đoàn nghệ thuật, sống được bằng nghề. Cũng nói thêm, tôi đã được Học viện Âm nhạc Quảng Tây (Trung Quốc) vinh danh là Giáo sư danh dự của Học viện. Tôi tham gia biểu diễn và giảng dạy ở Trung Quốc nhiều lần, thì thấy rằng, công tác đào tạo ở đâu cũng vậy, vô cùng quan trọng. Nếu muốn có những thế hệ nghệ sĩ kế cận tài năng, chúng ta phải đầu tư đến nơi đến chốn cho công tác đào tạo.

Phóng viên: Với bà con nhiều dân tộc thiểu số ở các vùng núi cao, sáo hiện diện trong đời sống của họ như một nét đẹp văn hoá không thể thiếu. Tuy nhiên, để những vẻ đẹp đó được lan toả phải nhờ đến những người nghệ sĩ tâm huyết. Ông cũng đã là một sứ giả văn hoá, mang tiếng sáo của người dân tộc thiểu số nước mình đến với nhiều quốc gia. Không chỉ vậy, ông còn sử dụng công nghệ để lan toả nghệ thuật sáo đến cộng đồng. Kênh youtube của ông hiện có số lượng người theo dõi rất lớn...

NSND Đức Liên: Vâng, tôi chỉ nghĩ đơn giản, khi mình là người nghệ sĩ thì mình phải có trách nhiệm lan toả những vẻ đẹp của văn hoá dân tộc mình đến với mọi người, không chỉ công chúng trong nước mà cả quốc tế. Ngày hôm nay chúng ta có nhiều phương tiện, công cụ công nghệ để lan toả văn hoá nghệ thuật ra thế giới. Tôi cho rằng nghệ thuật sáo của Việt Nam vô cùng độc đáo, là món ăn tinh thần gây ngạc nhiên, thú vị đối với khán giả. Tiếng sáo của mỗi dân tộc trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam đều có một sắc thái riêng, hay lắm. Càng tìm hiểu, càng nghe, người ta sẽ càng bị thu hút. Trước đây, những vẻ đẹp này vẫn còn khuất lấp vì thiếu các điều kiện phổ biến, nhưng hiện nay có công nghệ rồi, chúng ta phải tận dụng. Tôi thấy hạnh phúc khi kênh youtube giới thiệu nghệ thuật sáo của tôi được nhiều người quan tâm và yêu mến. Những chia sẻ của khán giả làm cho tôi có thêm động lực. Làm một cây cầu nối nghệ thuật sáo với khán giả thì còn niềm vui nào bằng với người nghệ sĩ như tôi.

Phóng viên: Nhân nói về văn hoá truyền thống, xin hỏi nghệ sĩ thêm một điều. Hiện nay, chúng ta đang làm rất nhiều việc để phát triển công nghiệp văn hoá. Nhưng để biến văn hoá thành các sản phẩm độc đáo có thể xuất khẩu, mang lại giá trị kinh tế, mà vẫn giữ được bản sắc Việt, không thể không nhấn mạnh yếu tố nền tảng là văn hoá truyền thống. Nhìn từ bộ môn sáo, nghệ sĩ nhận định thế nào về công tác lưu trữ, bảo tồn hiện nay. Theo ông, Nhà nước cần có những chính sách nào để hỗ trợ công tác này, để văn hoá truyền thống các dân tộc thiểu số không bị mai một trước sự thay đổi nhanh chóng của đời sống hiện đại?

NSND Đức Liên: Chúng ta đều hiểu rằng văn hoá truyền thống là tài sản, là vốn quý mà nếu để mai một sẽ rất tiếc. Các loại hình nghệ thuật dân gian, truyền thống của các dân tộc thiểu số được kết tinh từ đời sống sinh hoạt văn hoá lâu đời của bà con. Các vốn cổ đó là nền tảng để chúng ta sáng tạo, phát triển văn hoá thời kỳ mới. Với công tác bảo tồn, số hoá văn hoá truyền thống, tôi thấy rằng các địa phương đang làm rất tích cực, tuy nhiên các dữ liệu cần phải được chọn lọc, thậm chí định và đồng bộ hoá để người dân dễ tiếp cận dữ liệu. Việc giữ gìn và làm cho những giá trị văn hoá truyền thống phát huy tốt nhất, theo tôi không thể thiếu vai trò của Nhà nước. Từ thực tế đi, học hỏi và tìm hiểu, tôi thấy khắp các địa phương, nhất là miền núi, số lượng nghệ nhân giỏi không ít đâu. Vấn đề là chúng ta đánh giá, vinh danh, sử dụng họ như thế nào. Tôi cho rằng, khi các nghệ nhân tạo ra sản phẩm thì phải được bảo hộ đầu ra, phải được cấp vốn, thì mới phát triển lâu dài được. Nghệ nhân truyền nghề phải được trả thù lao đủ để sống, thì họ sẽ toàn tâm toàn ý mà cống hiến. Phải tạo động lực cho người thực hành, sáng tạo văn hoá truyền thống. Nhà nước cũng đã có nhiều chính sách đầu tư cho văn hoá truyền thống, nhưng tôi thấy ở một số ngành, một số địa phương còn dãn trải, thiếu tập trung hiệu quả chưa cao. Tôi rất mong những hoạt động thuộc về văn hoá, nghệ thuật truyền thống được quan tâm nhiều hơn nữa, vì đây chính là cách chúng ta bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc mình. Trong thế giới hội nhập hiện nay, giữ gìn bản sắc văn hoá tốt thì chúng ta mới mong được chú ý. Văn hoá càng phát triển càng cần phải dựa vào truyền thống.

- Xin cảm ơn NSND Đức Liên về cuộc trò chuyện.

Có những trang sử không nằm trong biên niên dày cộp, mà hiện diện lặng lẽ trên trang giấy học trò đã ngả màu thời gian. Những lá thư thời chiến, giản dị mà thiêng liêng, vượt qua bom đạn và năm tháng, trở thành chứng nhân sống động của một thời hoa lửa. Ở đó, từng dòng chữ như kể cho hậu thế câu chuyện về một thế hệ đã sống và yêu Tổ quốc đến tận cùng; sẵn sàng lấy máu, mồ hôi và nước mắt viết nên bài ca hòa bình bất diệt.

"Không thắng giặc Mỹ, không về thăm quê"

GỮA không gian trưng bày của Bảo tàng tỉnh, "Quyết tâm thư" của chiến sĩ trẻ Vương Đình Cường - người con Bản Cây, xã Tụ Nhân (nay là Hoàng Su Phì) như có sức hút diệu kỳ, níu chân người tham quan. Chỉ vồn vẹn 135 chữ, viết trên trang giấy mỏng, nhưng lại mang sức nặng của một lời thề non nước. Không cầu kỳ câu chữ, không trau chuốt hình thức, từng dòng chữ hiện lên mộc mạc mà rắn rỏi, như chính con người của núi rừng.

Trong những dòng chữ ngắn gọn ấy, lý tưởng của tuổi trẻ được anh khẳng định đầy nhiệt huyết: "Đoàn viên thanh niên là cánh tay phải đắc lực của Đảng". Khẩu hiệu "chân đồng, vai sắt, mắt thần tiên" anh viết trong thư không chỉ là phương châm rèn luyện, mà còn là bản lĩnh được hun đúc qua thao trường khắc nghiệt. Chính tinh thần ấy đã trở thành điểm tựa vô hình, thôi thúc những người lính trẻ "xẻ dọc Trường Sơn" đi cứu nước.

Và ở những dòng cuối thư, âm hưởng hào hùng mà bi tráng nhất đã vang lên: "Xin hứa, không thắng giặc Mỹ, không về thăm quê". Lời hứa tưởng chừng mộc mạc, nhưng chất chứa một ý chí sắt đá đến nghẹn lòng. Không còn chỗ cho do dự, cũng không có lối rẽ nào được đặt ra, phía trước chỉ còn con đường duy nhất: Chiến đấu và chiến thắng.

Lặng người khi đọc bức thư, đoàn viên Bùi Diệu Thúy (xã Ngọc Đường) bật bạch: "Đằng sau lời hứa ấy có lẽ là nỗi nhớ quê nhà, bóng dáng mẹ cha. Thế nhưng, tình riêng

Những lá thư từ hậu phương được cựu chiến binh Nguyễn Hồng Quang gìn giữ như báu vật trước khi trao tặng cho Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam.



Những lá thư THỜI CHIẾN

■ THU PHƯƠNG

đã tự nguyện nhường bước cho nghĩa lớn. Vì thương quê mà anh chấp nhận rời quê; vì khát khao bình yên mà anh nguyện gửi thanh xuân vào tuyến lửa, tạc nên hình hài đất nước hôm nay".

Một lá thư, hai nỗi lòng

Cũng trong năm 1968, giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước bước vào giai đoạn cam go, khốc liệt nhất, vợ chồng Việt kiều Ninh Xuân Tồn (khi đó 65 tuổi), Ngô Thị Duyên (54 tuổi) ở xã Nông Tiến (nay là phường Nông Tiến) đã đưa ra một quyết định khó khăn nhưng vô cùng vĩ đại: Viết thư tình nguyện gửi lên Tỉnh đội Tuyên Quang. Điều đặc biệt, lá thư ấy không phải để xin ra trận cho chính ông bà, mà xin cho cô con gái duy nhất của họ, người thiếu nữ vừa tròn 18 - tuổi đẹp nhất của đời người, được lên đường nhập ngũ.

Từng trải qua những tháng năm xa xứ, ông bà càng thấu hiểu sâu sắc giá trị thiêng liêng của độc lập, tự do. Vì thế, trong từng dòng thư là nỗi đau xen lẫn phần nộ khi chứng kiến quê hương oằn mình dưới tội ác chiến tranh. Sự căm phẫn đó đã hóa thành quyết tâm sắt đá, hiện diện dứt khoát trong từng nét bút ông bà viết: "Để đền đáp công ơn của Đảng và Chính phủ trong những ngày xa Tổ quốc và góp phần vào công cuộc chống Mỹ cứu nước, nay chúng tôi có con là Ninh Thị Điều, sinh ngày 3-8-1950... tha thiết mong Tỉnh đội hãy cho con chúng tôi được nhập vào đội ngũ Quân đội nhân dân Việt Nam".

Lá thư ấy gửi đi mang theo dáng hình của một cô gái trẻ, sẵn sàng xếp bút nghiên để dâng hiến thanh xuân cho Tổ quốc và tạc nên bức tượng đài về đức hy sinh cao cả của bậc sinh thành.



Bảo tàng tỉnh là nơi lưu giữ nhiều lá thư thời chiến, giúp du khách cảm nhận rõ hơn kỷ ức về một thời hoa lửa.

Cụ chiến binh Hoàng Văn Thụ, thôn 9, xã Thái Bình chia sẻ: “Độc thư, tôi có thể hình dung ra, phía sau quyết định vĩ đại ấy của người cha, người mẹ chắc chắn là những đêm dài thao thức, là những lần nhìn con chìm trong giấc ngủ mà lòng quặn thắt, là giọt nước mắt phải lặn lẽ nuốt ngược vào trong”.

**“Những cánh thư xanh”
nói hai đầu đất nước**

Bước sang thập niên 80, khi tiếng súng nơi biên giới phía Bắc vang lên, những lá thư lại tiếp tục hành trình của mình, nhưng mang một sắc thái mới - “những cánh thư xanh” từ hậu phương gửi tới mặt trận Hà Tuyên.

Giữa những năm tháng chiến đấu ác liệt, phong trào viết thư động viên chiến sĩ của Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp đã trở thành nguồn tiếp sức tinh thần bền bỉ nơi tuyến lửa. Xúc động trước tình cảm ấy, giữa mùa đông khắc nghiệt năm 1984 ở Đồng Văn, người lính trẻ Nguyễn Hồng Quang (xã Bắc Quang), cán bộ Tuyên huấn Trung đoàn 877 đã chấp bút viết nên bài thơ “Qua những cánh thư xanh”. Những vần thơ cất lên ấm áp mà rục rủa: “Nơi gió rét như hồng thêm ánh lửa/Tòa ấm chiến hào chốt gác mù sương... Cánh thư lên mang theo ngàn câu hát/Thành lửa cháy trong tim người giữ đất”.

Khi bài thơ được đăng tải trên Báo Tiền Phong, đã chạm đến trái tim biết bao người con đất Việt. Thấu hiểu những gian truân, hy sinh của các anh trên điểm tựa tiền tiêu, hàng trăm “cánh thư xanh” từ mọi miền Tổ quốc đã nườm nượp bay về chốt gác mù sương, để tên người nhận Nguyễn Hồng Quang.

Hơn 40 năm cất giữ như báu vật, ông Quang quyết định trao tặng toàn bộ những bức thư ấy cho Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam. Ông xúc động chia sẻ: “Tôi muốn gửi lại những năm tháng hoa lửa và nghĩa tình hậu phương - tiền tuyến, để ký ức ấy được gìn giữ, còn mãi với thời gian”.

Những cánh thư đã đi qua chiến tranh như mang theo hơi thở của một thời không thể lãng quên. Dấu giấy có ủa màu, mực có nhòe đi thì tình yêu Tổ quốc vẫn cháy âm ỉ trong từng con chữ, trở thành ngọn lửa thiêng soi đường, nhắc nhở thế hệ hôm nay sống xứng đáng với những tâm huyết đã làm nên dáng hình đất nước■

ĐẾN VỚI BÀI THƠ HAY

Gửi theo các chú bộ đội

*Cháu nghe chú đánh những đầu
Những tàu chiến cháy, những tàu bay rơi
Đến đây chỉ thấy chú cười
Chú đi gánh nước, chú ngồi đánh bi*

*Rồi từ nhà cháu chú đi
Lúa chiêm vào mẫy, chim ri bay về
Nghiêng nghiêng buông chuối bên hè
Rặng tre, bãi mía bốn bề vẫy theo...*

*Chú qua bao tuổi bao đèo
Đến nay chắc đã thêm nhiều chiến công*

*Ngoài này cháu đứng cháu trông
Những đêm súng nổ, lửa hồng chân mây*

*Cháu về lớp cũ tường xây
Thông hào luôn dưới bóng cây xanh rờn
Chú đi phá nốt nốt đồn
Cuối trời còn giặc, chú còn ra đi*

*Vẫn mong ngày chú trở về
Lại ngồi với cháu bên hè đánh bi...*

TRẦN ĐĂNG KHOA

RA đời vào năm 1968 giữa khói lửa chiến tranh, những vần thơ trong “*Gửi theo các chú bộ đội*” trích từ tập Góc sân và khoảng trời của “*thần đồng*” thơ Trần Đăng Khoa không mang vẻ gân guốc của đạn bom mà lại trong trẻo như dòng suối nhỏ. Sức sống của bài thơ nằm ở cách nhìn đời bằng đôi mắt trẻ thơ, biến những lý tưởng lớn lao thành những hình ảnh gần gũi, hữu hình, nơi cái tôi cá nhân hòa quyện chặt chẽ với vận mệnh chung của dân tộc.

Bản hòa tấu của bài thơ bắt đầu từ sự đối lập đầy thú vị giữa hình ảnh người lính trong trí tưởng tượng và ngoài đời thực. Vần thơ mở đầu bằng những chiến công lẫy lừng: “*Những tàu chiến cháy, những tàu bay rơi*”, nhưng ngay lập tức chuyển mình để trở nên mềm mại, ấm áp hơn: “*Đến đây chỉ thấy chú cười/Chú đi gánh nước, chú ngồi đánh bi*”. Sự tài hoa ở đây chính là việc xóa nhòa khoảng cách giữa người anh hùng và đời thường. Anh bộ đội Cụ Hồ trong thơ không chỉ là những chiến sĩ cầm súng mà còn là những người anh, người chú hồn hậu, biết gánh nước giúp dân và sẵn sàng ngồi bệt xuống hè cùng trẻ nhỏ đánh bi.

Khi tiếng súng vẫy gọi, bước chân người lính rời đi cũng là lúc vần thơ trở nên xao động với những hình ảnh thiên nhiên đậm hồn cốt làng quê Việt Nam. Một sự chuyển động tinh tế của sự sống được gọi tên: “*Lúa chiêm vào mẫy, chim ri bay về/Nghiêng nghiêng buông chuối bên hè/Rặng tre, bãi mía bốn bề vẫy theo...*”. Thiên nhiên ở đây không vô tri; nó có linh hồn, biết “*vẫy theo*” người ra trận. Hình ảnh “*lúa vào mẫy*” như một lời hứa hẹn về sự no ấm, về hậu phương vững chắc đang tiếp sức cho tiền tuyến. Cảnh vật gọi lên sự thanh bình nhưng lại chứa đựng một quyết tâm sắt đá: bảo vệ bằng được sự xanh tươi ấy.

Càng về cuối, ý thơ càng mở rộng biên độ từ góc sân nhỏ ra đến tận những chiến trường xa xôi. Hình ảnh “*Thông hào luôn dưới bóng cây xanh rờn*” là một sáng tạo hình ảnh cực kỳ đắt giá, cho thấy sự chuẩn bị cho cuộc chiến đã trở thành một phần của thiên nhiên, của cuộc sống hằng ngày. Lời hứa ước này đã biến khát vọng hòa bình trở nên cụ thể và nhân văn hơn bao giờ hết; mục đích cuối cùng của chiến tranh chính là để những đứa trẻ được chơi đùa trong bình yên.

Hơn nửa thế kỷ đã trôi qua, khi đất nước đang kỷ niệm ngày Giải phóng miền Nam 30-4, những vần thơ của Trần Đăng Khoa vẫn còn vẹn nguyên giá trị thực tiễn. Trong bối cảnh thời bình, bài thơ không chỉ nhắc nhở chúng ta về những “*đêm súng nổ, lửa hồng chân mây*” mà còn đặt ra câu hỏi về trách nhiệm của thế hệ trẻ hôm nay. Nếu ngày xưa cha ông đi “*phá nốt nốt đồn*” bằng súng đạn, thì ngày nay, lớp trẻ cần đi “*phá nốt nốt đồn*” của sự lạc hậu, nghèo nàn bằng trí thức và khát vọng.

Bài thơ “*Gửi theo các chú bộ đội*” mãi mãi là một đóa hoa thơm trong vườn thơ Việt Nam, nhắc nhở về một thời đại rục rủa nhưng cũng đầy ấp tình thương và niềm hy vọng.

TRÚC LINH



DOANH NGHIỆP ỨNG PHÓ với KHỦNG HOẢNG năng lượng

■ DUY TUẤN

Cuộc khủng hoảng năng lượng do những xung đột, bất ổn chính trị trên thế giới đang xảy ra được đánh giá nghiêm trọng nhất toàn cầu trong gần 30 năm qua và chưa từng có tiền lệ. Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đang phải gồng mình ứng phó khi giá xăng, dầu giá xăng dầu liên tục nhảy múa, kéo theo giá vật liệu, chi phí sản xuất tăng theo, nguy cơ gián đoạn hoạt động sản xuất đang hiện hữu.

ĐIỀU ĐỨNG VÌ GIÁ XĂNG DẦU TĂNG

NHỮNG tháng đầu năm 2026 chứng kiến đợt xung đột quy mô lớn giữa Israel và Iran khiến eo biển Hormuz bị đóng cửa - tuyến vận chuyển khoảng 20% nguồn cung dầu và khí toàn cầu gần như bị tê liệt làm giá xăng, dầu liên tục vượt các mốc kỷ lục, từ 100 đến gần 200%. Nhiều doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đang chịu thiệt hại nặng nề, hoạt động sản xuất, kinh doanh điêu đứng, nguy cơ thua lỗ lớn nếu cuộc khủng hoảng năng lượng này kéo dài.

Tổng công ty xây dựng Trường Sơn - doanh nghiệp đang có những gói thầu thi công dự án nâng cấp đường Tân Trào - Trung Yên và cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang. Hiện, doanh nghiệp đang tập trung huy động gần 200 máy móc, thiết bị cho hoạt động thi công 2 dự án nhằm đảm bảo tiến độ theo hợp đồng thi công và yêu cầu của tỉnh. Bình quân mỗi ngày các loại máy móc của công ty sử dụng khoảng 8.000 lít nhiên liệu cho các hoạt động thi công. Riêng chi phí sử dụng dầu hàng ngày đang khiến nhà thầu chịu mức giá cao hơn trước trên 120 triệu đồng/ngày (tính theo giá dầu từ mốc 19.000

đồng trước khủng khoảng lên khoảng 34.000 đồng hiện nay), chưa kể có thời điểm giá dầu lên mức trên 46.000 đồng/lít. Tính từ khi cuộc khủng hoảng xảy ra đến nay (khoảng 50 ngày), doanh nghiệp đã chịu thiệt hại khoảng 6 tỷ đồng riêng tiền chênh lệch giá dầu.

Cuộc khủng hoảng năng lượng không chỉ gây thiệt hại trực tiếp từ giá dầu tăng, chi phí vận hành máy móc thiết bị tăng mà giá các loại vật tư, vật liệu như sắt, cát, đá, xi măng... cũng tăng phi mã; chi phí thuê nhân công tăng theo do lạm phát. “Nhiều thời điểm, giá cả vật liệu phục vụ cho hoạt động thi công các dự án của công ty chịu mức tăng theo ngày, từ 10%, thậm chí đến 30% so với ngày hôm trước. Chúng tôi đang tiến gần đến mức giới hạn tối đa sức chịu đựng của doanh nghiệp do giá xăng dầu tăng cao” - Ông Vũ Ngọc Oanh, Chỉ huy trưởng Tổng công ty xây dựng Trường Sơn chia sẻ.

Ngoài tác động trực tiếp trong các hoạt động sản xuất sử dụng trực tiếp nhiên liệu xăng, dầu hoặc lĩnh vực vận chuyển logistics, ngành du lịch của tỉnh chịu tác động lớn trước cuộc khủng hoảng năng lượng toàn cầu.

Công ty du lịch Hà Giang trẻ là một trong những đơn vị tiên phong và đứng đầu trong phát triển du lịch bền vững khu vực phía Bắc của tỉnh. Mỗi tháng công ty thực hiện các tour du lịch cho hàng nghìn lượt du khách khám phá trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, từ khi giá xăng dầu tăng cao, lượng khách giảm lần lượt trong tháng 3 và tháng 4 là 40% và 70%. Không những thế, những khách hàng đặt tour từ trước thời điểm giá xăng dầu tăng công ty phải duy trì các dịch vụ tour mà không thể thay đổi giá tour.

Anh Nguyễn Văn Trãi, nhà sáng lập Hà Giang trẻ chia sẻ: Giá xăng dầu tăng kéo theo sự gia tăng toàn diện các loại chi phí từ vận chuyển, nhà hàng, khách sạn, thậm chí giá vé dịch vụ ở một số điểm tham quan trên địa bàn tỉnh cũng đã điều chỉnh tăng. Phần lớn giá các dịch vụ đều tăng từ 30 - 50% so với trước đây. Do đó hầu hết các tour này công ty không có lãi thậm chí phải bù lỗ.

NỖ LỰC ỨNG PHÓ

Theo rà soát của Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa, cuộc khủng hoảng năng lượng trong gần 2 tháng qua làm cho giá xăng dầu tăng mạnh kéo theo giá các nguyên vật liệu đầu vào, chi phí sản xuất, vận chuyển hàng hóa đều tăng đột biến, thậm chí nhiều mặt hàng không có nguồn để bán và mua. Doanh nghiệp càng làm càng lỗ, đặc biệt là hợp đồng trọn gói và đơn giá cố định. Bởi nhiên liệu chiếm tỷ trọng rất lớn trong cơ cấu chi phí máy thi công (dao động từ 30% đến 50%). Giá xăng dầu tăng tạo áp lực đẩy chuyển lên giá thành sản xuất và vận chuyển của hầu hết các loại vật liệu.

Ông Vũ Ngọc Oanh, Chỉ huy trưởng Tổng công ty xây dựng Trường Sơn thông tin, doanh nghiệp đã có văn bản gửi các ngành chức năng, chủ đầu tư đề xuất cho điều chỉnh đơn giá thi công do biến động tăng cao của giá xăng dầu. Nếu không được chấp thuận trong thời gian tới, giá xăng dầu duy trì cao, công ty có thể phải điều chỉnh lại hoạt động thi công, nếu không doanh nghiệp sẽ chịu lỗ lớn.

Hợp tác xã vận tải Kiên Cường - chủ nhà xe Quang Nghị là đơn vị có số lượng đầu xe khách chuyên tuyến Hà Giang - Hà Nội nhiều nhất khu vực Hà Giang cũ. Anh Nguyễn Văn Nghị, Giám đốc HTX chia sẻ: Trước áp lực giá xăng dầu tăng, đơn vị đã xây dựng phương án xin tăng giá vé gửi cơ quan chức năng nhưng đến nay chưa được phê duyệt.

Được biết, trước thời điểm khủng hoảng năng lượng, nhà xe Quang Nghị duy trì 20 đầu xe chạy. Tuy nhiên hiện nay đã giảm khoảng 30%. Lượng khách hàng nội địa đi xe cũng giảm 50-70%, khách du lịch quốc tế giảm khoảng 40% do giá trong hoạt động vận tải tăng cao.

Tại Bến xe khách Hà Giang, trong gần 2 tháng xảy ra khủng hoảng, bến đã giảm 30% số lượng xe đăng ký xuất, cập bến so với trước đây, từ 150 xuống còn 100 xe do nhu cầu di chuyển của người dân giảm xuống. Các nhà xe cũng đang đẩy nhanh việc xin điều chỉnh giá vé phù hợp với giá xăng, dầu tăng.

Trước những diễn biến khó lường trong xung đột ở Trung Đông, các chuyên gia đánh giá nguồn cung xăng dầu trên thế giới vẫn đang bị gián đoạn, giá xăng dầu tiếp tục neo cao và có thể kéo dài. Trước tình hình trên, Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa của tỉnh đã có công văn gửi Sở Xây dựng đề xuất tỉnh cho chủ đầu tư điều chỉnh bù trừ trực tiếp giá các loại vật liệu có biến động bất thường do rủi ro từ giá nhiên liệu, đặc biệt là hợp đồng trọn gói và đơn giá cố định để đảm bảo tiến độ các dự án và quyền lợi hợp pháp của doanh nghiệp.

NHÀ NƯỚC ĐỒNG HÀNH

Chính phủ và Quốc hội đã điều chỉnh giảm thuế bảo vệ môi trường, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế giá trị gia tăng đối với xăng dầu về 0 đồng trong thời gian từ ngày 16-4 đến hết ngày 30-6-2026; thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng và thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số sản phẩm xăng dầu xuống 0%. Chính phủ liên tục trích lập và sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu để hạn chế mức tăng giá bán lẻ trong nước khi giá thế giới biến động mạnh. Chính vì vậy, giá xăng, dầu từ đầu tháng 4 đến nay đang giảm dần qua từng kỳ điều chỉnh. Ngoài ra, tăng cường đối ngoại, trao đổi, đàm phán với các quốc gia đối tác nhằm đảm bảo nguồn cung nhiên liệu ổn định và giảm ít nhất 10% phí hoa tiêu cho các tàu biển treo cờ Việt Nam.

Không chỉ dừng lại ở thuế, các ngân hàng cũng đồng loạt giảm lãi suất huy động và cho vay nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn do chi phí năng lượng tăng cao và khủng hoảng kinh tế. Động thái này giúp giảm chi phí vốn, thúc đẩy tín dụng và ổn định nền kinh tế.

Cùng với đó, UBND tỉnh đang nghiên cứu các phương án hỗ trợ doanh nghiệp chịu ảnh hưởng lớn từ giá xăng, dầu tăng cao trong thời gian qua, đảm bảo tiến độ triển khai các dự án, công trình trọng điểm và các mục tiêu tăng trưởng năm 2026.

Để ứng phó với cuộc khủng hoảng này trong ngắn hạn, ngoài sự đồng hành của nhà nước, các doanh nghiệp cũng phải chủ động thực hiện các biện pháp tiết kiệm năng lượng, tiết giảm chi phí trong vận hành, sản xuất, vượt qua “cơn bão” chi phí đầu vào, giữ vững nhịp phát triển trong bối cảnh nhiều thách thức. Đồng thời có chiến lược lâu dài chuyển đổi sang sử dụng năng lượng xanh, năng lượng tái tạo, chủ động ứng phó với các cuộc khủng hoảng năng lượng có thể xảy ra trong tương lai ■

CUỘC THANH LỘC DÒNG VỐN đầu cơ

■ ĐOÀN THƯ

Sau một chu kỳ dài hưởng lợi từ dòng vốn giá rẻ, thị trường bất động sản (BDS) đang đứng trước một thách thức mới khi lãi suất xác lập mặt bằng cao kỷ lục trong nhiều năm qua. Đây không đơn thuần là sự điều chỉnh kỹ thuật của chính sách tiền tệ, mà là một phép thử mang tính chiến lược nhằm nắn chỉnh dòng tiền từ đầu cơ đất đai quay trở lại các giá trị sản xuất kinh doanh thiết thực.



Nhân viên Agribank Tuyên Quang tư vấn khách hàng tiếp cận dịch vụ tài chính.

TỪ GIÁC MƠ CÓ THẬT ĐẾN NỖ LO LÃI SUẤT

NHÌN lại chu kỳ 2024 đến đầu năm 2025, thị trường BDS đã hưởng lợi trọn vẹn từ "điểm rơi" lý tưởng của chính sách tiền tệ. Với mức lãi suất cho vay mua nhà, đất chạm đáy lịch sử, chỉ dao động từ 5% đến 10%/năm tùy vào từng ngân hàng, một khối lượng thanh khoản khổng lồ đã đổ xô vào thị trường. Trong bối cảnh đó, BDS không chỉ là nơi trú ẩn tài sản an toàn mà còn trở thành kênh đầu tư có tỷ suất sinh lời cạnh tranh với gửi tiết kiệm hay mua vàng.

Là người trực tiếp hưởng lợi, chị Nguyễn Thị Thanh Nga, tổ dân phố Tân Hà 15, phường Minh Xuân chia sẻ: Năm 2024, nhờ vốn vay ưu đãi, giấc mơ có mảnh đất xây nhà của vợ chồng chị đã thành hiện thực. Với tổng thu nhập 30 triệu đồng/tháng, mức

lãi suất chạm đáy lúc đó hoàn toàn nằm trong tầm kiểm soát tài chính của gia đình.

Không chỉ những người có nhu cầu thực như chị Nga, làn sóng vốn rẻ còn kích hoạt bản năng đầu cơ của nhiều cá nhân. Chị N.T.P.T (một nhà đầu tư xin giấu tên) thừa nhận, trước chị không ngần ngại vay lớn để "ôm" đất chờ chốt lời. Thế nhưng, khi lãi suất quay đầu tăng mạnh trong những tháng gần đây, chị N.T.P.T rơi vào cảnh tiền thoái lương nan. Hiện nay chị N.T.P.T đang xúc tiến bán để tất toán nợ gốc. Bởi nếu giữ đất sẽ khó lòng trụ vững trước áp lực lãi vay đang phình to từng ngày - chị N.T.P.T chia sẻ.

Thực tế, chị N.T.P.T không phải là ngoại lệ, khi tốc độ tăng giá đất đạt ngưỡng 20-30%/năm trong khi chi phí vốn vay chỉ quanh mức 5-10%, bài toán vay để giàu trở nên quá hấp dẫn với một bộ phận người. Thực tế cho thấy rất nhiều nhà đầu tư cá nhân đã thế chấp tài sản tranh thủ nguồn vốn giá rẻ để đầu tư tiền vào đất đai.

Tiến sĩ Kinh tế phát triển Đỗ Hải Yến, Trưởng khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh, trường Đại Học Tân Trào nhận định: Chính sách về vốn ưu đãi từ các tổ chức tín dụng dành cho khách hàng vay mua nhà, đất trong thời gian qua đã hiện thực hóa giấc mơ của nhiều người có nhu cầu thực. Nhưng mặt khác cũng lại chảy vào phân khúc đất nền, gây ra tình trạng sốt ảo và hệ quả hiện nay là nhiều nhà đầu tư đang phải đối mặt với áp lực tài chính nặng nề khi lãi suất bắt đầu có xu hướng đảo chiều.

CÚ SỐC TỪ MẶT BẰNG LÃI SUẤT MỚI

Thời điểm của dòng vốn giá rẻ đã chính thức khép lại khi bước sang cuối năm 2025, nhường chỗ cho một làn sóng tăng lãi suất huy động lan rộng trên toàn hệ thống.

Tính đến đầu tháng 4-2026, lãi suất huy động tại nhiều ngân hàng đã vượt ngưỡng 7,8%/năm, thậm chí xác lập mặt bằng mới trên 8%/năm. Đây là mức cao kỷ lục trong nhiều năm trở lại đây, tạo ra hiệu ứng tức thì lên lãi suất cho vay.

Tại nhiều ngân hàng trên địa bàn tỉnh, lãi suất vay mua bất động sản đã tăng từ mức 7 - 10%/năm lên 11 - 13%/năm. Anh Nguyễn Mạnh Huấn, một nhà đầu tư tại phường Minh Xuân, phân tích: Với các khoản vay lớn và

dài hạn, mức tăng này không chỉ là vài con số đơn thuần mà là một rủi ro tài chính cực lớn. Anh Huấn tính toán, trước đây vay 2 tỷ, lãi trả hàng tháng 13,3 - 15 triệu đồng, tuy nhiên thời điểm lãi suất vay cao như hiện nay người vay sẽ phải trả 18,3 - 21,7 triệu/tháng. Trong bối cảnh thu nhập không ổn định, mức tăng này sẽ phá vỡ kế hoạch tài chính của những nhà đầu tư quá phụ thuộc vào vốn vay ngân hàng giá rẻ. Giờ đây, những người từng lạc quan với bài toán vay vốn để "lướt sóng" đất nền đang phải đối mặt với thực tế, lợi nhuận từ việc tăng giá đất không còn đủ để bù đắp chi phí lãi vay đang phình to từng ngày. Thị trường chính thức bước vào một cuộc thanh lọc thực chất hơn, nơi mà những dòng vốn đầu cơ thiếu bền vững sẽ bị đào thải, nhường lại sân chơi cho những nhà đầu tư có nội lực tài chính vững vàng và tư duy dài hạn.

PHÉP THỬ CHO NHỮNG "CÓN SAY" ĐẤT NỀN

Việc tận dụng thời cơ vay vốn giá rẻ để đầu tư vào nhà đất có thể mang lại lợi nhuận tức thời cho một bộ phận cá nhân, nhưng lại để lại những vết rạn sâu sắc cho cấu trúc nền kinh tế. Khi nguồn lực xã hội bị chôn chặt trong những lô đất bỏ hoang - loại tài sản phi sản xuất, không trực tiếp tạo ra giá trị thặng dư thì động lực phát triển kinh tế vô hình trung bị đình trệ.

Theo Tiến sĩ Đỗ Hải Yến, lãi suất tăng sẽ khiến thị trường nhà đất bớt hưng phấn, ngăn chặn tình trạng đẩy giá khi tâm lý đầu cơ ngắn hạn bị hạn chế. Lúc này, thị trường sẽ quay về gần hơn với giá trị sử dụng thực, dòng tiền thực và nhu cầu ở thực. Đây là tín hiệu tích cực cho tính lành mạnh dài hạn, dù

trong ngắn hạn có thể làm sụt giảm lượng giao dịch và gây áp lực lớn lên các chủ thể lạm dụng đòn bẩy tài chính. Trong cuộc sàng lọc này, chỉ những đơn vị có thực lực tài chính vững mạnh, quỹ đất sạch và pháp lý minh bạch mới có thể trụ vững.

Thực chất, thắt chặt tín dụng không phải để bóp nghẹt thị trường, mà để định hình lại một hệ giá trị bền vững hơn. Khi dòng tiền trở nên đắt đỏ, các chủ thể kinh tế buộc phải thay đổi tư duy: Kinh tế không thể phát triển chỉ nhờ phân lô bán nền; lãi suất cao đóng vai trò như một lực đẩy, buộc dòng vốn phải rời xa việc đầu cơ đất đai để chảy vào máy móc, công nghệ và mở rộng sản xuất, từ đó tạo ra giá trị và việc làm thực tế cho xã hội.

Tuy nhiên, Tiến sĩ Đỗ Hải Yến cũng lưu ý rằng, đầu cơ đất đai chủ yếu sống nhờ "vốn rẻ", nên việc tăng lãi suất dù là công cụ quan trọng để nắn dòng tiền nhưng không phải là giải pháp duy nhất. Việc tăng lãi suất không đồng nghĩa với việc dòng tiền sẽ tự động chuyển dịch sang khu vực sản xuất kinh doanh. Để dòng tiền thực sự quay lại khu vực sản xuất, cần thêm các điều kiện cần và đủ, trong đó, tín dụng phải được ưu tiên đúng cho doanh nghiệp sản xuất, thủ tục tiếp cận vốn phải thông thoáng, chi phí kinh doanh phải giảm và rủi ro pháp lý trong bất động sản phải được kiểm soát chặt - Tiến sĩ Yến nhấn mạnh.

Nếu chỉ tăng lãi suất mà không cải thiện môi trường đầu tư, dòng tiền có thể rời bỏ đất đai nhưng cũng chưa chắc sẽ chảy mạnh vào khu vực tạo ra giá trị gia tăng.

Vì vậy, lãi suất tăng là biện pháp cần thiết để hạ nhiệt đầu cơ, nhưng để tái phân bổ vốn hiệu quả cho nền kinh tế thực, cần một lộ trình điều hành tín dụng có trọng tâm đi kèm với cải cách môi trường kinh doanh quyết liệt. Việc khép lại thời kỳ "tiền rẻ" chính là bước đi đầu tiên để mở ra một hướng đi mới - nơi dòng vốn thực sự phụ vụ sản xuất và tạo ra giá trị bền vững cho sự phát triển.



Dự án khu đô thị Danko là một trong những dự án nhà đất được nhiều nhà đầu tư quan tâm.

Chè Shan Khau Mút, xã Bình An vốn được mệnh danh là chè 3 cực: Cực khổ - cực sạch và cực ngon. Chuyện làm chè ở đây, tự nhiên như mạch nước nguồn nơi đỉnh Phia Châu. Ngọt lành, nhưng không hề dễ có.



Vùng chè Shan Khau Mút, xã Bình An.

Chè 3 cực KHAU MÚT

■ TRẦN LIÊN



Những xương sao chè thủ công như của gia đình ông Phùng Vĩnh Tiểu từng là cứu cánh cho người trồng chè Khau Mút do giao thông cách trở.

Bám núi trồng chè

LÊN Khau Mút những ngày nắng nóng cực điểm, con đường từ trung tâm xã đến Kéo Ca đã được trải thảm bê tông phẳng lì. Phó Chủ tịch UBND xã Bình An Khổng Văn Vinh bảo: So với vài năm trước, thì đường lên vùng chè này dễ dàng hơn rất nhiều rồi.

Đễ hơn, là bởi trước đây, để đến được nơi này chỉ có cách duy nhất là cước bộ. 3 - 4 giờ sáng, người Dao đổ nắm cơm gói lên đỉnh mà hái từng búp chè tươi. Giờ thì có xe máy đến chân núi nhờ con đường bê tông dài hơn 3 km từ trung tâm xã đến gần khu vực trồng chè được đầu tư từ trung tâm xã đến Kéo Ca do Nhà nước đầu tư từ năm 2011. 1,8 km đường bê tông từ Kéo Ca đến Pác Lái do người dân tự bỏ tiền túi đóng góp, mở đường cũng góp phần giảm bớt khó khăn cho người trồng chè.

Dưới chân núi, là căn lều của gia đình ông Phùng Vĩnh Tiểu - điểm dừng chân nghỉ của hầu hết những người trồng chè Shan Khau Mút.

Người ta dừng ở đây, để lại chiếc xe máy, rồi hứng đầy bình nước từ chiếc bể lọc của gia đình ông, làm hành trang lên đỉnh hái chè. Trước đây chưa có đường, thì đây chính là điểm sao chè "cấp tốc" sau khi thu hái để đảm bảo chất lượng trước khi được chuyển về trung tâm xã.

Đọc hai bên đường lên, những cây chè shan lúp xúp đầu người, búp non mơn mớn. Phó Chủ tịch UBND xã Khổng Văn Vinh bảo: Những đồi chè này chỉ khoảng 15, 20 năm tuổi, trồng theo dự án 661 phủ xanh đất trống đồi núi trọc những năm 2000 của thế kỷ trước. Chè này cho thu hoạch rồi, nhưng giống như đồi người, chè muốn ngon, muốn đậm vị, phải ngâm đủ giờ sương mỗi tròn vị.

Chuyện làm chè đặc sản

Vừa đi, Phó Giám đốc Hợp tác xã Nông lâm nghiệp Thổ Bình Đặng Văn Lâm vừa kể về huyền tích chè Shan Khau Mút. Tương truyền xa xưa, ở dưới chân núi Khau Mút có hai cha con người Dao sinh sống. Một ngày kia, người cha già lâm bệnh nặng, cô con gái ngày ngày vào rừng hái các loại lá cây về làm thuốc cho cha uống, nhưng không khỏi. Một lần, cô quyết đi lên ngọn núi cao nhất để tìm cây thuốc về chữa bệnh cho cha. Cô đi mãi, vượt qua 4 ngọn núi thì nhìn thấy trước mặt có một cây to nhất, lá, búp xum xuê. Đoán là loại cây quý, cô liền hái về sắc nước cho cha uống. Ít lâu sau, bệnh tình của người cha đỡ hẳn. Từ đó cô cứ vào rừng hái loại cây ấy về chữa bệnh cho cha. Cho tới một ngày, loại cây ấy không còn lá nữa. Cô gái lại đi hết ngọn núi này đến ngọn núi khác để tìm. Người dân trong bản cũng không còn thấy cô trở về. Họ bảo nhau đi tìm. Khi tới loại cây ấy thì thật ngạc nhiên, lá cây đã mọc ra xum xuê, búp non mơn mớn từ bao giờ. Người dân trong bản bảo nhau hái về sắc nước uống hàng ngày để cơ thể khỏe mạnh, tránh được đau ốm. Họ còn vượt núi, băng rừng lấy hạt của cây đem trồng. Có nhà còn chuyển hẳn lên núi Khau Mút ở để trồng, chăm sóc, bảo vệ. Chè Khau Mút của người Dao đó có tên gọi từ ấy.

Nhiệt độ ngoài trời hầm hập 40 độ, nhưng dưới chân, những

con vát như lũ tằm đói nhìn thấy lá dâu non, ngọc đầu bám theo giày, theo quần áo người mặc tìm máu. Triệu Thị Cói, con dâu ông Tiều, nhận nhiệm vụ dẫn đường cho chúng tôi, vừa cầm điện thoại quay lại hành trình chuyển đi, vừa động viên khách: “Nắng như này là đỡ nhiều rồi, các anh các chị đi vào ngày mưa, thì không chỉ có vát này đâu, mà vát xanh nhiều lắm... Chúng em sống chung với vát thành quen. Có rừng, có cỏ, có sản xuất sạch đơn thuần, tự nhiên thì mới có vát anh chị ạ”.

Cói là YouTuber nổi ở Bình An. Cô gái người Dao đỏ đã có kênh riêng sở hữu hơn 4 nghìn người theo dõi. Cói thường quay lại cuộc sống của người Dao đỏ nơi đây, giới thiệu với người xem khắp thế giới. Đây cũng là kênh mà UBND xã Bình An đang khuyến khích, hướng dẫn để mở đường kinh tế số, đưa chè Shan và nhiều sản vật địa phương khác vượt lũy tre làng ra thị trường.

Nguyên Bí thư chi bộ thôn Bản Phước Phùng Vinh Chu - người vẫn được người Dao đỏ nơi đây nhớ đến như là người giữ hồn cây chè Shan Khau Mút - không nhớ cây chè có từ bao giờ. Trong ký ức của nguyên cán bộ thôn, cây chè đã được cha mẹ ông gửi ra chợ Chiêm Hoá đổi lấy muối, dầu, gạo... về nuôi sống cả nhà. Sau này, khi cả vùng hạ sơn về trung tâm xã định canh định cư, vùng chè Shan tưởng như bị quên lãng, Thảng hoặc, những người già nhớ vị chè, lại mang gùi lên núi hái, sao rồi đóng túi mang về nhà uống. Khi làm Bí thư chi bộ, ông Chu động viên người nhà, rồi những người dân trong vùng, tìm cách khôi phục, giữ lại vùng chè. Nhà có sản đổi thì giữ đổi, nhà chưa có đổi thì trồng mới. Sau này, dự án 661 hỗ trợ, diện tích chè Shan Khau Mút cũng từng bước được mở rộng. Những người như ông Chu mới thờ phào, bởi cái hương, cái vị của người già bao đời nay không mất đi.

Hơn 2 tiếng đồng hồ vượt dốc, chúng tôi mới đến được thủ phủ chè Shan Khau Mút - nơi những cây chè thân mốc thối, cao chót vót ngạo nghệ vươn mình hứng nắng mưa, sương gió. Cả một vùng chè rộng lớn, những cây chè cổ thụ cao cỡ toà nhà 2 tầng, gốc bằng cả vòng tay người ôm, che chở, bao bọc cho những thân chè nhỏ hơn.

Sau một thời gian phát triển tự phát: Tự thu hái - tự sao chè - tự tìm đầu ra, chè Shan Khau Mút giờ đã có chỗ đứng nhất định trên thị trường. Sản phẩm được chứng nhận OCOP 3 sao. Chè Khau Mút có vị chất khi chạm lưỡi, nhưng đọng lại sau cùng là vị ngọt thơm nơi cuống họng. Cái vị đặc biệt ấy khó lẫn với bất kỳ vị chè nào, khiến cho người đã uống chè Shan Khau Mút một lần không thể quên được.

Vĩ thanh

Vùng chè Khau Mút giờ có diện tích hơn 255 ha của 155 hộ dân. Trong số này, diện tích chè cổ thụ cả trăm năm tuổi khoảng 20 ha. Năm 2024, 25 hộ dân tại các thôn Bản Phước, Vàng Áng và Bản Phú được chứng nhận chè hữu cơ theo tiêu chuẩn PGS. Diện tích này không chỉ giữ rừng, mà còn giữ nước, khi hơn 40 hộ dân và 3 trường học trên địa bàn được cấp nước, lấy từ chính đỉnh núi này.

Trong cuộc làm việc của Chủ tịch UBND tỉnh Phan Huy Ngọc với các xã khu vực phía Bắc tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã nhấn mạnh với chính quyền xã Bình An, cũng như các xã Hồng Thái, Côn Lôn - những địa phương có diện tích chè Shan: Phải đảm bảo giữ được diện tích chè này, vì ngoài mục đích giữ rừng, còn có giá trị kinh tế, dược liệu, sinh thái... không hề nhỏ.

Hành trình đánh thức và lan tỏa hương vị chè Shan Khau Mút, chính quyền xã Bình An vạch ra chiến lược bài bản: Phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện dự án đánh số, truy xuất nguồn gốc và tới đây, lập danh sách công nhận cây di sản. Phối hợp với các YouTuber quảng bá sản phẩm ra thị trường. Tổ chức cuộc thi tạo tán, sao chè... đồng thời khôi phục làng người Dao, hình thành tour du lịch sinh thái, khám phá vùng chè Shan Khau Mút trong tương lai gần.

Tuy nhiên, để việc trồng, chăm sóc, thu hái chè Shan Khau Mút thuận lợi hơn, UBND xã Bình An đã có văn bản đề nghị UBND tỉnh cho chuyển đổi khoảng 50 ha đất trồng chè Shan trong rừng phòng hộ sang đất sản xuất, từ đó thuận lợi hơn cho việc đầu tư hạ tầng giao thông cũng như quy hoạch vùng phát triển du lịch sinh thái ■

DU LỊCH XANH

Sắc chàm ■ HẢI YẾN

THÁNG Tu, khi những cung đường du lịch xanh của xứ Tuyên bắt đầu nhộn nhịp bước chân trải nghiệm, có một hành trình lặng lẽ hơn nhưng lại đầy sức hút, dẫn lối du khách ngược dòng thời gian để đi tìm cái “vị” đặc trưng của một sắc màu di sản: Sắc Chàm.

Trên vùng đất di sản này, sắc chàm không chỉ là màu áo, mà là nhịp sống, là linh hồn của những bản làng. Bên hiên nhà sàn, vại nhuộm chàm luôn được đặt ở một góc trang trọng như chứng nhân của thời gian. Đứng lặng ngắm đôi bàn tay nhuộm màu bên bể của người già trong bản đang tỉ mỉ bên nếp vải, một du khách tò mò hỏi khi thấy tấm vải đã bắt đầu ngả màu:

- Màu này nhuộm một lần là nó đen ngay được bà nhi?

Bà cụ dùng tay, nhìn du khách rồi cười cái bụng: - Chưa được đâu cháu ơi. Mình vôi là cái màu nó hớt váng, nó không bền đâu. Phải đợi nắng rình, đợi cái tay mình kiên trì thì nó mới ra đúng cái màu của tổ tiên mình được.

Chính sự cầu kỳ ấy đã dệt nên niềm tự hào của đồng bào. Với người Tày, sắc chàm là vẻ đẹp thanh tao, thuần khiết trên những vạt áo dài mềm mại. Với người Dao, sắc chàm lại là cái nền bền bỉ để những cánh hoa văn thêu tay tinh xảo rực cháy sắc màu nguồn cội. Dù mỗi dân tộc có một cách nhấn nhá riêng, nhưng điểm chung là đều dùng hơi thở của cây cỏ để nuôi dưỡng nếp áo mình.

Càng đi sâu vào đời sống bản địa, ta càng nhận ra sắc chàm giúp chữa lành. Khi khoác lên mình bộ đồ chàm giản dị, một du khách thích thú reo lên:

- Mặc bộ này vào cháu thấy người nhẹ nhõm, như được biến thành người của bản mình thực thụ vậy bà ạ!”

Người chủ nhà sàn vừa tỉ mỉ xếp lại nếp áo cho khách, vừa thủ thỉ:

- Đúng rồi đấy! Bộ đồ này nó lành như cái cây rừng thôi mà. Cháu mặc nó vào là cái rừng, cái núi nó nhận ra mình là người quen ngay. Đi cái chân nó không mỏi, cái bụng mình nó cũng thấy bình yên như nước suối nguồn vậy.

Sức mạnh nguồn cội nằm chính ở sự bền bỉ của nghề truyền thống. Dù cuộc sống ngoài kia có hối hả, đổi thay, những vại chàm bên hiên nhà vẫn luôn được chăm chút như giữ lấy cái gốc rễ của bản làng. Giữ nghề nhuộm chàm không chỉ là giữ một màu sắc dân tộc, mà còn là giữ gìn một lối sống thuận tự nhiên: không hóa chất, không ô nhiễm. Đây chính là giá trị cốt lõi của du lịch xanh - nơi du khách không chỉ đến để ngắm nhìn, mà còn để học cách trân trọng những gì thuần khiết, chẳng hề phai nhạt theo năm tháng ■

MIẾNG NGON NHỚ LÂU

Món ăn ngày hè

■ TIẾN CHIẾN



Phở cuốn.
Ảnh: TRIPADVISOR

Bún chả.
Ảnh: AUCOVERVIETNAM

MÙA hè, cái nắng như rót mật xuống từng con phố, từng mái nhà khiến con người ta dễ mệt mỏi, chán ăn. Nhưng cũng trong cái oi ả ấy, ẩm thực lại mở ra một thế giới hoàn toàn khác, nơi những món ăn thanh mát, giản dị mà tinh tế trở thành “liều thuốc” xoa dịu cả vị giác lẫn tâm hồn. Không cần cao lương mỹ vị, chỉ từ những nguyên liệu quen thuộc, người Việt đã tạo nên những món ăn khiến bất cứ ai thưởng thức cũng phải lưu luyến.

Trước hết phải kể đến bún ốc nguội, món ăn tưởng chừng giản đơn nhưng lại chứa đựng cả một triết lý ẩm thực tinh tế. Không khói nghi ngút, không dầu mỡ, bún ốc nguội mang đến một trải nghiệm nhẹ nhàng, tĩnh lặng. Nước dùng được nấu từ nước luộc ốc, hòa quyện với giấm bỗng nếp tạo nên vị chua thanh rất riêng, thoảng hương thơm dịu. Những con ốc nhồi, ốc mít được lựa chọn kỹ, luộc vừa tới để giữ độ giòn sần sật, béo nhẹ mà không hề tanh. Khi ăn, thực khách chỉ cần gấp chút bún, chấm nhẹ vào bát nước dùng rồi

thường thức cùng ốc, mọi hương vị như thấm dần, lan tỏa chậm rãi. Giữa trưa hè oi ả, món ăn ấy không chỉ làm dịu cái nóng mà còn khiến lòng người trở nên thư thái, nhẹ nhõm.

Nếu bún ốc nguội mang về trầm lắng thì nộm bò khô lại là bản hòa âm rộn ràng của hương vị. Chỉ cần dạo bước trên những con phố đông đúc vào buổi chiều, khó ai có thể cưỡng lại sức hấp dẫn của món ăn này. Đu đủ xanh bào sợi giòn tan kết hợp cùng cà rốt, thịt bò khô, gan sậy... tất cả được trộn đều trong thứ nước mắm chua ngọt đậm đà, cay nhẹ mùi tỏi ớt. Điểm đặc biệt của nộm bò khô nằm ở sự cân bằng: cái giòn mát của rau củ làm dịu đi độ đậm của thịt, cái bùi của lạc rang làm tròn vị, còn rau thơm lại mang đến cảm giác tươi mới. Một đĩa nộm không chỉ là món ăn vật giải nhiệt mà còn là cái cớ để bạn bè tụ họp, chia sẻ những câu chuyện đời thường trong làn gió chiều mát rượi.

Nhắc đến ẩm thực mùa hè, không thể bỏ qua phở cuốn - biến tấu đầy sáng tạo từ món phở truyền thống. Bánh phở được giữ nguyên bản, mềm mịn và mát lạnh, cuộn khéo léo cùng thịt bò xào tái và rau sống xanh tươi. Khi chấm vào bát nước mắm chua ngọt thanh nhẹ, điểm thêm vài lát dưa góp, thực khách sẽ cảm nhận rõ sự hài hòa của từng thành phần: vị ngọt của thịt, cái tươi của rau, cái mềm của bánh phở. Không chỉ ngon miệng, phở cuốn còn đẹp mắt, tinh tế, mang đến cảm giác thanh lịch rất riêng.

Trong khi đó, bún chả lại mang đến một sắc thái khác, đậm đà mà vẫn đủ nhẹ nhàng để chinh phục vị giác ngày hè. Những miếng thịt nướng trên than hoa tỏa hương thơm quyến rũ, hòa cùng bát nước chấm ấm nóng, chua ngọt vừa phải, thêm chút cay nồng của ớt như đánh thức mọi giác quan. Nhưng điều làm nên “linh hồn” của bún chả mùa hè chính

là đĩa rau sống phong phú: xà lách, kinh giới, tía tô, húng... tất cả đều tươi non, xanh mướt. Khi ăn, từng sợi bún trắng tinh được chấm vào nước mắm, ăn kèm thịt nướng và rau sống tạo nên sự cân bằng hoàn hảo. Cái béo của thịt được trung hòa bởi rau, cái nóng được xoa dịu bởi vị tươi mát, khiến bữa ăn trở nên dễ chịu và đầy hứng khởi.

Có thể thấy, điểm chung của những món ăn mùa hè không nằm ở sự cầu kỳ mà ở cách chúng “đối thoại” với thời tiết. Đó là sự tiết chế dầu mỡ, ưu tiên nguyên liệu tươi, tăng cường vị chua thanh, giòn mát để giúp cơ thể giải nhiệt. Nhưng sâu xa hơn, mỗi món ăn còn là một lát cắt văn hóa, phản ánh cách người Việt thích nghi với thiên nhiên và nâng niu từng khoảnh khắc đời sống ■

SỐNG CHẬM

DƯỚI mái hiên lấp lánh nắng xuyên qua tán lá bàng, cô giáo ngồi lại cùng nhóm học trò nhỏ khi tiếng trống tan trường đã vãn từ lâu. Tiếng ve đầu mùa bắt đầu râm rân, không khí của một buổi chiều muộn khiến mọi ồn ã phố thị như lùi xa, chỉ còn lại sự tĩnh tại của không gian sư phạm. Giữa nhịp sống mà mọi thứ đều đòi hỏi sự nhanh chóng, khoảnh khắc cô trò ngồi lại bên nhau thế này bỗng trở thành một khoảng lùi quý giá.

Một cậu học trò lớp 8 ngược đời mắt đầy vẻ ưu tư lên hỏi: “Cô ơi, con vừa đọc lại mấy đoạn trong Vân đài loại ngữ. Tại sao ở thời đại mà người ta chỉ lo thi cử đỗ đạt, cụ Lê Quý Đôn lại

có thể dành cả cuộc đời để ghi chép tỉ mỉ từ cách trồng cây đến quy luật của các vì sao như vậy ạ? Phải chăng cụ không vội vã như chúng con bây giờ?”

Cô giáo mỉm cười, khẽ chạm tay vào trang sách cũ trên bàn rồi ôn tồn giải thích: Câu hỏi của con rất hay. Đó chính là sự khác biệt giữa học rộng và học sâu. Cụ không chỉ học để đi thi, cụ học để thấu hiểu thế giới. Sự uyên bác ấy không đến từ những gì chớp nhoáng, mà đến từ một tâm thế sống biết dừng lại để quan sát và bình phẩm trước thời cuộc.

Cô giáo kể cho các em nghe về “túi khôn của thời đại” - người thầy của sự kiên nhẫn. Trên những cung đường kinh lý biên viễn, cụ Lê Quý Đôn chưa từng lướt qua điều gì vội vã. Cụ chọn cách sống chậm để lắng nghe từng câu chuyện dân gian, quan sát từng nhánh cây ngọn cỏ để chất lọc thành kho tàng trí tuệ bền bỉ cùng thời gian. Dưới mái trường mang tên danh nhân, tri thức không chỉ là những con số hay bảng điểm vội vã. Nhà trường mong mỗi học trò biết lắng lại để thấu hiểu bản chất thay vì ghi nhớ bề nổi. Đó là hành trình nuôi dưỡng sự tò mò vô tận và trân trọng những giá trị cốt lõi giữa dòng chảy hiện đại hời hợt.

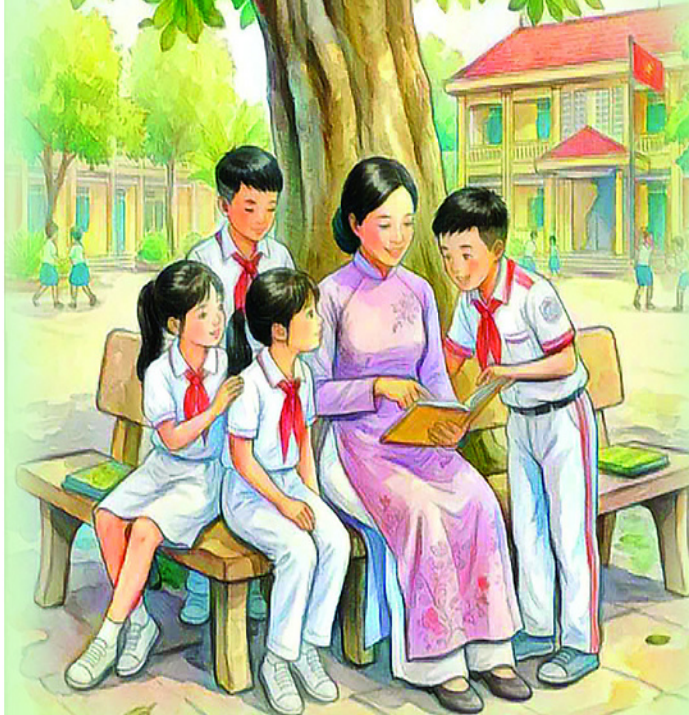
Nghe đến đó, cô bé lớp 9 ngồi bên cạnh khẽ tiếp lời: Vậy là, mỗi khi bước vào cổng trường, chúng con không chỉ đi học, mà là đang tiếp nối hành trình quan sát thế giới của cụ bằng sự kiên nhẫn, phải không cô?

Cô giáo gật đầu xác nhận: Đúng vậy, và hành trình đó cần một nhịp bước thong dong. Không có một hạt mầm tri thức nào có thể lớn nhanh sau một đêm, nó cần thời gian để cắm rễ thật sâu vào lòng đất trước khi vươn mình tới nắng mai. Giữa một thế giới vận động quá nhanh, ta chọn nhịp bước chậm không phải để dừng lại, mà để có đủ thời gian ‘nhâm nhi’ từng bài học, để tinh hoa của tiền nhân thực sự thấm vào máu thịt, trở thành bản lĩnh của riêng mình.

Khi bóng chiều đã ngả dài trên sân trường, cô giáo nhìn các em thu dọn sách vở ra về với bước chân thong thả, không còn vẻ hối hả thường nhật. Cái tên Lê Quý Đôn giờ đây không chỉ là một biển tên, mà là một lời nhắc nhở nhẹ nhàng: Hãy cứ bình tĩnh mà đi, sâu sắc mà cảm nhận. Bởi những gì thực sự giá trị và uyên thâm đều cần một khoảng lùi, một nhịp thở chậm để định hình và tỏa sáng bền bỉ theo thời gian ■

Mạch ngầm dưới tán lá bàng

■ HOÀNG ANH



Minh họa: DUY QUANG

Sợi dây tâm linh



Người Tày xã Linh Hồ tảo mộ ngày Tết Thanh minh.

■ TUỆ ANH

Tết Thanh minh không chỉ là dịp để thực hiện nghi thức tảo mộ thông thường, mà hiện hữu trong đời sống văn hóa tâm linh người Việt như sợi dây tâm linh kết nối hai thế giới, nuôi dưỡng mạch nguồn giá trị đạo đức, lòng tri ân và khát vọng sống tiếp nối của một dân tộc luôn lấy đạo hiếu làm trọng.

“THANH MINH TRONG TIẾT THÁNG BA”

TỪ xa xưa, Tết Thanh minh đã in sâu, kết tinh thành một phần cốt cách văn hóa của người Việt. Theo vòng tuần hoàn của 24 tiết khí, Thanh minh đến sau tiết Xuân phân, kéo dài trong nhiều ngày, bắt đầu từ ngày 4/4 đến ngày 21/4 (dương lịch), khi những cơn mưa phùn dai dẳng đã dứt, nhường chỗ cho ánh nắng tinh khôi hong khô vạn vật.

Hiếm có thời điểm nào trong năm mà thiên nhiên và con người lại đạt đến sự đồng điệu như tiết trời Thanh minh. “Thanh” là trong trẻo, “Minh” là sáng sủa, Thanh minh là sự chuyển mình của thời tiết, đồng thời gọi mở một trạng thái tinh thần minh triết của con

người. Trên những triền đồi, lộc biếc vươn mình, cỏ non xanh mướt trải dài như một biểu tượng của sự hồi sinh. Đối với đồng bào các dân tộc Tày, Nùng, Dao, La Chí... trong tỉnh, Tết Thanh minh là dịp để con cháu hướng về tổ tiên, cội nguồn. Những ngôi mộ được người nhà dọn dẹp sạch sẽ, vun đắp thêm đất mới, đó là tâm đức của người đang sống đối với người đã khuất, tạo nên một khung cảnh gần gũi, ấm áp tình thân.

Lễ vật cúng mộ thường là những sản vật địa phương, bánh trôi, bánh chay, giấy ngũ sắc, tiền vàng, quần áo giấy, cây nêu... và các loại hoa quả. Tùy phong tục, tập quán của mỗi địa phương, dân tộc mà có sự khác nhau trong lễ vật dâng tảo mộ.

Sáng sớm, khi làn sương còn bàng lảng trên sườn núi, gia đình ông Viên Ngọc Sơn, thôn Nà Vìn, Trùng dòng họ Viên, dân tộc Tày, xã Quán Bạ đã dậy từ lâu, chuẩn bị quần áo chỉnh tề, mâm lễ đầy đủ, cùng nhau đi tảo mộ. Hương trầm lan tỏa trong gió, quyện với mùi cỏ non trong không gian linh thiêng. Ông Viên chia sẻ: “Với dân



Bánh trôi, bánh chay một trong những món ăn không thể thiếu trong Tết Thanh minh.



Vào dịp Tết Thanh minh, dân tộc Tày tại thôn Làng Chang, xã Yên Nguyên chuẩn bị cây nêu cắm trên các phần mộ

tộc Tày ở xã Quán Bạ, Tết Thanh minh là ngày lễ rất quan trọng. Con cháu sum vầy dâng hương tưởng nhớ tổ tiên, sửa sang, dọn dẹp phần mộ. Mâm lễ có xôi, gà, đầu lợn, những sản vật địa phương, giản dị nhưng thể hiện tấm lòng của con cháu”.

Tết Thanh minh là một hình thức “đối thoại tâm linh” đặc thù. Khi đứng trước phần mộ tổ tiên, con người tự khắc rũ bỏ những ồn ào, sân si của đời sống thường nhật để trở về với nguồn cội. PGS.TS Trần Hữu Sơn, nguyên Phó Chủ tịch Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam nhận định: “Ngoài việc tảo mộ, Tết Thanh minh đã trở thành một nét văn hóa được cộng đồng tiếp nhận và duy trì như một phần ký ức sống”.

MẠCH NGUỒN CHẢY MÁI

Trong văn hóa các dân tộc Việt Nam, đạo hiếu không chỉ dừng lại ở cách ứng xử trong phạm vi gia đình, mà đã trở thành gốc rễ của đạo làm người, một chuẩn mực bền vững chi phối cách con người sống, lựa chọn và gìn giữ các mối quan hệ. Chữ hiếu vì thế không tồn tại như một khái niệm trừu tượng, mà hiện diện trong từng hành vi cụ thể, từ sự kính trọng cha mẹ khi còn sống đến việc tưởng nhớ tổ tiên khi đã khuất. Nó vừa là nền tảng của gia đình, vừa là thước đo của đạo đức xã hội. Tết Thanh minh chính là biểu hiện sâu sắc và trọn vẹn của đạo hiếu.

Từ nhiều năm nay, dù công việc ở Hà Nội bận rộn, anh Lý Văn Nam, quê xã Linh Hồ, vẫn đều đặn đưa vợ con về quê mỗi dịp Thanh minh. Với anh, đây không phải là một chuyến trở về mang tính thủ tục, mà là một phần không thể thiếu của đời sống tinh thần. Anh chia sẻ: “Con chim có tổ, người có tông. Đến dịp này, dù mỗi người làm ăn một nơi, cả gia đình tôi đều trở về, cùng đi tảo mộ, dâng hương, cầu mong bình an. Quan trọng hơn, đây cũng là dịp để các con hiểu về nguồn cội, học cách sống hiếu nghĩa trong gia đình”. Những chuyến trở về như thế, dù lặng lẽ, nhưng lại là những “nhịp đập” giữ cho huyết mạch văn hóa được lưu thông qua các thế hệ.

Chuyên gia phong thủy Nguyễn Song Hà phân tích: “Giá trị cốt lõi của Thanh minh không nằm ở mâm cao cỗ đầy, mà ở sự tri ân. Đó là sợi dây neo giữ cho đạo đức xã hội không bị bào mòn bởi nhịp sống hối hả hiện đại. Sợi dây tâm linh này không chỉ hướng về quá khứ, mà chính là mạch sống tiếp nối cho tương lai”.

Một khía cạnh nhân văn sâu sắc khác của Tết Thanh minh chính là khả năng “hàn gắn và hóa giải”. Cũng chính trong không gian tĩnh lặng nơi nghĩa trang ấy, khi đứng trước ranh giới mong manh giữa sinh và tử, cái tôi cá nhân thường trở nên nhỏ bé. Những toan tính, bon chen hay những rạn nứt âm ỉ trong gia đình, dòng họ dường như lùi xa, nhường chỗ cho sự bao dung và thấu hiểu. Thanh minh vì thế còn là dịp để “thanh lọc” tâm hồn, làm sạch những tạp chất trong các mối quan hệ gia tộc.

Qua hàng thế kỷ, phong tục này đã chứng minh sức sống bền bỉ khi chạm vào tầng sâu của tâm hồn người Việt là chữ hiếu và lòng biết ơn. Trong bối cảnh xã hội hiện đại, khi con người dễ bị cuốn vào những giá trị ảo, Tết Thanh minh như một lời nhắc nhở về sự hiện hữu của mạch nguồn sự sống, của đạo đức xã hội, nuôi dưỡng lòng tự hào dân tộc và chuyển tải khát vọng sống tốt đẹp cho mai sau ■



TẠP BÚT

Bàn tay mẹ ■ GIA HÂN

TRONG ký ức của mỗi đứa trẻ, bàn tay mẹ có lẽ là hình ảnh kỳ diệu nhất. Đó không chỉ là bàn tay vỗ về giấc ngủ, chăm chút từng bữa ăn, mà còn lặng lẽ nối dài sợi dây truyền thống, dắt dìu con cháu tìm về với gốc gác, tổ tông. Khi tiết trời chuyển sang sắc xuân muộn, những cơn mưa bụi giăng mắc trên những nhánh xoan tím cũng là lúc mẹ nhắc các con về một ngày lễ thiêng liêng: Tiết Thanh minh.

Với mẹ, Thanh minh không chỉ là một nghi lễ trong cuốn lịch vạn niên, mà là cuộc hành trình trở về bằng cả trái tim. Tôi nhớ mãi hình ảnh mẹ tảo tần chuẩn bị từ nhiều ngày trước đó. Mẹ bảo: “Con người có tổ có tông, như cây có cội, như sông có nguồn”. Câu nói ấy, mẹ không chỉ nói bằng lời, mà gửi gắm qua từng cử chỉ của đôi bàn tay rấm nắng, tảo tần.

Sáng sớm ngày Thanh minh, khi sương còn đọng trên lá cỏ, mẹ đã đánh thức anh em tôi dậy để cùng lên nghĩa trang gia tộc. Nhìn dáng mẹ nhỏ bé giữa cánh đồng, đôi bàn tay gầy guộc cần trọng nhỏ từng bụi cỏ dại, vun lại nắm đất cho bằng phẳng, tôi chợt hiểu thế nào là lòng hiếu nghĩa. Mẹ dạy con cách cắm nén hương sao cho thẳng, cách nghiêng mình thành kính trước mộ phần ông bà. Những cử chỉ ấy không chút cầu kỳ, phô trương nhưng lại chứa đựng một sức mạnh tinh thần to lớn. Đó là sự kết nối âm thầm giữa người đi trước và người ở lại, là bài học đầu đời về lòng biết ơn mà không sách vở nào dạy hết được.

Nhưng có lẽ, món quà tinh túy nhất từ bàn tay mẹ chính là mâm lễ thành tâm dâng cúng tổ tiên. Đôi bàn tay mẹ nhào bột, nặn từng viên bánh trôi, bánh chay trắng ngần, tròn trịa. Mẹ bảo, sự tỉ mỉ trong từng món ăn chính là thước đo của lòng thành. Khi làn khói hương trầm quyện lấy mùi thơm dịu nhẹ của đĩa bánh, tôi cảm nhận được một sự ấm áp lạ kỳ. Mâm cơm ấy không chỉ là phong tục, mà là nhịp cầu hữu hình để những đứa trẻ như tôi chạm vào ký ức của tiền nhân thông qua vị giác và khứu giác.

Đi qua những mùa Thanh minh, tôi nhận ra món quà lớn nhất mẹ trao cho các con không phải là vật chất, mà là một điểm tựa tâm hồn. Giữa dòng đời hối hả, khi những giá trị hiện đại dễ làm con người ta lạc lối, chính cái “gốc” mà mẹ dày công vun xới đã giữ cho chúng tôi sự định vị về bản thân. Biết mình từ đâu tới, mang trong mình dòng máu của ai, ta mới có đủ can đảm để bước tiếp. Sự trân trọng nguồn cội không còn là một khái niệm trừu tượng, nó nằm gọn trong cách mẹ nâng niu nén hương, cách mẹ nhắc tên từng người quá cố bằng giọng thành kính và trù mến.

Sợi dây truyền thống gia đình cứ thế nối dài, âm thầm và bền bỉ qua hình ảnh “truyền lửa” giữa các thế hệ. Trên nắm mộ tổ tiên, khi đôi bàn tay già nua của mẹ đặt lên đôi bàn tay măng tở của cháu con, đó là lúc dòng chảy văn hóa được tiếp nối. Mẹ không dạy chúng tôi giáo điều, mẹ chỉ cho chúng tôi thấy rằng: tổ tiên không ở đâu xa, họ sống trong chính cách chúng ta gìn giữ nếp nhà và sự tử tế mà mẹ đã gieo trồng hôm nay.

Thanh minh năm nay, đứng trước mộ phần tiền nhân, tôi nhìn thấy sự tuần hoàn của đời người qua bóng dáng mẹ. Mẹ chính là người giữ nhịp cho bản nhạc truyền thống, để những đứa con dù bay cao, bay xa đến đâu, vẫn luôn có một “mỏ neo” nguồn cội để quay về. Bài học từ bàn tay mẹ, vì thế, trở thành gia sản quý giá nhất, giúp chúng con hiểu rằng: khi lòng biết ơn đủ sâu, con người sẽ không bao giờ cô độc giữa cuộc đời rộng lớn ■



Khoảnh khắc bình yên trong mỗi gia đình bên bữa cơm sum họp.

Bữa gia đình

Khi chiều xuống, mỗi mái nhà lại sáng lên hơi ấm của bữa cơm sum họp. Bữa cơm gia đình ấm áp bởi tiếng nói cười, ánh mắt quan tâm và những câu chuyện sau một ngày dài. Trong nhịp sống hối hả, đó càng là sợi dây gắn kết các thành viên, nơi những bài học làm người được nuôi dưỡng bằng yêu thương và sự tinh tế.



Mâm cơm gia đình gắn kết các thành viên.

NƠI BẮT ĐẦU VÀ TRỞ VỀ

NGUỜI Việt từ bao đời đã coi bữa cơm gia đình là bữa ăn thường nhật, nơi kết tụ yêu thương và gìn giữ nếp nhà. Bữa cơm vì thế còn là nơi bắt đầu của kỷ ức và để mỗi người quay trở về sau mọi hành trình. Trong dòng chảy hối hả của cuộc sống hiện đại, mỗi người lớn lên, rời xa mái nhà, đi đến những vùng đất mới, nhưng hình ảnh mâm cơm sum họp với những món ăn quen thuộc của mẹ vẫn luôn hiện diện trong tâm trí.

Ở nhiều gia đình, dù bận rộn đến đâu, các thành viên vẫn cố gắng thu xếp để ăn cùng nhau ít nhất một bữa trong ngày. Đó là lúc cha mẹ hỏi han con cái chuyện học hành, là khi những lo toan, áp lực được sẻ chia một cách tự nhiên nhất. Những câu chuyện bên mâm cơm, tưởng nhỏ bé nhưng lại là sợi dây vô hình gắn kết các thành viên.

Với anh Đỗ Quang Hưng, cán bộ Công an tỉnh, dù công việc bận rộn, gia đình 4 người duy trì thói quen ăn cơm cùng nhau mỗi ngày. Anh Hưng chia sẻ: “Có hôm đi làm về muộn, tôi vẫn cố gắng về nhà ăn cơm với vợ con. Đi làm cả ngày, bên mâm cơm, nghe con kể chuyện là thấy hết mệt mỏi. Bữa cơm không cần cầu kỳ, chỉ vài món giản dị nhưng phải đủ các thành viên. Cả gia đình cùng chuẩn bị bữa ăn, các con phụ giúp dọn mâm, không khí gia đình lại ấm cúng lạ thường”.

Chỉ khi rời xa quê hương, nhiều người mới thấm thía hết giá trị của những phút giây sum họp. Những ngày cuối tháng 4 ở Canada, trời vẫn lạnh, không gian se sắt càng khiến Bùi Thị Ngọc Lan, quê Tuyên Quang nhớ bữa cơm gia đình nơi quê nhà thêm da diết. Xa quê gần nửa vòng trái đất, Lan hiện là du học sinh Đại học Phenikaa, điều khiến em nhớ nhất vẫn là bữa cơm với bố mẹ và chị gái.

cơm

yêu thương

■ QUỲNH CHÂU

“Nhiều lúc em thấy nhớ da diết mâm cơm của mẹ, những món ăn giản dị, bát canh rau, đĩa cá kho và cơm nóng giòn trở thành ký ức nơi xứ người. Có những tối, em gọi video về nhà đúng giờ cơm để cảm nhận không khí quen thuộc từ bên kia màn hình”- Lan chia sẻ. Bữa cơm gia đình vì thế không chỉ là nơi bắt nguồn của yêu thương, mà còn là điểm tựa để mỗi người, dù đi đâu, vẫn luôn mong mỏi trở về.

NUÔI DƯỠNG NHÂN CÁCH, GẮN KẾT CÁC THẾ HỆ

Trong nhịp sống thường nhật, từng lời nói, cử chỉ bên mâm cơm tưởng chừng rất nhỏ lại âm thầm hình thành nên nhân cách, nếp sống và cách ứng xử của mỗi thành viên. Không gian quanh mâm cơm cũng là “chất keo” gắn kết các thế hệ. Ông bà kể chuyện xưa, cha mẹ chia sẻ kinh nghiệm sống, con trẻ kể những câu chuyện ở trường lớp, tất cả hòa vào nhau một cách tự nhiên.

Ở đó, những lỗi lầm được bao dung, những căng thẳng được hóa giải. Mẹ thường nói: “Có chuyện gì thì cứ ăn xong bát cơm đã, mọi thứ rồi sẽ ổn”. Kỳ diệu thay, hơi ấm từ bát canh cua đồng, vị mặn mòi của bát cà pháo lại có sức mạnh gắn kết kỳ lạ, giúp những mâu thuẫn vốn dĩ to tát bỗng chốc trở nên nhẹ nhàng. Không đơn thuần là nhu cầu thường nhật, bữa cơm còn là “lớp học đặc biệt” nơi những bài học làm người đầu tiên được trao truyền qua từng bát cơm, đôi đũa.

Cùng vào bếp giúp tình cảm gia đình thêm khăng khít.

Ông Phạm Đình Diệm, 79 tuổi, trú tại xã Yên Sơn chia sẻ rằng, bữa cơm gia đình là nơi dạy con cháu cách làm người từ những điều nhỏ nhất. Từ việc mời cơm cũng là bài học, trẻ con biết được sự lễ phép, biết kính trên nhường dưới, biết trân trọng công sức của người lớn. Rồi đến cách cầm đũa, cách gấp thức ăn, nhìn vào là biết đứa trẻ có được uốn nắn hay không. Trong không gian của mâm cơm, mỗi người cũng học cách tiết chế cái tôi, biết quan tâm đến người khác.

KẾT NỐI YÊU THƯƠNG TRONG THỜI ĐẠI SỐ

Cùng với nhịp sống ngày càng hối hả, áp lực công việc, không ít gia đình đang đối diện với thực tế bữa cơm chung ngày càng thưa vắng. Người lớn bận rộn công việc, con cái học thêm, sinh hoạt lệch giờ khiến việc ăn cùng nhau trở nên hiếm hoi.

Gia đình chị Nguyễn Thị Hạnh, phường Hà Giang 2, bữa cơm hiếm khi có đủ các thành viên. Chồng chị thường xuyên đi công tác xa, 2 con đang học THCS lại học thêm buổi tối nên giờ giấc sinh hoạt không trùng nhau. Chị thường xuyên ăn cơm một mình, các con về muộn ăn sau, cuối tuần may ra mới đông đủ. Sự thiếu vắng những bữa cơm chung khiến không khí gia đình phần nào thiếu kết nối hơn.

Sự phát triển của công nghệ và mạng xã hội đang làm thay đổi rõ rệt thói quen sinh hoạt của nhiều gia đình. Không khó để bắt gặp hình ảnh mỗi người một góc, một thiết bị điện tử, bữa cơm diễn ra vội vàng, thiếu đi sự tương tác. Tuy nhiên, dù công nghệ phát triển, giá trị cốt lõi của bữa cơm gia đình vẫn không thể thay thế bằng những “icon” cảm xúc hay những cuộc gọi video. Nhiều gia đình đã chủ động gìn giữ bữa cơm chung bằng những quy ước nhỏ như tắt điện thoại khi ăn, duy trì ăn cơm cùng nhau mỗi ngày hay cùng vào bếp nấu nướng. Giữa dòng chảy của thời đại số, có lẽ bữa cơm gia đình không mất đi mà đang được định nghĩa lại theo cách phù hợp hơn nhưng vẫn giữ cốt lõi kết nối và sẻ chia.

Bữa cơm gia đình có thể giản dị hơn, có thể đổi thay theo nhịp sống, nhưng giá trị thì không đổi. Bởi đó vẫn là nơi giữ lại yêu thương, nơi mỗi người được lắng nghe và luôn có một chốn để trở về ■



Người cao tuổi tập làm... Gen Z

■ MINH SƠN

Cuộc xâm nhập toàn diện của cách mạng 4.0 đã khiến Internet len lỏi vào từng ngõ ngách cuộc sống, điện thoại thông minh thành vật bất ly thân. Trong dòng chảy ấy, không chỉ có giới trẻ là chủ nhân mà người già cũng đang hòa mình vào nhịp sống số để chạm vào màn hình, học cách gọi video, mua sắm trực tuyến, bán hàng online, thậm chí cả sáng tạo nội dung số.

“Thế giới phẳng” gõ cửa tuổi già

MỖI tối thứ bảy, căn nhà nhỏ của bà Trần Thị Nguyệt (74 tuổi, phường Minh Xuân) lại rộn ràng hơn thường lệ. Trên màn hình điện thoại, khuôn mặt người cháu trai ở Nhật Bản hiện lên rõ nét. Hai bà cháu trò chuyện, cười nói như thể khoảng cách địa lý không còn tồn tại.

Ít ai biết rằng, cách đây vài năm, chiếc điện thoại thông minh từng là vật “vô tri” với bà Nguyệt. Bà kể: “Lúc mới dùng rắc rối lắm, bấm tiến, bấm lùi, gọi đi thì có khi mất sóng, màn hình đơ mà không biết làm sao, tôi nhất quyết không dùng, bảo các con mua điện thoại thường, chỉ cần nghe gọi là được. Nhưng con gái tôi bắt mẹ phải học, để gọi video. Giờ thì quen rồi, gọi điện, nhắn tin, thỉnh thoảng tôi còn đặt hàng trên mạng nữa”.

Ở nhiều khu dân cư, hình ảnh người cao tuổi sử dụng smartphone đã trở nên quen thuộc. Bà Nguyễn Thị Tâm, 76 tuổi, tổ dân phố 5, phường Hà Giang 1 được hàng xóm gọi vui là “khách quen của shipper”. Bà Tâm cười: “Cái điện thoại giờ như cái siêu thị, cái gì cũng có, tôi đặt đủ thứ, từ đồ gia dụng đến thực phẩm. Tiền thì chuyển khoản, nhanh mà tiện, họ giao tận nhà. Camera nhà tôi cũng cài hết vào đây, đi lễ hay đi chơi xa vẫn trông được nhà cửa”. Không chỉ dừng lại ở mua sắm, công nghệ còn giúp người già mở rộng không gian sống; một chiếc điện thoại nhỏ có thể trở thành phương tiện kết nối, giải trí, thậm chí là công cụ quản lý cuộc sống.

Sự thích nghi của người già đôi khi còn vượt xa mức độ người dùng thông thường để chạm tới ngưỡng người truyền cảm hứng. Tại Thái Nguyên, ông Lưu Văn Toàn (U90) bỗng chốc trở thành hiện tượng mạng xã hội khi những đoạn clip ngắn ghi lại khoảnh khắc đời thường giản dị, sự minh mẫn và



Bà Tạ Thị Nhung, hơn 60 tuổi, phường Hà Giang 2 vẫn Livestream bán hàng nông sản mỗi ngày.

hóm hỉnh của ông được đăng tải đã thu hút hàng trăm nghìn lượt xem trên TikTok.

Tại Làng chuyển đổi số Lâm Bình, việc người cao tuổi cầm gimbal, điện thoại để livestream hay quay clip ngắn đã trở thành hình ảnh quen thuộc. Anh Đàm Văn Cảnh, Phó Phòng Văn hóa xã Lâm Bình cho biết: “Trên địa bàn hiện có một số người cao tuổi sở hữu các kênh Facebook, TikTok, Youtube riêng, không chỉ để giải trí mà còn mang lại nguồn thu nhập ổn định từ việc giới thiệu nông sản hay văn hóa địa phương. Công nghệ, từ một rào cản, đã trở thành cây cầu nối đưa người già ra với thế giới bao la”.

Thực tế cho thấy, người cao tuổi Việt Nam đang dần bước vào thế giới số với tốc độ nhanh hơn nhiều so với trước. Theo các nghiên cứu gần đây, hơn 72% người cao tuổi sử dụng Internet hằng ngày; 94% dùng để liên lạc với người thân, gần 80% để giải trí và hơn 77% để tìm kiếm thông tin. Đáng chú ý, đã có hơn 40% từng sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Điều này cho thấy người cao tuổi có nhu cầu được kết nối, được hòa nhập, không bị bỏ lại phía sau.

Những tiện ích công nghệ có thể hỗ trợ của người cao tuổi trên nhiều phương diện khác nhau, từ việc cải thiện chất lượng các mối quan hệ trong cuộc sống thông qua việc nhắn tin, gọi



Người lớn tuổi ở vùng cao được đoàn viên thanh niên hướng dẫn kỹ năng sử dụng công nghệ số.

điện hiệu quả cho đến tiếp cận thông tin y tế, chăm sóc sức khỏe.

Tuy vậy, với nhiều người già, việc tiếp cận công nghệ không hề dễ dàng. Những thao tác tưởng như đơn giản như tạo tài khoản, nhập mật khẩu, xác thực OTP... trở thành rào cản; không ít người lúng túng, bỏ cuộc. Bên cạnh đó, khi chưa được trang bị đầy đủ kỹ năng, người cao tuổi dễ trở thành đối tượng của các chiêu trò lừa đảo trên mạng. Sự thiếu hụt kiến thức số không chỉ khiến họ bị hạn chế trong tiếp cận dịch vụ, mà còn tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Thu hẹp khoảng cách thế hệ

Gần đây, lớp học “Ông bà lên TikTok” do dự án Công dân số bạc triển khai đã thu hút sự quan tâm đặc biệt. Tại đây, những học viên ngoài 60, 70 tuổi được hướng dẫn từ những bước cơ bản nhất như: Quay video, ghép nhạc, thêm hiệu ứng, đăng tải nội dung, thậm chí livestream. Nhiều người lần đầu tiên tự quay một đoạn video ngắn, kể lại câu chuyện đời mình, chia sẻ nghề truyền thống hay đơn giản là ghi lại một khoảnh khắc thường ngày để đăng tải lên trang cá nhân. Theo Thạc sĩ Phan Bảo Thy, người sáng lập dự án, mục tiêu không chỉ là dạy kỹ năng công nghệ, mà còn giúp người cao tuổi giảm cảm giác cô đơn, tự tin thể hiện bản thân và kết nối với xã hội.

Việt Nam đặt mục tiêu trở thành quốc gia số vào năm 2030, trong đó mọi công dân, không phân biệt độ tuổi, đều có khả năng tiếp cận, sử dụng công nghệ số một cách chủ động và an toàn. Ở nhiều địa phương trong tỉnh, các lớp tập huấn chuyển đổi số, mô hình “gia đình số”, “câu lạc bộ công dân số”, “binh dân học vụ số”, “tổ công nghệ số cộng đồng” đang từng bước lan tỏa kỹ năng số đến cộng đồng; trong đó người già nếu được tiếp cận và hướng dẫn kỹ năng, hoàn toàn có thể làm chủ không gian số.

Theo chuyên gia tâm lý Nguyễn Thị Phương Trang, Smartphone mở ra thế giới mới cho người già, nhưng cũng tiềm ẩn rủi ro về tin giả và lừa đảo mạng. Con cháu cần là những người dẫn đường kiên nhẫn nhất, không chỉ dạy cách dùng máy mà còn phải trang bị cho ông bà ‘bộ lọc’ thông tin để an toàn trên không gian ảo.

Khoảng cách địa lý được xóa nhòa chỉ bằng một cái chạm tay; và khoảng cách thế hệ cũng đang dần thu hẹp khi ông bà tập làm..Gen Z. Đây không chỉ là câu chuyện công nghệ mà là sự thích ứng của công dân số trong xã hội đang chuyển động không ngừng, tạo cảm hứng mạnh mẽ trong kỷ nguyên số ■

LẮNG NGHE CUỘC SỐNG

Giai điệu của tâm hồn

■ BẢO CHI

TRONG guồng quay hối hả của cuộc đời, có bao giờ bạn dừng lại để lắng nghe một loại thanh âm rất khác: tiếng vọng từ những hành lang bệnh viện, nơi những cơn đau đang hiện hữu nhưng nghị lực cũng đang âm thầm nảy mầm? Lắng nghe cuộc sống đôi khi không phải là tìm đến những nơi rực rỡ sắc màu, mà là đứng lại bên cạnh những người đang đối mặt với lần ranh sinh tử để nghe tiếng lòng họ cất lời.

Lắng nghe người bệnh không chỉ đơn thuần là nghe về những cơn đau nhức cơ thể hay những chẩn đoán lâm sàng khô khốc. Đó là việc tiếp nhận một bản hòa tấu của tâm hồn với đủ mọi cung bậc cảm xúc: từ tiếng thở dài trĩu nặng của sự mệt mỏi, đến những khoảng lặng đầy ưu tư về gánh nặng gia đình trên vai. Nhưng nếu ta đủ kiên nhẫn và bao dung, sau những lớp sương mù của bệnh tật, ta sẽ nghe thấy những tiếng lòng đầy rung động. Đó là lời tự sự của một người cha đang cố gắng chiến đấu từng ngày chỉ để được nhìn thấy con trưởng thành, hay mong ước giản đơn của một người mẹ chỉ muốn một lần nữa được tự tay đứng trong căn bếp nhỏ.

Nhiều người lầm tưởng rằng nơi bệnh viện chỉ có màu xám của lo âu và mùi thuốc sát trùng lạnh lẽo. Thế nhưng, giữa những nốt trầm mặc cảm ấy, ta vẫn bắt gặp những “nốt xanh” hy vọng rực rỡ đến lạ thường. Đó là tiếng cười giòn tan của hai bệnh nhân xa lạ bỗng hóa người thân, cùng chia nhau bát cháo nóng và kể nhau nghe chuyện đời để quên đi kim truyền đang cắm trên tay. Đó là cái nắm tay run rẩy nhưng đầy ấm áp dành cho người điều dưỡng, hay ánh mắt lấp lánh khi đón nhận một nhành hoa sớm mai bên cửa sổ. Thậm chí, thanh âm đều đặn của những bước chân tập phục hồi chức năng cũng chính là một lời khẳng định đầy kiên hãn: “Tôi vẫn đang sống, và tôi sẽ không bỏ cuộc.” Những âm thanh ấy nhắc nhở chúng ta rằng hạnh phúc không phải là khi cuộc sống hoàn hảo, mà là khi ta tìm thấy vẻ đẹp ngay trong những đổ vỡ.

Những nốt xanh từ họ không chỉ làm dịu đi nỗi đau của chính họ, mà còn là liều thuốc chữa lành cho tâm hồn chúng ta, những người đôi khi vì quá bận rộn mà quên mất cách trân trọng hơi thở của hiện tại. Bệnh tật có thể hạn chế cơ thể, nhưng không bao giờ có thể giam cầm được giai điệu của tâm hồn. Hãy để cuộc sống là một bản nhạc đầy đủ sắc màu, nơi những nốt trầm không làm bản nhạc dừng lại, mà chỉ làm cho những nốt xanh thêm phần rực rỡ và sâu sắc hơn ■

Kể chuyện LỊCH SỬ BẰNG CÔNG NGHỆ SỐ

■ PHẠM HOAN

KHÔNG CÒN LÀ NHỮNG TRANG SÁCH DÀY ĐẶC SỰ KIỆN VÀ CON SỐ, LỊCH SỬ HÔM NAY ĐANG ĐƯỢC TIẾP CẬN BẰNG NHIỀU CÁCH THỨC MỚI - TRỰC QUAN, SINH ĐỘNG VÀ GẦN GŨI HƠN QUA CÁC NỀN TẢNG SỐ. NHỜ CÔNG NGHỆ, QUÁ KHỨ ĐANG “BƯỚC RA” KHỎI SỰ TĨNH LẶNG VỐN CÓ VÀ CHẠM TỚI HIỆN TẠI MỘT CÁCH SỐNG ĐỘNG HƠN.



Tư liệu lịch sử được số hóa, tích hợp tại Bảo tàng Hà Giang.

Người trẻ kể lịch sử bằng ngôn ngữ số

CHIẾC điện thoại đặt trên giá đỡ hướng về phía những người cựu chiến binh đã ngoài 70 tuổi. Trước ống kính, những ký ức về một thời lửa đạn dần hiện lên qua lời kể, từ những ngày tham gia trinh sát trong Chiến dịch Tây Nguyên tháng 4/1975 của ông Đỗ Xuân Ngo, đến những trận đánh ác liệt trên tuyến Đường 9 - Khe Sanh qua hồi ức của cựu chiến binh Nguyễn Đình Bằng. Không còn là những trang ghi chép, lát cắt lịch sử được tái hiện bằng công nghệ qua cách làm của Đoàn xã Tân Thanh.

Anh Nguyễn Văn Hiệp, Bí thư Đoàn xã vừa theo dõi khung hình, vừa gợi mở để nhân chứng tiếp tục câu chuyện. “Nghe các bác kể, chúng tôi như được sống lại trong không khí chiến trường năm xưa. Từ những câu chuyện của nhân chứng lịch sử, Đoàn xã đã xây dựng gần 20 clip và đăng tải trên các nền tảng số thu hút lượng tương tác lớn” - anh Hiệp chia sẻ.

Từ những buổi ghi hình như ở Tân Thanh, cách làm này dần được nhân rộng trong toàn tỉnh thông qua Đề án Câu chuyện thời hoa lửa. Đề án được Tỉnh đoàn Tuyên Quang triển khai rộng khắp, duy trì các cuộc gặp gỡ với nhân chứng lịch sử, tạo nguồn tư liệu phong phú phục vụ công tác tuyên truyền. Đến nay, các cơ sở đoàn trong tỉnh xây dựng được gần 600 phóng sự, video ngắn, đăng tải trên nền tảng số, giúp Tuyên Quang đứng trong top 10 các tỉnh, thành đoàn về số lượng sản phẩm thực hiện.

“Thông qua Đề án Câu chuyện thời hoa lửa, ngọn lửa truyền thống đang từng ngày được thắp lên trong đoàn viên, thanh niên. Lịch sử vì thế không còn bó hẹp trong khuôn khổ bài giảng hay trang sách, mà được thể hiện bằng ngôn ngữ của thời đại ngày nay khi người trẻ trở thành chủ thể trong việc lưu giữ ký ức” - Phó Bí thư Tỉnh đoàn Hoàng Thế Hanh khẳng định.

Một sáng sớm tại Nghĩa trang Liệt sĩ Quốc gia Vị Xuyên. Trong không gian tĩnh lặng, xen lẫn âm thanh quen thuộc của thiết bị ghi hình, Đào Văn Thuận, một nhiếp ảnh gia trẻ sinh năm 1994 cúi thấp người, điều chỉnh góc máy về phía những hàng mộ trắng tấp đang dần hiện rõ trong ánh sáng ban mai. Không chỉ là sáng tạo đơn thuần, với Thuận, mỗi lần đặt chân



Đoàn xã Tân Thanh thực hiện các clip ghi lại ký ức lịch sử từ nhân chứng.

đến những địa danh như thế này là một lần chạm vào lịch sử theo cách riêng.

Khi flycam cất lên, không gian nghĩa trang mở rộng, những dãy bia trắng nối dài như kể chuyện về một thời gian khổ trong Cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc. Trong các clip của mình, Thuận không chạy theo những khung hình bắt mắt đơn thuần mà ưu tiên lựa chọn các điểm đến gắn với chiều sâu lịch sử, văn hóa. Bằng cách thể hiện sáng tạo của một người trẻ đam mê nghệ thuật, mỗi sản phẩm của anh dựng lại một hành trình, nơi cảnh vật hiện tại đan xen với những lớp ký ức lịch sử, để quá khứ được nhắc nhở và cảm nhận gần gũi, sống động hơn.

Nổi bật, clip “Bạn có chắc đã biết hết Hà Giang” của Thuận khắc họa nhiều điểm đến lịch sử của cực Bắc Tổ quốc đã giành giải Nhì Cuộc thi Ấn tượng Du lịch Việt Nam năm 2025 do Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch trao giải vừa qua. Khi người trẻ như Thuận lựa chọn kể quá khứ bằng ngôn ngữ của công nghệ, những giá trị lịch sử cũng theo đó được lan tỏa một cách tự nhiên, bền bỉ hơn trong đời sống hôm nay.

Di sản “mở rộng” trong không gian số

Đứng trước bảng mã QR tại Khu di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Tân Trào, ông Nguyễn Công Hữu, 65 tuổi trú tại xã Yên Sơn thao tác chạm nhẹ trên điện thoại. Ngay lập tức, những thông tin về khu di tích hiện ra đầy đủ, rõ ràng, kèm theo hình ảnh, tư liệu được số hóa sinh động. Dõi theo màn hình, ông chia sẻ: “Ngày trước, để tìm hiểu về một di tích phải nghe kể nhiều lần mới nhớ. Bây giờ quét mã QR thông tin hiện ra đầy đủ, lại có hình ảnh minh họa kết hợp với tham quan trực tiếp nên rất sinh động”.

Không chỉ tại Tân Trào, việc ứng dụng công nghệ còn đang làm thay đổi cách trải nghiệm di tích lịch sử ở nhiều

nơi. Tại Di tích Căng Bắc Mê, công nghệ tạo ra không gian trưng bày hiện đại, phù hợp với xu thế như hệ thống máy chiếu, máy tính bảng, sách điện tử. Bên cạnh đó, trong không gian phòng chiếu 3D, những thước phim tư liệu tái hiện ký ức về nơi từng giam giữ các chiến sĩ cách mạng đưa người xem trở lại với những tháng ngày gian khổ. Ở đó, lịch sử không còn tĩnh lặng trong hiện vật, mà trở nên sống động, gần gũi hơn với đời sống.

Công nghệ đang làm thay đổi cách con người tiếp cận quá khứ, khi lịch sử không chỉ được nhìn ngắm qua hiện vật hay nghe lại qua lời thuyết minh, mà hiện hữu rõ nét hơn qua những trải nghiệm trực quan, đa chiều trên các nền tảng số. Tại không gian trưng bày của Bảo tàng Hà Giang, trong những thiết kế có chủ ý, tư liệu và hiện vật lịch sử dần “lên tiếng” theo cách riêng, thông qua sự kết nối giữa không gian thực và dữ liệu số.

Trần trở với cách đưa hiện vật đến gần hơn với công chúng, giai đoạn 2023 - 2024, ông Bùi Đức Tân, nguyên Giám đốc Bảo tàng Hà Giang đã cùng các cộng sự từng bước thay đổi cách trưng bày, đưa công nghệ vào không gian bảo tàng, số hóa tư liệu, tích hợp hình ảnh, video và xây dựng hệ thống thuyết minh tự động, màn hình tương tác. Trên nền tảng dữ liệu số được xây dựng, không gian trưng bày được bổ sung công nghệ trình chiếu hiện đại như 3D Mapping, Audio guide với kho dữ liệu chuyên sâu, góp phần tái hiện bối cảnh lịch sử một cách trực quan, sinh động. Hơn 13.000 tài liệu, hiện vật còn được sắp xếp theo tiến trình lịch sử, bổ sung các lớp thông tin số, giúp người xem tiếp cận sâu hơn, tương tác và cảm nhận lịch sử qua những trải nghiệm số ngày càng phong phú.

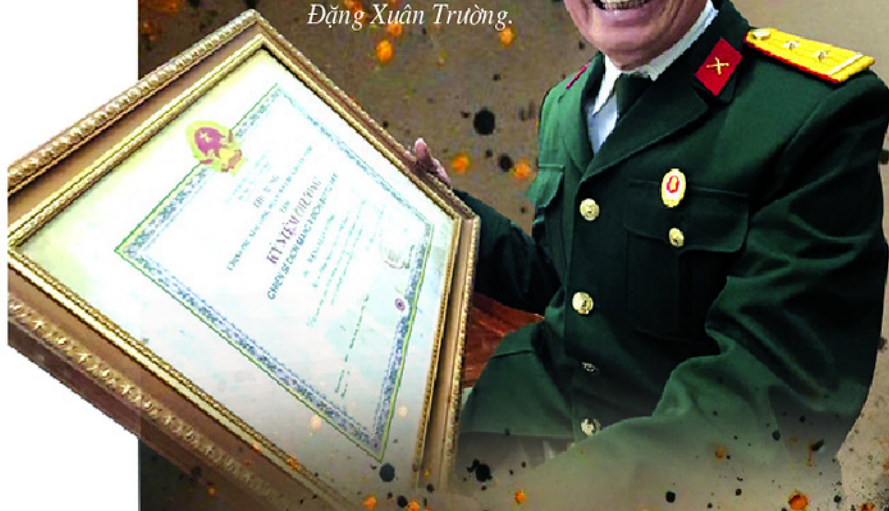
Từ những câu chuyện được ghi lại qua ống kính của người trẻ, đến những cú chạm trên màn hình tại di tích, bảo tàng, lịch sử đang được tiếp cận theo những cách thức mới, gần gũi, trực quan và giàu cảm xúc hơn. Công nghệ, trong hành trình ấy đã và đang góp phần mở rộng không gian lưu giữ và lan tỏa ký ức lịch sử trong đời sống hôm nay ■

KÝ ỨC “địa ngục trần gian”

■ Phóng sự: GIANG LAM

Thời gian có thể phủ bụi nhiều thứ nhưng với những người lính từng bước qua làn ranh sinh tử, ký ức về đạn bom và chôn lao tù vẫn vẹn nguyên như mới hôm qua. Trong nếp nhà binh yên ở tổ dân phố 6, phường Nông Tiến, cựu chiến binh Đặng Xuân Trường trầm ngâm bên chén trà. Gần ba năm đằng đẵng bị đày đọa tại “địa ngục trần gian” Phú Quốc, sức mạnh giúp ông sống sót trở về không chỉ là bản lĩnh thép của bộ đội Cụ Hồ mà còn là tình đồng chí thiêng liêng nơi ngục tối.

Cựu chiến binh Đặng Xuân Trường.



CHIẾN THUẬT "TÔI KHÔNG BIẾT"

NĂM 1968, giữa lúc chiến tranh ác liệt nhất, chàng thanh niên Đặng Xuân Trường mang theo nhiệt huyết thanh xuân khoác ba lô lên đường đi chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Trở thành lính đặc công tình nguyện, ông sát cánh cùng đồng đội vào sinh ra tử trên khắp các chảo lửa từ Quảng Nam, Quảng Ngãi đến Bình Định, Phú Yên. Nhưng trận đánh khiến ông khắc cốt ghi tâm nhất lại là một đêm đẫm máu năm 1970. Ánh mắt chùng xuống, ông Trường bồi ngùi nhớ lại: "Đêm đó, tổ trình sát chúng tôi nhận nhiệm vụ chuẩn bị địa hình để đánh cứ điểm sân bay Chu Lai. Nhưng không may, anh em lọt vào ổ phục kích địch giăng sẵn. Súng nổ chất chứa giữa màn đêm. Tôi tận mắt chứng kiến những đồng đội vừa mới vỗ vai nhau cười nói, lần lượt ngã xuống ngay trước mắt mình. Đau xót lắm!".

Trở lại một mình giữa vòng vây siết chặt, người lính trẻ 22 tuổi nghiêng răng chiến đấu để mở đường máu. "Lúc ấy pháo sáng của địch thả rục cả bầu trời. Chúng ném lựu đạn cay, lựu đạn khói khiến tôi ngất lịm đi. Đến khi tỉnh dậy thì thấy mình đã nằm trong tay giặc", ông kể.

Biết ông là lính đặc công, địch lập tức đưa đi thẩm vấn. Suốt ba tháng ròng rã, những trận đòn thừa sống thiếu chết trút xuống thân thể người lính thương binh trẻ tuổi. Chúng dùng đủ mọi nhục hình tàn độc nhất hòng moi móc thông tin về căn cứ bí mật.

Nhấp ngụm trà, ông Trường khẽ cười, nụ cười của một người đã chiến thắng đòn thù: "Người lính Cụ Hồ đã được rèn luyện bản lĩnh rồi, chúng đánh tàn nhẫn đến



Nguyên Chủ tịch nước Trương Tấn Sang chụp ảnh kỷ niệm cùng Cựu chiến binh Đặng Xuân Trường (thứ 2 từ phải qua trái) và đồng đội tại buổi gặp mặt chiến sỹ cách mạng bị địch bắt tù đầy.

mấy tôi cũng cắn răng chịu. Gặp bọn cai ngục, tôi dùng đúng một chiến thuật, lặp đi lặp lại một câu duy nhất: Tôi mới vào, tôi không biết gì cả. Đánh mãi không khai thác được gì, chúng bất lực, tổng tôi ra Trại giam tù binh Phú Quốc”.

LỬA THỦ VÀNG CHÓN LAO TÙ

Đặt chân đến đảo ngọc, ông Trường mới thực sự nếm trải tận cùng của sự dày dạn. Hệ thống nhà tù Phú Quốc khi ấy giam giữ khoảng 4 vạn tù binh miền Bắc và hàng vạn tù binh miền Nam, bị chia tách thành các khu riêng biệt để dễ bề cai trị. "Vào đó mới thấy đúng là địa ngục trần gian," giọng ông Trường chùng xuống. "Chúng nhốt cả trăm anh em trong những căn phòng chật chội, nóng như thiêu như đốt. Không có màn, không có đồ dùng cá nhân, anh em nằm la liệt trên sạp gỗ, người chỉ mặc mỗi chiếc quần đùi áo cộc. Hàng ngày, chúng thay nhau lôi tù binh ra đánh đập, tra tấn dã man để khủng bố tinh thần, ép ly khai, chiêu hồi”.

Thế nhưng, đòn thù có thể làm rỉ máu thể xác chứ không thể giam cầm được ý chí. Giữa chốn lao tù tăm tối nhất, ông Trường như được tiếp thêm sức mạnh khi hội ngộ những anh em đồng hương Tuyên Quang. Mọi người xích lại gần nhau, nhường nhau từng hạt muối, ngụm nước, động viên nhau giữ vững khí tiết thà chết chứ kiên quyết không phản bội.

Đáng khâm phục hơn, giữa nơi ranh giới sống chết mong manh, ông Trường và đồng đội không để thời gian trôi đi trong tuyệt vọng. Tận dụng bóng tối của phòng giam, họ biến ngục thất thành lớp học. "Mình biết chữ thì dạy cho anh em chưa biết. Không có giấy bút, chúng tôi nhặt nhạnh mẩu than, mảnh gạch vỡ rồi bí mật viết lên nền xi măng lạnh lẽo. Ngày thì chịu đòn roi, đêm đến anh em lại che chắn cho nhau để học chữ", ánh mắt người cựu binh già rực sáng.

Đặc biệt nhất, thứ vũ khí sắc bén giữ vững đội ngũ trong tù chính là các tổ chức Đảng hoạt động ngầm. Ông Trường nhớ lại những quy tắc sinh tử: "Trong đó, chúng tôi vẫn bí mật sinh hoạt Đảng. Cứ ba người đảng tin cậy nhất sẽ kết lại thành một chi bộ. Kẻ thù luôn tìm cách cài cắm tai mắt, lính

trà trộn vào, nên nguyên tắc là tuyệt đối không tin ai vội, không bao giờ được ngồi tùm năm tùm ba bàn bạc. Tổ chức cử ai làm nhiệm vụ gì thì người đó mới được làm, tuyệt đối thâm lặng. Chỉ cần sơ sẩy bị chỉ điểm là nắm chắc cái chết”.

Chính kỷ luật thép và sự bảo vệ lẫn nhau của các đảng viên đã giúp đội hình không bị phá vỡ. Cũng tại nơi đây, ông và các đồng đội đã được tiếp thêm sức mạnh khi biết đến những tấm gương kiên trung của các đồng chí tù chính trị, trong đó có đồng chí Trương Tấn Sang (sinh năm 1949). Tinh thần bất khuất ấy đã trở thành ngọn đuốc soi đường. Nhiều năm sau ngày hòa bình, trong một lần trở lại thăm chiến trường xưa, ông Trường cùng các đồng đội đã vô cùng xúc động khi được hội ngộ và chụp ảnh kỷ niệm cùng vị cựu tù năm xưa - Nguyên Chủ tịch nước Trương Tấn Sang.

CỐNG HIẾN BÀNG TINH THẦN NGƯỜI LÍNH

Ngày 15-3-1973, nhờ Hiệp định Paris, cánh cửa ngục tù cuối cùng cũng mở ra. Ông Trường được trao trả tự do. Về đến Nông Tiến, ông mang dáng vẻ của một người từ cõi chết trở về: thân hình rệu rã, ốm yếu, làn da trắng bệch vì hàng năm trời không thấy ánh mặt trời.

"Nhìn thấy tôi bước vào cổng, mẹ tôi sưng người rồi òa khóc nức lên vì xót xa," ông Trường rơm rớm nước mắt. "Hàng ngày, mẹ lúi cúi dưới bếp, chắt chiu nấu những bát gạo nếp trộn nghệ tươi để tắm bổ. Chính tình thương của mẹ và từng thìa xôi dẻo ngọt ấy đã từ từ gọi sinh khí trở về trong cơ thể tôi”.

Không gục ngã trước thương tật, khi sức khỏe dần ổn định, ông đi học Trường Công đoàn và về cống hiến tại Liên đoàn Lao động tỉnh. Ông cũng bén duyên cùng bà Lan - người vợ hiền lành, tần tảo - và có với nhau hai người con trưởng thành, giỏi giang.

Chiều nay, trong khoảnh khắc nhỏ rớt rã tiếng cười, mái tóc cựu chiến binh Đặng Xuân Trường đã điểm bạc. Nắm lấy bàn tay người vợ hiền, nhìn các cháu chất nỏ đùa, nụ cười của ông rạng rỡ và an yên. Cuộc đời ông như một cây xà cừ cổ thụ, từng bị đạn bom phạt ngang, từng bị dày dạn trong ngục tối, nhưng bằng một sức sống phi thường, rễ cây vẫn bám sâu vào lòng đất mẹ để vươn lên tỏa bóng mát cho đời ■



Cụm tượng đài Khát vọng thống nhất ở bờ nam sông Bến Hải.

Chuyện “ĐẤU LOA” bên sông Bến Hải

■ DUY ANH

ĐẾN QUẢNG TRỊ, CHÚNG TÔI ĐƯỢC NGHE KỂ VỀ CUỘC “ĐẤU LOA” Ở HAI BỜ SÔNG BẾN HẢI NHƯ MỘT TRONG NHỮNG CÂU CHUYỆN ĐẶC BIỆT CỦA LỊCH SỬ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ. Ở ĐÓ, ÂM THANH TRỞ THÀNH VŨ KHÍ, LỜI NÓI TRỞ THÀNH SỨC MẠNH, VÀ NIỀM TIN TRỞ THÀNH ĐIỂM TỰA ĐỂ VƯỢT QUA CHIA CẮT; GÓP PHẦN QUAN TRỌNG VÀO CUỘC ĐẤU TRANH CHUNG CỦA DÂN TỘC.

SAU Hiệp định Genève 1954, đất nước tạm thời bị chia cắt hai miền, lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới. Cầu Hiền Lương bắc qua sông Bến Hải trở thành biểu tượng của nỗi đau chia cắt. Chỉ cách nhau vài chục mét, nhưng mỗi bờ sông là hai thế giới khác biệt về chế độ, về lý tưởng. Chính tại không gian đặc biệt ấy, một hình thức đấu tranh độc đáo đã diễn ra: “đấu loa” cuộc đối đầu trên mặt trận tuyên truyền, tâm lý.

Hai bên bờ sông đều dựng những hệ thống loa công suất lớn, hướng thẳng sang phía đối diện. Từ sáng sớm đến đêm khuya, những bản tin, lời kêu gọi, những câu chuyện và cả những bài hát liên tục được phát đi. Bờ Bắc truyền tải thông điệp về chính nghĩa của cuộc kháng chiến, về khát vọng thống nhất, về tình cảm ruột thịt Bắc - Nam không thể chia cắt. Bờ Nam, địch tuyên truyền gây nhiễu thông tin, tác động tâm lý, làm lung lay ý chí của đối phương.

Hệ thống loa phóng thanh với công suất lớn của ta bên bờ Bắc sông Bến Hải được chia thành 5 cụm dài hơn cây số, mỗi cụm có

24 loa chia về bờ Nam. Hằng ngày loa phát các chương trình của đài Tiếng nói Việt Nam, đài truyền thanh Vĩnh Linh về các chủ trương, chính sách của Đảng, tính ưu việt và sự lớn mạnh của miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

Bên cạnh các thông tin chính trị còn có những chương trình của đội truyền thanh lưu động, chương trình văn hóa, văn nghệ do các nghệ sĩ miền Bắc thể hiện. Có những chương trình kéo dài từ 14 đến 15 tiếng đồng hồ, có khi phát cả vào ban đêm.

Ở bờ Nam, chính quyền Sài Gòn cũng gắn những cụm loa có công suất lớn do Tây Đức, Úc cung cấp phát ỉn ỏi.

Đáp lại, ta lắp thêm 8 loa công suất gấp đôi 50W và một loa công suất 250W của Liên Xô sản xuất. Khi hệ thống loa bờ Bắc vang lên đã át hẳn tiếng loa bên bờ Nam.

Đầu năm 1960, phía bờ Nam lắp một dàn loa hiện đại do Mỹ sản xuất có công suất cực lớn âm thanh có thể vang xa đến cả chục km.



Các nhà báo dự Hội thảo Báo Đảng các tỉnh miền Trung Tây Nguyên tại Quảng Trị năm 2023 nghe giới thiệu về cuộc đấu loa.

Phía bờ Bắc, ta lại có chiếc loa đường kính 1,7 mét công suất 500W, sau đó bổ sung thêm 20 loa 50W, 4 loa công suất 250W để đối lại. Các cụm loa được đặt trên trụ bê tông cốt thép kiên cố, riêng chiếc loa 500W đặt trên xe lưu động, khi thuận gió âm thanh có thể truyền xa hơn 10km.

Để cung cấp điện cho hệ thống loa có công suất lớn này, ta đã dựng một đường dây cao thế 6KvA dài gần 10 km và một trạm tăng âm cho hệ thống loa đặt cách cầu Hiền Lương 2,5km về phía bắc.

Cuộc “đấu loa” 2 bên bờ sông Bến Hải vừa đối đầu về nội dung, vừa chạy đua về kỹ thuật, cường độ âm thanh, sự sáng tạo trong cách thể hiện. Có lúc âm thanh từ hai phía chồng lấn lên nhau, vang vọng khắp không gian, khiến dòng sông Bến Hải vốn hiền hòa trở thành một “dòng sông âm thanh” đầy kịch tính. Mãi đến năm 1965, khi máy bay Mỹ ném bom phá hoại miền Bắc, hệ thống loa phóng thanh của cả hai bờ mới hoàn toàn ngừng hoạt động.

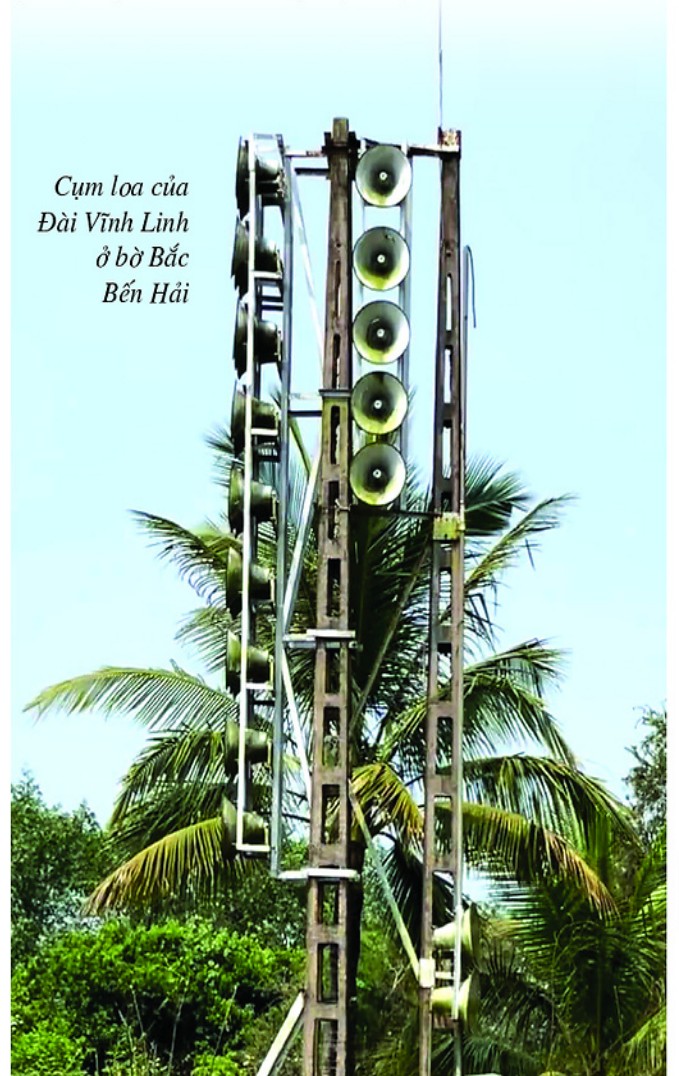
Vượt lên tất cả, yếu tố quyết định của cuộc “đấu loa” không nằm ở thiết bị, mà ở lòng dũng cảm và tinh thần trách nhiệm của những cán bộ tuyên truyền. Các phát thanh viên bên bờ Bắc hiểu rằng, để thuyết phục được người nghe, không chỉ cần lý lẽ sắc bén mà còn cần sự đồng cảm, cần chạm đến những giá trị chung của dân tộc. Chính điều đó đã giúp những “làn sóng âm thanh” không chỉ vượt qua khoảng cách địa lý, mà còn đi sâu vào tâm thức con người.

Đứng trên cầu Hiền Lương, nghe cô hướng dẫn viên Khu di tích kể về cuộc chiến âm thanh ngày ấy; chúng tôi như nghe tiếng dòng sông Bến Hải nhắc rằng, trong chiến tranh, không chỉ có những trận đánh bằng súng đạn, mà còn có những cuộc đấu tranh bằng trí tuệ, bằng lời nói, bằng niềm tin. Và cảm nhận sâu sắc về giá trị của hòa bình - từ Thành cổ Quảng Trị, từ các nghĩa trang liệt sỹ Trường Sơn, đường 9, từ cả mặt trận mặt trận tưởng như “vô hình” này.

Hiện nay, khi công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ, bài học từ cuộc “đấu loa” bên dòng Bến Hải ngày ấy vẫn còn nguyên giá trị. Bởi cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng không hề giảm đi, mà đang ngày càng phức tạp hơn. Bởi trong “biển thông tin” hôm nay, điều giữ chân người nghe không phải là âm lượng, mà là giá trị và sự chân thực.

Được biết, tỉnh Quảng Trị vừa phê duyệt Đề án xây dựng Bảo tàng Ký ức chiến tranh và khát vọng hòa bình với tổng mức đầu tư 1.000 tỷ đồng, dự kiến hoàn thành trước năm 2030, giúp thế hệ hôm nay và mai sau cảm nhận sâu sắc hơn về lịch sử, để những giá trị của hòa bình, của chính nghĩa và đoàn kết dân tộc tiếp tục được nuôi dưỡng.

Để trong dòng chảy của thời đại mới, âm vang ngày nào của cuộc “đấu loa” bên dòng Bến Hải luôn nhắc nhở mỗi chúng ta về giá trị của hòa bình, về trách nhiệm giữ gìn, phát huy những thành quả độc lập tự do mà cha ông ta phải hy sinh để có được ■



Cụm loa của Đài Vĩnh Linh ở bờ Bắc Bến Hải

Cán bộ, chiến sĩ Đồn Biên phòng Sơn Vĩ tuyên truyền, giới thiệu về đường biên, cột mốc cho thế hệ trẻ.



Tạc hình Tổ quốc nơi biên cương

■ HỒNG HÀ

Trên bản đồ hình chữ S, đường biên giới hiện lên như những nét vẽ mảnh mai, trông chừng giản đơn. Nhưng phía sau những đường nét ấy là cả một hành trình kéo dài gần thập kỷ, nơi núi rừng, khe suối và đá tai mèo trở thành ranh giới thực địa cho từng cột mốc chủ quyền. Giai đoạn 2002 - 2009, công tác phân giới cắm mốc (PGCM) đã ghi dấu bằng mồ hôi, công sức và sự bền bỉ của nhiều lực lượng, góp phần từng bước xác lập rõ ràng đường biên giới trên địa bàn tỉnh, hoàn thiện hơn hình hài đất nước Việt Nam hôm nay.

ĐƯỜNG BIÊN NƠI CỰC BẮC

Ở cực Bắc Tổ quốc, Tuyên Quang là một trong những địa bàn then chốt của tiến trình phân giới, cắm mốc trên tuyến biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc. Gần 277 km đường biên chạy qua địa hình núi đá tai mèo hiểm trở, vùng núi đất cát pha thường xuyên sụt lở do mưa lũ đã tạo nên một trong những đoạn biên giới phức tạp bậc nhất toàn tuyến. Tại đây, đường biên không chỉ hiện diện trên bản đồ mà len lỏi theo từng sống núi, khe suối, triền đá dựng đứng.

Ông Triệu Đức Thanh, nguyên Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang cho biết, trên tổng thể hơn 1.400 km đường biên Việt - Trung, tuyến biên giới Hà Giang hội tụ đầy đủ những khó khăn điển hình về địa hình, khí hậu và lịch sử quản lý lãnh thổ. Vì vậy, PGCM không đơn thuần là công việc kỹ thuật, mà là một hành trình dài, đòi hỏi sự chính xác tuyệt đối, tính kiên trì và sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng hai bên.

Ngày 26/7/2002, tại khu vực cửa khẩu Thanh Thù, cột mốc số 261 được dựng lên. Giữa không gian tĩnh lặng của núi rừng, cột mốc đầu tiên hiện ra không ồn ào, nhưng lại mở ra một chặng đường dài phía trước. Từ đây, đường biên không còn là những nét vẽ trên bản đồ, mà bắt đầu hiện hữu rõ ràng trên thực địa. Theo ông Triệu Quyết Long, Trưởng nhóm PGCM khu vực Mèo Vạc cho biết: "Việt Nam cắm mốc số chẵn, phía Trung Quốc

cắm mốc số lẻ. Có những vị trí thì hai bên cùng dựng mốc đôi. Nhưng quan trọng nhất là mọi thông số phải thống nhất tuyệt đối, không được sai lệch dù chỉ một centimet.”

Nguyên tắc chung đó đã thành “sợi chỉ đỏ” xuyên suốt, bảo đảm cho từng cột mốc được dựng lên không chỉ đúng tọa độ mà còn đúng tinh thần của một đường biên giới hòa bình, ổn định và lâu dài. Đại tá Hoàng Đình Xuất, nguyên Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên phòng tỉnh chia sẻ: Việc bảo vệ biên giới không chỉ là nhiệm vụ trước mắt mà còn là kế sách lâu dài để giữ vững sự ổn định và phát triển của đất nước. Vì vậy, mỗi cột mốc được dựng lên phải trải qua nhiều bước chặt chẽ, đòi hỏi sự phối hợp cẩn trọng, chính xác tuyệt đối giữa lực lượng hai chuyên trách giữa hai nước.

Vượt qua gian nan, thử thách

Nếu trên bản đồ, đường biên chỉ là những nét vẽ mảnh, thì ngoài thực địa đó là những hành trình bấp bả, bấp bả giữa điều kiện khắc nghiệt. Địa hình trở thành “phép thử” lớn nhất đối với công tác PGCM. Những dãy núi đá tai mèo dựng đứng, bị chia cắt bởi khe sâu, vực thẳm; nhiều vị trí hoàn toàn không có lối đi, buộc các tổ công tác phải tự mở đường tiếp cận điểm mốc đã được định vị.

Ông Trần Anh Tuấn, Phó nhóm PGCM số 6 và 7 khu vực Mèo Vạc (cũ), nhớ lại những ngày bấp bả giữa thời tiết khắc nghiệt nơi biên giới: “Mùa hè, đá núi nóng hầm hập, hơi nóng hắt ngược lên rất bỏng mặt. Mùa đông thì rét buốt, sương mù dày đặc phủ kín, nhiều khi không nhìn rõ lối đi. Đỉnh điểm là đợt rét đậm năm 2008, sương mù dày đến mức mất phương hướng, áo bông ướt sũng vì hơi nước, nặng trĩu trên vai, còn bi-đông nước mang theo cũng đông cứng, không thể sử dụng”.

Thời điểm đó chưa có đường vành đai biên giới, việc đi lại chủ yếu dựa vào các tuyến tuần tra và những lối mòn do người dân cùng bộ đội tự mở giữa núi rừng. Những ngày mưa lớn hoặc sương mù dày đặc, đường đất đá trơn trượt, việc tiếp cận các điểm mốc càng trở nên vất vả, có khi phải dò từng bước giữa dốc cao, vực sâu. Ông Hà Đình Kiến, Trưởng nhóm phân giới cắm mốc số 6 nhớ lại: “Không chỉ gian khổ trong di chuyển, việc đưa vật liệu lên núi còn là một thử thách rất lớn. Xi măng, sắt thép, đá đều phải chia nhỏ, gói thủ công qua từng triền núi dốc đứng. Trong những thời điểm khó khăn, bà con vùng biên cũng trực tiếp hỗ trợ, cùng bộ đội và lực lượng kỹ thuật vận chuyển qua những đoạn đường hiểm trở. Mỗi bao vật liệu là sức người vượt dốc, bằng từng suốt hàng chục cây số”.

Không chỉ địa hình hiểm trở và thời tiết khắc nghiệt, công việc còn luôn tiềm ẩn nguy hiểm từ bom mìn sót lại sau chiến tranh. Bà Nguyễn Kim Tuyền, nguyên cán bộ Sở Xây dựng, người phụ nữ duy nhất trực tiếp tham gia khảo sát thực địa trên tuyến biên giới thời điểm đó, đến nay vẫn chưa thể quên những ký ức ám ảnh. Bà kể, tại khu vực cột mốc 408, trong một lần tạm dừng nghỉ trên mỏm đá, lực lượng khảo sát bất ngờ phát hiện dưới lớp đất chỉ dày chừng một gang tay có tới bốn quả mìn còn sót lại. Phát hiện đó là lời cảnh báo khiến cả đoàn phải cảnh giác, đề phòng rủi ro trong suốt quá trình làm nhiệm vụ.

Theo ông Phạm Trung Hiếu, nguyên Đội trưởng đội công binh Bộ đội Biên phòng Hà Giang, bom mìn còn sót lại ở khu vực này rất đa dạng về chủng loại, phân tán ở nhiều vị trí như mỏm núi, hốc đá, bị che lấp bởi đất đá và lớp thực bì dày qua thời gian. Trong điều kiện địa hình hiểm trở, thời tiết khắc nghiệt, từng bước rà phá đều phải tiến hành hết sức thận trọng, mở lối an toàn cho các tổ công tác tiếp cận hiện trường.

DẤU MỐC GIỮA ĐẠI NGÀN BIÊN CƯƠNG

Năm 2009, Việt Nam và Trung Quốc hoàn thành toàn bộ công tác PGCM trên đất liền, khép lại một tiến trình đàm phán và triển khai kéo dài nhiều năm. Trên tuyến biên giới qua địa bàn tỉnh, hệ thống 442 cột mốc được xác lập, gồm 358 mốc chính và 84 mốc phụ, trải dọc qua 277 km đường biên, bám theo sườn núi, đường chia nước và những khe suối tự nhiên. Từ đây, đường biên giới không còn là khái niệm trên bản đồ, mà được định hình bằng một hệ thống mốc giới cụ thể, thống nhất và có giá trị pháp lý lâu dài.

Ở góc độ trực tiếp thực thi, ông Triệu Quyết Long cho rằng giá trị lớn nhất của hệ thống 442 cột mốc nằm ở tính chính xác và sự đồng bộ. Mỗi cột mốc không chỉ là điểm đánh dấu ranh giới, mà là kết quả của quá trình khảo sát, đối chiếu thực địa và hồ sơ pháp lý một cách chặt chẽ, nhiều lần kiểm tra trước khi xác lập cuối cùng. Theo ông, chính sự cẩn trọng ấy đã tạo nên một đường biên ổn định, hạn chế tối đa những khoảng trống pháp lý.

Ngày 14/7/2010, tại Cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy, ba văn kiện pháp lý về biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc chính thức có hiệu lực. Sự kiện này đánh dấu bước hoàn tất toàn diện tiến trình phân giới, cắm mốc, lần đầu tiên trong lịch sử hai nước xác lập một đường biên giới rõ ràng, hiện đại, chấm dứt những tồn tại kéo dài nhiều thập kỷ.

Ông Triệu Đức Thanh nhìn nhận đây là dấu mốc đặc biệt quan trọng, không chỉ ở giá trị pháp lý mà còn ở tầm nhìn chiến lược phát triển lâu dài. Ông cho rằng, khi đường biên được xác định rõ ràng, không gian biên giới sẽ trở nên ổn định hơn, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý an ninh, đồng thời mở rộng giao thương và thúc đẩy kinh tế biên mậu.

Từ những triền núi đá xám nơi cực Bắc Tổ quốc, hệ thống cột mốc quốc giới dần hiện hình, lặng lẽ nhưng vững chãi. Không chỉ khẳng định chủ quyền quốc gia bằng những dấu mốc cụ thể, đó còn là kết quả của một tiến trình ngoại giao, sức lao động bền bỉ, góp phần “tạc” nên hình hài Tổ quốc nơi biên cương ■



Mốc 18 cũ từ thời Pháp - Thanh lưu niệm tại Đồn Biên phòng Tùng Vài (xã Tùng Vài) sau khi thực hiện phân giới cắm mốc Việt - Trung năm 2008.

Săm Pun là địa danh thuộc xã Sơn Vĩ tỉnh Tuyên Quang, nằm sát biên giới Việt - Trung, giữ vị trí đặc biệt quan trọng về quốc phòng - an ninh, nơi biên cương cực Bắc. Giữa trùng điệp núi đá tai mèo, vùng đất này hiện lên vừa khắc nghiệt, vừa hùng vĩ. Từ một miền biên viễn gian khó, Săm Pun hôm nay đang chuyển mình, nơi con người bền bỉ bám đất, cùng những bước chân người lính biên thùy bảo vệ bình yên nơi phen dậu Tổ quốc.

Vườn lên từ sỏi đá

TRONG câu chuyện về Săm Pun, ký ức của ông Hoàng Tật, nguyên Chính ủy Bộ đội Biên phòng tỉnh, mở ra một lát cắt dữ dội của những ngày chiến tranh bảo vệ biên giới năm 1979. Khi ấy, Săm Pun là tuyến đầu nóng bỏng, nơi mỗi mỏm đá, triền núi đều in dấu chân người lính giữ đất biên thùy. Gần nửa thế kỷ trở lại chiến trường xưa, ông không giấu được niềm xúc động xen lẫn tự hào khi nhắc về những cuộc hành quân vượt núi, băng rừng; những lần vượt sông Nho Quế buốt lạnh để tiếp cận đơn vị; những đêm trường gió hú giữa lưng chừng đá và những ngày “ném mật nằm sương, mưa dầm, cơm vắt” khi trinh sát bám tuyến dài ngày. Ký ức ấy, với ông, không chỉ là quá khứ, mà là một phần máu thịt của vùng đất này.

Săm Pun hôm nay vẫn mang nguyên dáng vẻ khắc nghiệt. Mùa đông như kéo dài bất tận, sương muối phủ trắng sườn núi, ánh mặt trời hiếm khi ló rạng, có lúc nước cũng đóng băng. Cái lạnh không chỉ đến từ nhiệt độ hạ thấp, mà từ những luồng gió hun hút thổi ngược lên từ sông Nho Quế. Gió len qua mái nhà, lùa qua khe cửa, quẩn quanh trên các sườn đá suốt ngày đêm, trở thành một phần quen thuộc của đời sống. Người vùng cao vẫn truyền nhau câu ví: “Đầu năm sương muối, cuối năm gió nồm”, hay “Ruồi vàng, bọ chó, gió Thượng Phùng” như một cách nói mộc mạc nhưng đủ sức khắc họa hết cái gian khó của miền đá.

Giữa khắc nghiệt ấy, con người Săm Pun vẫn bền bỉ bám đất, bám bản. Ông Lưu Văn Lèng, người có uy tín ở thôn Mỏ Phàng, cũng là bạn chiến đấu năm xưa của ông Tật, vẫn sống như cây sa mộc bám đá giữa miền biên viễn. Cả đời gắn với Săm Pun, ông thuộc từng khe đá, từng luồng gió, từng đợt rét cắt da, cắt thịt. Ông kể, có những năm rét kéo dài, ngô vừa nhú mầm đã quắt lại vì gió lạnh, trâu bò phải che chắn kín, đốt lửa sưởi ấm giữa chuồng. Đất không có nương lớn, phải chặt chiu từng gùi nước từ khe núi xa. Gian nan là vậy, nhưng chưa bao giờ ông nghĩ rời bản. Bởi với ông, mảnh đất này không chỉ để mưu sinh, mà còn là nơi giữ làng, giữ biên cương.

Gian khó ở Săm Pun không còn là nỗi than thở, mà đã hun đúc nên nét tính cách gan góc, bền bỉ của con người trước thiên nhiên. Những năm qua, nhờ sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, vùng biên này đang dần thay da đổi thịt: những con đường mở xuyên qua

Điểm tựa Săm Pun

■ Ghi chép: HOÀNG HÀ

Đường lên Săm Pun quanh co, hiểm trở men theo sườn núi đá tai mèo, dưới là hẻm vực sông Nho Quế.



Cán bộ, chiến sĩ Đồn Biên phòng của khẩu Săm Pun tuần tra giữa thời tiết băng giá.

núi đá, điện lưới về đến từng bản, trường lớp, trạm y tế ngày một khang trang. Từ thực tiễn chuyển mình ấy, định hướng phát triển cũng chính quyền xã Sơn Vĩ xác lập rõ ràng.

Những năm qua, nhờ sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, vùng biên này đang thay da đổi thịt từng ngày: đường lớn đã mở vượt qua núi, điện lưới về đến từng bản, trường lớp, trạm y tế dần khang trang hơn... Từ thực tiễn chuyển mình ấy, định hướng phát triển cũng được xác lập rõ ràng. Đồng chí Nguyễn Huy Sắc, Bí thư Đảng ủy xã cho biết, địa phương đang tập trung phát triển kinh tế biên mậu, nông nghiệp hàng hóa gắn với du lịch, hướng tới mục tiêu giảm nghèo bền vững; đồng thời giữ vững quốc phòng, an ninh. Đặc biệt, xã chú trọng khai thác hiệu quả Cửa khẩu Săm Pun (Việt Nam) - Điền Bông (Trung Quốc), coi đây là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng biên.

Giữa triền đá xám, ngôi trường Nội trú liên cấp Tiểu học và THCS đang dần thành hình trên diện tích 3,7 ha, quy mô 31 lớp học với hơn 1.000 học sinh. Để có mặt bằng xây dựng, hàng nghìn khối đá cứng đã được khoan phá, mở lối cho những dãy phòng học kiên cố vươn lên giữa núi. Với cô Thảo Thị Dợ, giáo viên điểm trường Mỏ Phàng, đó không chỉ là một công trình, mà là giấc mơ đã thành hiện thực. “Ngôi trường khang trang này sẽ xóa dần những lớp học tạm bợ ở các điểm lẻ, giúp thầy và trò bớt khó khăn. Từ đây, chất lượng dạy và học sẽ được nâng lên, mở ra một tương lai tốt đẹp hơn cho học sinh miền biên viễn”, cô xúc động nói.

Điểm tựa nơi phen dậu

Đồn Biên phòng của khẩu Săm Pun hiện quản lý hơn 23 km đường biên với 35 cột mốc. Dù địa hình hiểm trở, thời tiết khắc nghiệt, cán bộ, chiến sĩ luôn duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, tăng cường tuần tra, kiểm soát, quản lý chặt chẽ đường biên, mốc giới, kịp thời phát hiện, xử lý các tình huống phát sinh, giữ vững an ninh trật tự khu vực biên giới. Thiếu tá Hùng Đình Ngọc, Chính trị viên phó chia sẻ: “Chúng tôi luôn khắc ghi và biết

ơn sâu sắc những thế hệ cha anh đi trước đã không tiếc máu xương giữ vững từng tấc đất biên thùy. Sự hy sinh ấy là nền tảng để những người lính hôm nay tiếp bước. Dù trong bất cứ điều kiện nào, cán bộ, chiến sĩ vẫn xác định rõ trách nhiệm, bám biên, bám mốc, giữ vững chủ quyền

Chúng tôi theo chân tổ tuần tra biên phòng lên cột mốc 462, con đường mòn bám theo sườn núi hiện ra đầy thử thách. Một bên là vách đá dựng đứng, một bên là vực sâu hun hút. Mùa đông, con đường ấy như dải lụa lạnh buốt, có lúc nhiệt độ hạ xuống 0 độ C, băng tuyết phủ trắng mặt đường. Giữa gian khó, bước chân người lính quân hàm xanh vẫn đều đặn, vững vàng, in dấu qua từng cung đường đá. Thượng úy Dương Minh Kéo tâm sự: “Chỉ cần thấy đồng bào yên ấm, cột mốc đứng vững, tôi cảm thấy hạnh phúc. Đó là biểu tượng của độc lập, là máu xương cha ông đã đổ xuống để gìn giữ.”

Không chỉ chắc tay súng nơi tuyến đầu, những người lính biên phòng còn là điểm tựa vững chắc của đồng bào vùng biên. Những năm qua, cùng với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, cán bộ, chiến sĩ đơn vị đã tích cực tham gia công tác dân vận, hỗ trợ người dân phát triển kinh tế, ổn định đời sống. Từ những hướng dẫn cụ thể trong sản xuất, chăn nuôi, nhiều mô hình kinh tế hộ gia đình đã hình thành, mở ra sinh kế bền vững. Bà Già Thị Lúa, thôn Tràng Hương phấn khởi chia sẻ: “Nhờ bộ đội biên phòng hướng dẫn, nhiều gia đình trong bản đã biết làm ăn, cuộc sống dần ổn định, thu nhập cải thiện rõ rệt.”

Giữa sân Đồn của khẩu Săm Pun, cột mốc (cũ) số 476 - dấu tích được cắm theo Hiệp ước Pháp - Thanh (năm 1887) - được gìn giữ như một chứng nhân nhắc nhở về giai đoạn nhiều biến động của lịch sử dân tộc. Trong lần lên thăm, làm việc tại đơn vị, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Hầu A Lệnh đã dừng lại khá lâu trước cột mốc, đồng thời nhấn mạnh: “Giữ vững chủ quyền biên giới không chỉ là nhiệm vụ của lực lượng vũ trang, mà cần sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự đồng thuận của Nhân dân. Phải giữ được dân, nâng cao đời sống của người dân, thì biên giới mới thực sự vững chắc”.

Lời nhắc ấy không chỉ là một định hướng, mà còn là thông điệp xuyên suốt từ quá khứ đến hiện tại. Giữa miền đá và gió khắc nghiệt, Săm Pun đang từng ngày đổi thay, khi đời sống người dân dần được nâng lên, khi niềm tin được vun bồi từ chính sự gắn bó giữa chính quyền, lực lượng biên phòng và đồng bào nơi cực Bắc ■



Đời sống của người dân Săm Pun đổi thay từng ngày nhờ sự chăm lo của chính quyền địa phương và Bộ đội Biên phòng.



Cựu chiến binh Nguyễn Đình Đông trân trọng gìn giữ những phần thưởng của một thời quân ngũ.

3 thế hệ dưới bóng quân kỳ

■ THU PHƯƠNG

Sắc xanh quân phục chính là gia tài trân quý nhất qua ba thế hệ của gia đình ông Nguyễn Đình Đông, thôn Xuân Hòa, xã Tân Quang. Tiếp nối bước chân xông pha tuyến lửa chống Mỹ cứu nước của bậc sinh thành, người cựu chiến binh mặt trận Vị Xuyên ấy đã thắp lên ngọn lửa truyền thống, để hôm nay tiếp tục rực sáng trong tim lớp sĩ quan trẻ. Lời thề phụng sự Tổ quốc vĩnh viễn là mạch ngầm lý tưởng chảy mãi dưới bóng quân kỳ thiêng liêng.

Cha truyền con nối

MẠCH nguồn truyền thống ấy khởi đầu từ cố cựu chiến binh Nguyễn Đình Chính (sinh năm 1933) - bố của ông Đông. Giữa lúc đất nước sục sôi đánh giặc, chàng thanh niên Nguyễn

Đình Chính mang theo bầu máu nóng tuổi trẻ, rời quê hương Nghệ An, vượt dòng sông Bến Hải (tỉnh Quảng Trị) để tiến sâu vào chiến trường miền Nam.

Theo lời ông Đông: “Bố tôi từng kể, trong những năm tháng ác liệt nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, bố trực tiếp tham gia lực lượng vận tải, phục vụ chiến đấu trên các tuyến đường Trường Sơn khốc liệt”. Không quản ngại gian khổ, nhiệm vụ của ông Chính gắn liền với những cung đường máu và hoa: Tải đạn, vận chuyển lương thực và mở đường cho tiền tuyến - những công việc đòi hỏi sức bền, lòng can đảm và sự hy sinh vô điều kiện. Từng bao gạo, hòm đạn trên vai người lính năm ấy là nhịp đập chung của cả một dân tộc khát khao hòa bình.

Ông Chính đã sống một thời tuổi trẻ giữa bom đạn, rồi trở về, lặng lẽ làm một người cha, người ông. Ông không kể nhiều về chiến tranh nhưng trong ngôi nhà ấy, hình ảnh người lính không hiện lên bằng lời ca ngợi, mà bằng sự mẫu mực: Cần mẫn, kỷ luật, sống có trách nhiệm. Có lẽ



Trung tá Nguyễn Đình Chung dạy con cháu học đàn, gieo mầm tình yêu quê hương, đất nước từ những giai điệu đầu đời.

bởi vậy mà khí chất Bộ đội Cụ Hồ từ ông Chính đã âm thầm thấm sâu vào dòng máu của thế hệ sau. Trong số 5 người con trai của ông Chính, có tới 3 người khoác lên mình sắc phục quân nhân, gánh vác sứ mệnh xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tiêu biểu có ông Đông.

Từ dải đất Nghệ An nắng gió, ngày 10-3-1979, chàng trai trẻ Nguyễn Đình Đông rời quê hương, hành quân lên mặt trận Vị Xuyên ác liệt để viết tiếp bản hùng ca giữ nước của gia đình. “Nơi tuyến đầu khói lửa, tôi đảm nhận chức vụ Trung đội trưởng Trung đội vận tải. Giống như bố của mình năm xưa, tôi lại gánh trên vai nhiệm vụ tải thương, vận chuyển lương thực, thực phẩm cho đồng đội”, ông Đông nhớ lại. Những năm tháng thanh xuân dâng hiến cho biên cương của ông đã được ghi nhận bằng Huy chương Chiến sĩ vẻ vang, cùng nhiều kỷ niệm chương danh giá của Quân khu 2 và Sư đoàn 314. Không chỉ kiên cường trên trận tuyến, ông còn mang “tiếng hát át tiếng bom” khi cống hiến cho Đội tuyên văn Sư đoàn 314. Bom đạn và khúc hát, máu và hoa nơi biên giới dường như đã níu giữ tâm hồn người lính trẻ. Để rồi năm 1983 khi xuất ngũ, ông quyết định chọn mảnh đất Tân Quang (Tuyên Quang) thành quê hương thứ hai trọn đời gắn bó.

Theo Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã Tân Quang Nguyễn Trung Nguyên: “Trở về với đời thường, phẩm chất người lính Cụ Hồ vẫn nguyên vẹn trong ông, lặng lẽ tỏa sáng qua từng việc làm cụ thể. Ông từng đảm nhiệm công tác văn hóa tại UBND xã Tân Quang, góp phần giữ gìn và lan tỏa những giá trị tốt đẹp trong cộng đồng. Khi rời vị trí công tác, ông sống giản dị, gương mẫu, gần dân, được bà con tin yêu. Nhiều năm liền, gia đình ông được công nhận “Gia đình hiếu học”, “Gia đình văn hóa”, “Nhà sạch, vườn đẹp” - minh chứng cho một nếp sống bền bỉ, chuẩn mực từ chiến trường đến đời thường.

Nhìn lại hành trình đã qua, ông Đông xúc động: “Tài sản vô giá của vợ chồng tôi là 4 người con đều trưởng thành. Nếu con gái cả chọn gắn bó với công tác văn hóa - xã hội tại UBND xã Tân Quang, con gái thứ 2 chọn sự

ng nghiệp “trồng người”, thì hai cậu con trai đều theo nghiệp binh, trở thành sĩ quan quân đội”.

Viết tiếp khúc quân hành

Tình yêu màu xanh áo lính đến với hai người con trai của ông Đông thật tự nhiên, nảy mầm từ chính những ký ức rực lửa, chuyên thao trường và tình đồng đội bó kể bên bàn trà mỗi tối. Để rồi, dẫu đứng trước nhiều ngã rẽ tương lai xán lạn, như anh cả Nguyễn Đình Chung từng xuất sắc đỗ cùng lúc ba trường đại học nhưng hai anh em đều kiên định chọn Trường Sĩ quan Lục quân 1 để viết tiếp truyền thống vẻ vang của gia đình.

Anh Chung hiện là Trung tá, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự xã biên giới Sà Phìn. Gần 20 năm tôi luyện trong kỷ luật thép, anh Chung để lại dấu ấn đậm nét trên nhiều cương vị công tác. Bộ sưu tập những bằng khen, giấy khen, đặc biệt là Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Ba (năm 2015) do Chủ tịch nước trao tặng, chính là thước đo chân thực nhất cho lòng trung thành và ý chí cống hiến không mệt mỏi của anh đối với Quân đội, Tổ quốc và Nhân dân. Nhận xét về anh, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã Sà Phìn Đỗ Quốc Hương chia sẻ: “Đồng chí Chung là một cán bộ chỉ huy bản lĩnh, tâm huyết và quyết đoán. Dấu ấn của anh thể hiện rõ qua sự vững mạnh của lực lượng vũ trang xã nhà và tinh thần đoàn kết quân dân luôn được bồi đắp, giữ vững”.

Nếu người anh dạn dày nơi phen giậu, thì người em Nguyễn Đình Nghĩa lại ghi dấu ấn đậm nét trong vai trò Trợ lý Công tác quần chúng, Phòng Chính trị, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng (Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Tuyên Quang). Anh từng trực tiếp dẫn thân vào những nhiệm vụ hiểm nguy: Dập tắt đám cháy rừng trên dải Tây Côn Lĩnh, lăn xả trong công tác tìm kiếm, cứu nạn vụ sạt lở đất nghiêm trọng tại thôn Tả Mò (xã Yên Định cũ) khiến 15 người thương vong. Đồng thời, tích cực góp sức trong các chương trình tình nguyện vì cộng đồng. Nhờ bản lĩnh vững vàng và tinh thần cống hiến không mệt mỏi, anh xuất sắc nhận Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và Bằng khen của Tỉnh đoàn Hà Giang (cũ). Tất cả đã phác họa nên chân dung sĩ quan trẻ tài năng, bản lĩnh, giàu lòng nhân ái, tận tụy vì cuộc sống nhân dân.

Mạch nguồn quân ngũ của gia đình ông Đông không chỉ tiếp nối qua các con trai, mà còn lan tỏa sang những thành viên mới. Đó là con rể ông, Trung tá Trần Ngọc Độ - Sĩ quan Cơ yếu Đoàn Biên phòng Phó Bàng. Anh Độ trải lòng: “Tôi từng áp lực trước bề dày truyền thống gia đình bên vợ. Nhưng chính nếp nhà nghiêm cẩn, chuẩn mực như một “đơn vị thu nhỏ” đã trở thành điểm tựa tinh thần, giúp tôi vững vàng cống hiến, góp phần giữ gìn bình yên nơi biên cương Tổ quốc”. Từ nền nếp ấy, lý tưởng tiếp tục được bồi đắp cho thế hệ thứ tư. Trần Ngọc Tuấn - cháu ngoại ông Đông hiện đang học lớp 11, đã sớm nuôi dưỡng tình yêu với màu xanh áo lính, ấp ủ ước mơ trở thành Sĩ quan Đặc công trong tương lai.

Từ dòng Bến Hải năm xưa đến dải biên cương cực Bắc, rồi những bụi vinh quang thời bình, ba thế hệ một gia đình đã dệt nên bản hùng ca của lòng yêu nước. Lời thề phụng sự Tổ quốc đã hóa gia phong, trở thành mạch nguồn tinh thần được trao truyền bền bỉ và rực sáng qua từng thế hệ ■

Nếu không đọc sách THÌ SAO?

■ HOÀNG NIÊM

Bây giờ, chỉ cần vài giây lướt điện thoại, Trí tuệ nhân tạo (AI) đã có thể tóm tắt gọn gàng một cuốn sách dày cộp. Khi máy móc có thể đọc hộ và sẵn sàng “nghĩ thay”, nhiều người buột miệng tự hỏi: “Nếu không đọc sách thì sao?”. Câu hỏi tưởng chừng rất đời thường ấy lại chạm đến một thực tế đáng suy ngẫm của thời đại số. Qua góc nhìn của các chuyên gia, việc kiên nhẫn lật từng trang giấy hóa ra không chỉ để nạp thông tin. Đó là cách để chạm vào những tinh hoa, là bài “tập gym cho não bộ” thiết thực nhất để mỗi người giữ lại sự sắc sảo, điềm tĩnh và tư duy độc lập.



Các chuyên gia giáo dục, văn hoá trả lời cho câu hỏi Nếu không đọc sách thì sao tại Ngày hội Phố sách Hà Nội.

Đứng ngoài trang sách là đánh mất tư duy độc lập

THEO các báo cáo về hành vi người dùng số, trung bình người Việt Nam đang dành hơn 7 giờ mỗi ngày để truy cập internet và lướt mạng xã hội. Cùng với sự bùng nổ của Trí tuệ nhân tạo (AI), thói quen tiếp nhận thông tin của chúng ta đang thay đổi với tốc độ chóng mặt. Hiện nay, một phần mềm AI chỉ mất chưa tới 10 giây để đọc, tóm tắt trọn vẹn một cuốn sách dày 1.000 trang. Đứng trước sự tiện lợi đến mức cực đoan ấy, một câu hỏi thực tế và đầy nhức nhối được đặt ra: Nếu máy móc đã làm hộ việc đọc, tại sao con người vẫn cần tiêu tốn hàng tuần lễ chỉ để lật giở từng trang giấy?

Câu trả lời nằm ở một sự thật giản dị: AI cung cấp thông tin, nhưng sách mới là thứ kiến tạo nên con người. GS. Phan Văn Trường là chuyên gia cao cấp về đàm phán Quốc tế, là tác giả nổi tiếng với các sách quản trị. Ông nhận định: “Sách là tinh hoa. Đứng ngoài sách cũng là đứng ngoài tinh hoa. Sách không đơn thuần là chuỗi dữ liệu khô khan để máy móc quét qua rồi rút trích; đó là di sản trí tuệ, là chiều sâu cội nguồn nhân loại. Dân tộc có nhiều sách sẽ là dân tộc đứng đầu thế giới!”.

Nhìn ở lăng kính vĩ mô hơn, TS. Nguyễn Mạnh Hùng, Chủ tịch Thái Hà Books khẳng định, sức mạnh của một dân tộc không chỉ đo đếm bằng các

chỉ số kinh tế nhất thời, mà phải bắt rễ sâu sắc từ nền tảng tri thức. Một quốc gia muốn vươn mình, có tiếng nói độc lập, trước hết phải là một cộng đồng có trí tuệ tự chủ, thay vì vay mượn tư duy từ những thuật toán lập trình sẵn.

Sự nguy hiểm lớn nhất của việc “khoán trắng” việc đọc cho AI là chúng ta đang tự đánh mất đi năng lực phản biện. Lý giải điều này, TS. Nguyễn Thị Ngọc Minh là nhà sáng lập và điều hành dự án phát triển văn hóa đọc “Sách ơi mở ra”. Chị đưa ra một góc nhìn rất thú vị: Đọc sách giấy chính là hành trình “tập gym cho não bộ”. Khi tự mình đọc một cuốn sách, não bộ buộc phải vận động liên tục để xử lý khối lượng thông tin phức tạp, phải “vật lộn” với từng khái niệm, từng góc nhìn của tác giả. Chính sự chậm rãi và đôi khi là vất vả ấy lại tạo ra sức bền cho tư duy. Ngược lại, những bản tóm tắt “mì ăn liền” do AI cung cấp tuy nhanh, nhưng lại chứa đựng nguy cơ sai lệch thông tin, thiên kiến dữ liệu và sự hời hợt về trải nghiệm. Chỉ khi tự mình tích lũy dữ liệu qua từng trang giấy, con người mới có đủ vốn liếng để sáng tạo và không bị dòng chảy công nghệ thao túng.

Hơn thế nữa, văn hóa đọc còn là quá trình bồi đắp nhân cách. Dưới góc nhìn của một người có 31 năm gắn bó tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và là Giám đốc đối ngoại phát triển các không gian sách (Công ty CP Viup), chị Phùng Thu Hiền cho rằng, giá trị của việc đọc không chỉ nằm ở những con chữ. Trong một xã hội mà mọi thứ đều trôi lướt qua màn hình điện thoại với tốc độ tính bằng phần trăm giây, việc bước vào một nhà sách, mở một ấn phẩm in là cách con người tự tạo ra một “trạm dừng” bình yên. Môi trường đọc sách rèn luyện cho người trẻ sự điềm tĩnh và tính kiên nhẫn - những phẩm chất quý giá đang dần trở nên khan hiếm.

Đưa văn hóa đọc bám rễ

Để văn hóa đọc thực sự trở thành “vũ khí” bảo vệ tư duy trong kỷ nguyên số, việc nhận thức giá trị của sách là chưa đủ. Hành trình này đòi hỏi một cuộc tiếp sức bền bỉ, đi từ cốt lõi gia đình và lan tỏa mạnh mẽ ra toàn cộng đồng bằng những hành động cụ thể.

Dưới góc nhìn của người thực hành văn hóa đọc, anh Phạm Đức Thắng (Giám đốc Công ty CP Sách Tinh Hoa GNH Books) chia sẻ: “Chìa khóa để nuôi dưỡng tình yêu sách nằm ở việc biến thói quen này thành niềm vui tự nguyện thay vì áp lực. Tôi rất tâm đắc với triết lý của người Do Thái xưa. Họ đổ mật ong lên sách cho trẻ nhỏ. Đây là một hình ảnh ẩn dụ tuyệt vời cho việc tạo ra trải nghiệm đọc ngọt ngào, tích cực ngay từ lần đầu tiên. Hành trình này phải bắt đầu từ rất sớm, ngay từ 3 tuổi, khi các em chưa biết chữ. Lúc này, đọc là



Đại diện lãnh đạo
và thành viên
Trung tâm
UNESCO NC
Đào tạo và phát triển
văn hoá giáo dục,
trực thuộc Liên Hiệp
các Hội UNESCO
Việt Nam và
đồng chí
Mai Đức Thông,
Tinh úy viên,
Giám đốc Báo
và Phát thanh
Truyền hình
Tuyên Quang
trò chuyện với
bạn đọc tại
Thư viện tỉnh.

xem tranh, là chạm, là cảm nhận cuốn sách như một người bạn, một món đồ chơi hấp dẫn. Nhưng có sách tốt chưa đủ, phải xây dựng được một hệ sinh thái đọc. Đây là nơi các em được thảo luận về một cuốn sách, cùng chơi các bộ thẻ game về đọc sách hay tham gia các cuộc thi... Chúng ta phải biến việc đọc từ một hành động thụ động, đơn độc thành một trải nghiệm tương tác, vui vẻ và có tính kết nối”.

Không chỉ dừng lại ở những chia sẻ tâm huyết, triết lý ấy đang được anh Thắng và các cộng sự biến thành hành động thực tiễn. Ngay trong năm 2026 này, Dự án Sách Tinh hoa đang đẩy mạnh lan tỏa sách đến 1.000 trường học trên địa bàn tỉnh. Việc đưa những đầu sách tinh hoa tiếp cận trực tiếp với học sinh Tuyên Quang được kỳ vọng sẽ tạo ra một hệ sinh thái đọc bền vững, biến mỗi ngôi trường thành một “trạm sạc” tri thức, gieo mầm tư duy độc lập cho thế hệ tương lai.

Những dự án xã hội hóa đầy ý nghĩa như vậy đang hòa chung vào bức tranh hành động đồng bộ và sôi nổi tại tỉnh nhà. Hằng năm, UBND tỉnh luôn dành sự quan tâm đặc biệt thông qua việc tổ chức

Ngày hội văn hóa đọc. Tháng 4 năm nay, Ngày hội văn hóa đọc với chủ đề “Cùng sách bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” đã mở màn chuỗi hoạt động bồi đắp thói quen đọc sách trên toàn tỉnh. Tại các trường học, không gian trưng bày, triển lãm sách và Cuộc thi Đại sứ Văn hóa đọc tiếp tục trở thành sân chơi nơi thầy cô và học sinh cùng nhau “truyền lửa” đam mê tri thức.

Đặc biệt, hành trình đưa chữ về cơ sở đang được triển khai rất quyết liệt. Chia sẻ về công tác này, anh Đặng Tiến Thành, Phó Giám đốc Thư viện tỉnh Tuyên Quang cho biết: “Thư viện không chỉ phục vụ tại chỗ mà chủ động đưa những chuyến xe thư viện lưu động, thư viện lưu động đa phương tiện về các trường học trên địa bàn tỉnh”.

Trở lại với câu hỏi ban đầu: “Nếu không đọc sách thì sao?”. Chúng ta có thể không thiếu thông tin, nhưng sẽ đánh mất đi chiều sâu tâm hồn, năng lực cảm thụ và quyền làm chủ tư duy trước làn sóng công nghệ. Vì thế, lật mở một trang sách hôm nay không chỉ là câu chuyện trau dồi của mỗi cá nhân, mà chính là cách chúng ta tự tin giữ lấy bản ngã con người, chuẩn bị một tâm thế vững chắc để bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. ■

ĐIỀU EM MUỐN NÓI

Mong ước giờ học Sử

■ LINH LINH

Lịch sử là cội nguồn, là những câu chuyện hào hùng của dân tộc. Thế nhưng, làm thế nào để học sinh không còn áp lực trước những con số, sự kiện khô khan và thực sự yêu thích môn học này? Chuyên mục “Điều em muốn nói” số này chia sẻ góc nhìn của một học sinh về mong ước được học Lịch sử qua những trải nghiệm thực tế.

MỖI khi gấp cuốn sách Lịch sử lại, trong đầu chúng em thường quẩn quanh với những mốc thời gian và những con số dài dằng dặc của các triều đại. Đôi lúc, sự ngợp thông tin ấy khiến chúng em mang tâm lý e ngại và sợ phải học thuộc lòng.

Thế nhưng, có những buổi tối ngồi nghe ông nội rưng rưng kể chuyện ngày xưa đi bộ đội, em bỗng nhận ra lịch sử đâu chỉ là những con số nằm im lìm

trên giấy. Lịch sử là những con người thật, những cảm xúc thật vô cùng sống động.

Thật may mắn khi chúng em được sinh ra và lớn lên trên quê hương Tuyên Quang - Thủ đô Khu giải phóng, Thủ đô Kháng chiến. Chúng em đã thuộc lòng tên cây đa Tân Trào, mái đình Hồng Thái hay lán Nà Nưa qua sách vở, nhưng tận sâu thẳm, những cô cậu học trò luôn ao ước có những tiết học ngoại khóa ngay dưới bóng đa rợp mát ấy. Chúng em mong được một lần chạm tay vào từng kỷ vật thiêng liêng, nghe tiếng gió rì rào và tưởng tượng về những ngày tháng hào hùng của ông cha ngay trên chính mảnh đất mình đang sống. Khi không còn áp lực phải nhớ chính xác từng ngày tháng, khi được tự mình chạm vào quá khứ, chúng em tin rằng tình yêu quê hương đất nước sẽ tự nhiên nảy mầm trong trái tim mỗi người một cách nhẹ nhàng mà sâu sắc lắm!

Ngày sách và Văn hóa đọc Việt Nam (21-4) Nhiều hoạt động hấp dẫn, phong phú

NHÂN NGÀY SÁCH VÀ VĂN HÓA ĐỌC VIỆT NAM NĂM NAY (21-4), CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TỔ CHỨC NHIỀU HOẠT ĐỘNG HẤP DẪN, PHONG PHÚ, GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN VÀ LAN TỎA VĂN HÓA ĐỌC ĐẾN MỌI NGƯỜI DÂN.



Tự giác dành thời gian đọc sách mỗi ngày là nhu cầu tự thân, thiết yếu để phát triển bản thân.

Không gian trại sách của phường Chiềng An, Sơn La tạo điểm nhấn là góc học tập chữ viết dân tộc Thái của các bạn nhỏ là người dân tộc Thái. ▶

HỘI sách và văn hóa đọc Hà Nội 2026 khai mạc tại Phố Sách Hà Nội. Hội sách diễn ra từ ngày 21 đến hết 27/4, với nhiều hoạt động phong phú, hấp dẫn như chuỗi sự kiện Giao lưu với chủ đề “Sách và Công nghiệp văn hóa”, “Chuyển đổi số với ngành Xuất bản” và tiếp nối chuỗi chương trình “Tri thức số - Kết nối tương lai” do Ủy ban nhân dân phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội phát động, Hội sách lan tỏa các nội dung mới nhất của Nghị quyết 80 về “Phát triển văn hóa Việt Nam”; chia sẻ và giới thiệu những cuốn sách mới nhất, hay nhất giúp mở rộng, nâng cao kiến thức cho người dân nói chung, đặc biệt là định hướng nghề nghiệp, giá trị sống cho thanh thiếu niên trong kỷ nguyên AI. Ngoài ra, Hội sách còn có nhiều hoạt động tương tác dành cho thiếu nhi và gia đình như sáng tạo thủ công, trò chơi trải nghiệm, chương trình “săn dấu - nhận quà”...

Tại Quảng trường Tây Bắc, tỉnh Sơn La đã tổ chức Ngày hội Sách, Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo năm 2026, thu hút đông đảo cán bộ, học sinh, sinh viên và người dân tham gia. Đối với Sơn La, địa bàn miền núi còn nhiều khó khăn, việc đưa sách đến gần người dân được xác định là giải pháp căn bản để nâng cao dân trí, thu hẹp khoảng cách phát triển. Những năm qua, tỉnh Sơn La đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp phát triển văn hóa đọc, nổi bật là hệ thống thư viện, tủ sách cộng đồng và hơn 130 “Ngôi nhà trí tuệ” tại cơ sở. Văn hóa đọc tại Sơn La đang chuyển từ phong trào sang nhu cầu tự thân, từ đọc để biết sang đọc để học và vận dụng.

Để tiếp tục khuyến khích và phát triển phong trào đọc sách, phát huy giá trị của sách, văn hóa đọc trong cộng đồng, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng tổ chức Ngày hội



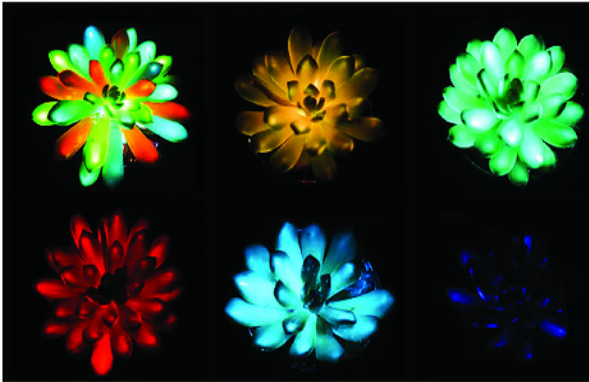
Người dân Thủ đô trải nghiệm sách điện tử.

Sách Đà Nẵng 2026 với chủ đề “Sách và tri thức - Động lực phát triển trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” phải thiết thực, ý nghĩa, tiết kiệm; nội dung đa dạng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Thư viện; có sự liên kết chặt chẽ giữa các đơn vị phối hợp nhằm phát huy sức mạnh, sự hưởng ứng tích cực của mọi tầng lớp nhân dân, của cả cộng đồng và các tổ chức xã hội, đặc biệt đối tượng là học sinh, sinh viên.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi tổ chức phát động Cuộc thi Đại sứ Văn hóa đọc tỉnh Quảng Ngãi năm 2026. Hưởng ứng Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam (21/4), năm nay với chủ đề: “Sách - Tri thức - Khát vọng phát triển đất nước”, tỉnh Quảng Ngãi tổ chức nhiều hoạt động thiết thực, phong phú như: Cuộc thi “Hùng biện về cuốn sách của tôi”, xe thư viện lưu động phục vụ vùng sâu, vùng xa; các không gian trưng bày sách về đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số... Qua đó, khẳng định vai trò trung tâm của tri thức trong việc thúc đẩy tinh thần học tập suốt đời, đổi mới sáng tạo và khơi dậy khát vọng xây dựng quê hương, đất nước ngày càng giàu mạnh, văn minh, góp phần lan tỏa niềm đam mê đọc sách trong cộng đồng.

NGUYỄN HẰNG (Tổng hợp)

Những ý tưởng sáng tạo



Cây mọc nước có thể phát sáng nhiều màu và sạc lại bằng ánh sáng Mặt trời. (Ảnh Tap chí Matter.jpg)

Trung Quốc tạo ra cây phát sáng

CÁC nhà khoa học Trung Quốc đã tạo ra loài cây mọc nước có thể phát sáng nhiều màu và sạc lại bằng ánh sáng mặt trời, mở ra viễn cảnh cây xanh trở thành nguồn chiếu sáng bền vững trong tương lai.

Họ đã tiêm vào lá cây Echeveria Mebina các hạt strontium aluminate, loại vật liệu thường dùng trong đồ chơi dạ quang, có khả năng hấp thụ ánh sáng và phát sáng dần theo thời gian. Khi được đặt dưới ánh sáng mặt trời trong vài phút, cây có thể phát sáng liên tục trong vòng hai giờ và có thể sạc lại nhiều lần bằng cách tiếp xúc với ánh sáng. Nhóm nghiên cứu cho biết sau 25 ngày kể từ khi xử lý, lá cây vẫn duy trì khả năng phát sáng, thậm chí cả khi đã héo.

Trong thí nghiệm ứng dụng, các nhà khoa học đã ghép 56 cây thành một “bức tường” đủ sáng để nhìn thấy chữ viết, hình ảnh và người khi đứng ở khoảng cách 10 cm. Nhà sinh vật học Shuting Liu, đồng tác giả nghiên cứu, cho biết mục tiêu là biến những cây này thành một hệ thống chiếu sáng bền vững có thể hấp thụ ánh sáng ban ngày và phát sáng vào ban đêm.

Đá quý làm từ rau củ hết hạn

Anabela Chan - nhà kim hoàn tại London đã triển khai ý tưởng “biến rác thải thành giá trị”. Cô đã nghiên cứu và tạo ra một bảng màu tự nhiên đa dạng: màu đỏ và tím từ củ dền, xanh lam từ việt quất và táo xoắn, xanh lá từ rau bina, màu vàng từ các sắc tố tự nhiên có trong trái cây họ cam quýt và rau củ. Để tạo độ bền và độ bóng, Chan kết hợp các sắc tố với nhựa sinh học có nguồn gốc từ thực vật như ngô, đậu nành, agave và hạt bơ. Vật liệu thu được có thể gia công tương tự đá quý tự nhiên, thậm chí tạo hình.

Theo Chan, quy trình này tiêu tốn ít năng lượng hơn so với sản xuất đá tổng hợp truyền thống, do không cần nhiệt độ hay áp suất cao.

Bộ sưu tập Fruit Gems của Chan hiện gồm gần 40 thiết kế. Các sản phẩm lấy cảm hứng từ hình dạng tự nhiên, sử dụng tám loại “đá quý thực vật” và kết hợp với đá màu nuôi cấy. Phần lớn được chế tác trên nền vàng vermeil 18K.



Từ trái cây và rau củ bị bỏ đi, những thiết kế này cho thấy khả năng chuyển hóa của vật liệu trong ngành trang sức, đồng thời phản ánh xu hướng tìm kiếm giải pháp bền vững trong thiết kế hiện đại.

Cuộc đua tạo trải nghiệm trong ngành nhà hàng

Ý tưởng nhà hàng là nơi thực khách đến để có những khoảnh khắc đáng nhớ đã xuất hiện từ những năm 1980, khi truyền thông bắt đầu biến các đầu bếp nổi tiếng thành nhân vật của công chúng. Hình ảnh cá nhân của đầu bếp trở thành một phần của trải nghiệm ẩm thực.

Đến đầu những năm 2000, trải nghiệm còn được đẩy xa hơn khi thực khách trở thành một phần của màn trình diễn. Có những nhà hàng cho khách ăn trong bóng tối hoàn toàn để buộc họ dùng đến các giác quan khác khi thưởng thức món ăn. Một số nơi kết hợp bữa tối với âm thanh, ánh sáng, hình ảnh và mùi hương, hết như bước vào một sân khấu được đầu tư công phu.

Tại Pháp, một số chuỗi nhà hàng có những đàn cá mập bơi lội trên màn hình lớn trong không gian biển cả, hoặc cho thực khách dùng bữa trên nền dung nham giả. Thực đơn vẫn là những món quen thuộc của các nhà hàng hiện đại, nhưng được thiết kế để phù hợp với khung cảnh.

Một số đầu bếp lại mang đến sự giản dị trong không gian sang trọng. Tại nhà hàng Blue Bay (Monaco), đầu bếp Marcel Ravin mời thực khách thưởng lưu đứng dậy, dùng tay ăn tôm hùm với bánh mì sắn, theo cách ăn lấy cảm hứng từ truyền thống vùng Caribe, như một cách phá bỏ các quy tắc bàn tiệc kiểu quý tộc.

Tại nhà hàng mới của đầu bếp Bi Sang Hoon Degeimbre ở thủ đô Brussels, bữa tối được tổ chức giống như một vở kịch với thời gian bắt đầu cố định và thực đơn chia thành nhiều “hồi”. Nhưng điều khiến thực khách nhớ nhất không phải là hiệu ứng sân khấu, mà là cuộc trò chuyện thân tình với đầu bếp về gốc gác Hàn Quốc, công việc và đam mê của ông.

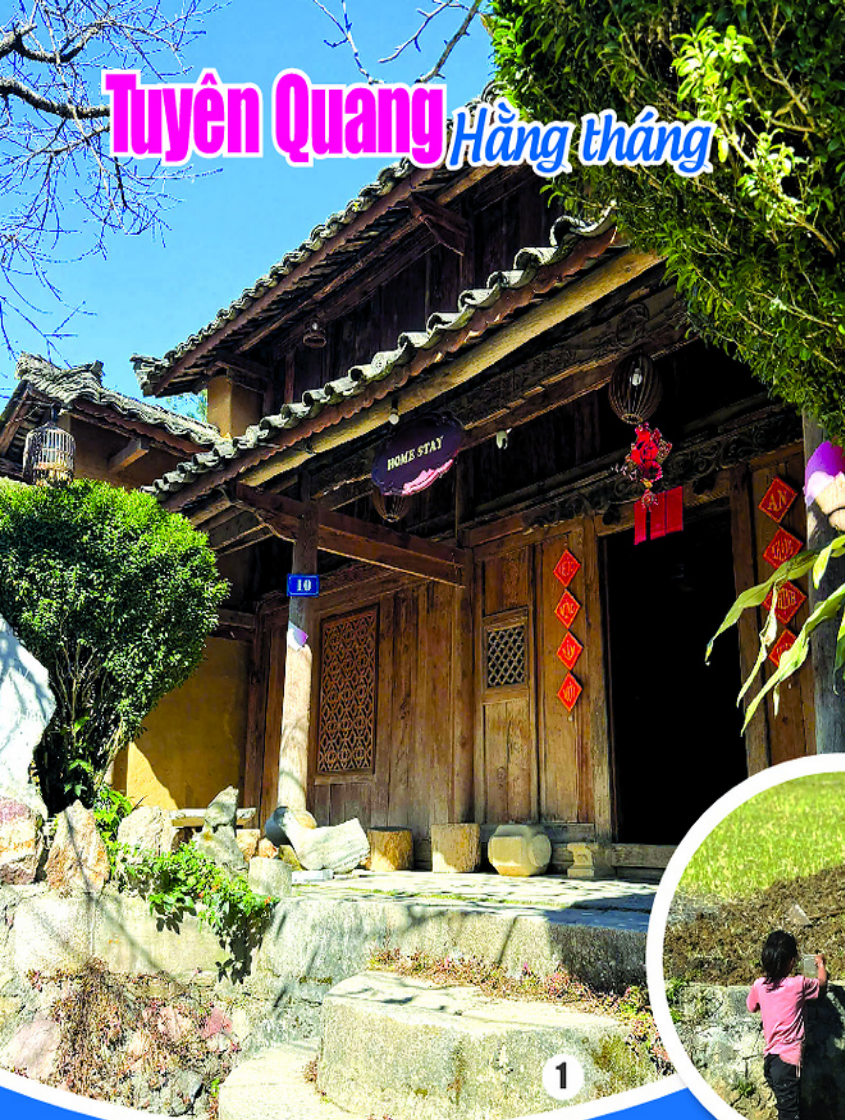
Bộ sưu tập Fruit Gems.
(Ảnh The Glossary Magazine)



Tại chuỗi nhà hàng Under The Sea ở Paris và Montpellier, thực khách dùng bữa giữa những con cá mập khổng lồ trên màn hình và một khu rừng tảo bẹ. (Ảnh Agence Melchior)

DUY ANH (Tổng hợp)

Tuyên Quang *Hàng tháng*



Những ngôi nhà và khu phố, chợ cổ có lối kiến trúc hàng trăm năm tuổi với vẻ đẹp cổ kính, thâm trầm (ảnh 1, 2, 3).

Trẻ em cũng tham gia giúp bố mẹ làm việc đồng.

Đồng Văn trong tôi

Phóng sự ảnh: MAI LINH

Không chỉ là đá, không chỉ là những đêm hội phố cổ cuối tuần, khi mà du khách Tây và ta cùng cháy hết mình trong những điệu nhảy. Đồng Văn với tôi là những nét bình yên với những làn khói chiều trên cánh đồng vừa qua vụ gặt. Những ánh mắt hồn nhiên của những đứa trẻ quần áo lấm lem bùn đất theo mẹ ra đồng...

Đồng Văn trong tôi còn là hình ảnh những chàng trai, cô gái người Mông bên nhau trên con đường nhỏ về nhà sau phiên chợ. Là những mái nhà cổ lạng lẽ bình yên giữa ồn ào, nơi điểm đến của hàng ngàn, hàng vạn du khách trong và ngoài nước. Là chùm khế vàng dưới bầu trời cao xanh, nơi ta đến, rồi đi và trở về, mang theo bao niềm thương, nỗi nhớ...



Thiếu nữ dân tộc Mông trong buổi tan chợ về.